

TẠP CHÍ

SỐ 400

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

TRANG NGHIÊM GIÁO HỘI



TRANG NGHIÊM GIÁO HỘI:
KỶ CƯƠNG - TRÁCH NHIỆM - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN



NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO
GÓP PHẦN XÂY DỰNG MỘT GIÁO HỘI
VỮNG MẠNH VÀ LAN TỎA



ĐOÀN KẾT - HÒA HỢP - TRƯỞNG ĐẠO TÂM
- TRANG NGHIỆM GIÁO HỘI



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Biên tập **Trương Ứng Minh**
Trần Hoài Vũ

Trị sự Tòa soạn **ĐD. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐD. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐD. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiaovn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

CHỦ ĐỀ: TRANG NGHIỆM GIÁO HỘI

- 6 Trang nghiêm Giáo hội: Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết - Phát triển (TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 12 Những giá trị của Phật giáo góp phần xây dựng một Giáo hội vững mạnh và lan tỏa (PGS.TS. Đỗ Lan Hiền)
- 18 Phát huy vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc xây dựng mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng góp phần trang nghiêm Giáo hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh (PGS.TS. Trần Thị Kim Oanh, ThS. Trần Thị Hằng)
- 28 Tăng Ni và cư sĩ góp phần trang nghiêm Giáo hội (SC. Thích Nữ Huệ Cảnh)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 34 Phát huy vai trò của Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (ThS. Hà Thị Xuyên)
- 42 Phổ hệ truyền thừa thiền phái Liễu Quán tại Phú Yên (ĐD.ThS. Thích Quảng Hiệp)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

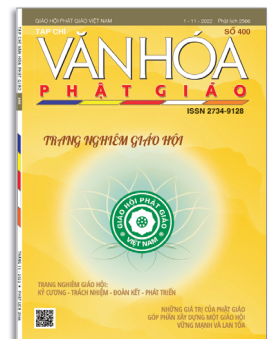
- 56 Tùng, Trúc, Mai Yên tử (Vũ Xuân Hồng)
- 60 Những ngôi chùa góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo của nước ta trên quần đảo Trường Sa (ThS. Đinh Thị Duyệt)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 70 Từ Kinh Devadaha đến quan điểm về nghiệp trong Đạo Phật (Tỳ kheo Thích Đức Kiên)
- 78 Bàn về sự ảnh hưởng của tinh thần Phật giáo trong tư tưởng vua Lê Thánh Tông (TS. Võ Thị Xuân Hương)
- 86 Đạo đức học Phật giáo qua ngũ giới (SC. Thích Nữ Huệ Nhật)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang

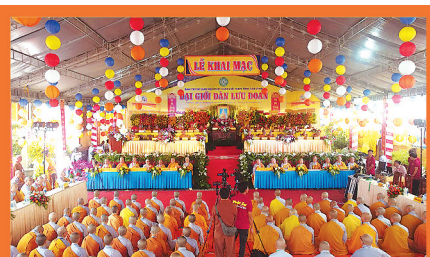


Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh
Thiết kế: Phương Nam

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI PHẬT GIÁO TOÀN QUỐC NHIỆM KỲ 2022-2027



ĐẠI GIỚI ĐÀN LƯU ĐOAN
DÒ BAN TRỊ SỰ GHPGVN
TỈNH TRÀ VINH TỔ CHỨC



KHÁNH THÀNH DI TÍCH TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG
TẠI MŨI NAI - HÀ TIÊN (KIÊN GIANG)



BAN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
TỔ CHỨC HỘI NGHỊ TƯ CHỈNH BẢN THẢO
HIẾN CHƯƠNG GHPGVN



GHPGVN ỦNG HỘ HƠN 220 TỶ
ĐỒNG QUỸ “VÌ NGƯỜI NGHÈO”
VÀ TẶNG QUÀ NGƯỜI DÂN
BỊ ẢNH HƯỞNG BẢO LỮ



MỘT SỐ HOẠT
ĐỘNG TỪ THIỀN
NỔI BẬT



BAN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TƯ GHPGVN
TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2017 - 2022

THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Sau hàng ngàn năm lịch sử, ánh đạo vàng của Đức Phật đã chiếu sáng khắp năm châu và dẫn dắt nhân loại đi theo chánh đạo. Có được vậy là nhờ liệt vị Tổ sư theo dấu chân Phật, thực hành đạo pháp, củng cố Tăng đoàn để tiếp nối đạo mạch, làm sáng ngời hình ảnh đấng Đạo Sư.

Xuyên suốt hơn 2.000 năm truyền thừa trên đất nước ta, chư Tăng Ni - Phật tử đã hòa hợp, đoàn kết một lòng quyết tâm thực hiện hoàn thành sứ mạng cao cả đồng hành cùng dân tộc. Dù mới chỉ thành lập hơn 40 năm nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã thể hiện được sức sống huyền nhiệm, kế thừa xứng đáng dòng Phật sử suốt gần 26 thế kỷ. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 2017-2022, ở thời điểm cả nước đương đầu với đại dịch Covid-19, GHPGVN đã thực sự kề vai sát cánh cùng lực lượng tuyến đầu chống dịch chăm lo an sinh xã hội cho nhân dân và thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, tăng cường vận dụng công nghệ thông tin để thuyết pháp online cho Phật tử.

Với tinh thần “Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết và Phát triển”, bằng trí tuệ bát nhã, người đệ tử Phật sẽ cần tiếp tục chánh tín Tam bảo, khi đã xác quyết với niềm tin bất động nơi Phật, Pháp và Tăng thì tâm Bồ-đề phải luôn kiên định, không thoái chuyển. GHPGVN chính là biểu tượng của ngôi Tăng bảo. Giáo hội vững mạnh thì đạo pháp hưng long. Xây dựng ngôi nhà Giáo hội trang nghiêm cũng chính là tôn kính Tam bảo, giúp đạo pháp mãi mãi trường tồn trên thế gian.

“Để việc xây dựng và phát triển GHPGVN phù hợp với yêu cầu của hiện nay, mỗi thành viên của Giáo hội cần nhận thức sâu sắc rằng dòng sinh mệnh đạo pháp tuần lưu trong lòng Giáo hội. Vậy nên, nhiệm vụ trọng yếu của người thừa hành Phật sự là phụng sự Giáo hội, xây dựng và củng cố Giáo hội bằng chính đạo lực tự thân”, Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương GHPGVN nhận định.

Hướng đến Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX vào các ngày 27, 28 và 29/11/2022, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 400 với chủ đề “Trang nghiêm Giáo hội”, hy vọng tất cả cùng phát huy trí tuệ tập thể, giữ gìn kỷ cương giới luật và nêu cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp trong quá trình xây dựng phát triển Giáo hội vững mạnh.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





TRANG NGHIÊM
GIÁO HỘI

TRANG NGHIỆM GIÁO HỘI: "KỶ CƯƠNG - TRÁCH NHIỆM - ĐOÀN KẾT - PHÁT TRIỂN"

TT. Thích Phước Đạt*

Kể từ khi Phật giáo du nhập vào nước ta đến nay đã hơn 2.000 năm. Quá trình phát triển đã hình thành nên đạo Phật Việt Nam mang bản sắc dân tộc Việt, với chủ trương xây dựng quốc gia Đại Việt độc lập tự chủ không chỉ trên vấn đề biên cương lãnh thổ mà còn trên mọi phương diện chính trị - kinh tế - văn hóa - giáo dục và cả tín ngưỡng tâm linh. Điều đó giúp Đại Việt không chỉ ba lần đánh bại quân xâm lược Mông - Nguyên, hướng đến quốc gia hòa bình thịnh vượng mà còn xây dựng được một nền Phật giáo thống nhất với một tổ chức *Giáo hội Phật giáo Nhất tông* ra đời vào thời Trần. Đây là tổ chức Giáo hội Phật giáo thống nhất đầu tiên trong lịch sử nước nhà, đặt nền tảng vững chắc giúp *Trang nghiêm Giáo hội* từ đó về sau.

Từ Giáo hội Phật giáo Nhất tông thời nhà Trần

Trải qua chiều dài lịch sử hào hùng của dân tộc, đến nay, tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trải qua 8 nhiệm kỳ phát triển và hướng đến nhiệm kỳ IX (2022-2027) cũng không ngoài mục đích tối hậu là *Trang nghiêm Giáo hội*. Trong ý nghĩa đó, Đại hội Phật giáo Toàn quốc nhiệm kỳ IX đề ra thông điệp: "**Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết - Phát triển**" là trọng tâm toàn bộ nội dung sinh hoạt Phật giáo Việt Nam. Trong đó, mỗi thành viên Giáo hội phải "*Tự thân trang nghiêm*" để hướng đến "*Trang nghiêm Giáo hội*". Đây cũng chính là nhiệm vụ hàng đầu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ đất nước hội nhập và phát triển toàn cầu.



Thực tế, ngay từ buổi đầu Phật giáo hình thành và phát triển ở Giao Châu, các Thiền sư đã thiết lập toàn bộ nội dung sinh hoạt Phật giáo bấy giờ là: “*Ở trong nhà là hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài xã hội là giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình là phải biết tu thân*” [1]. Đây được xem như kỷ cương của đoàn thể tăng già thời đó để ngăn chặn những thành viên vi phạm giới luật như: phạm trai, phá giới ở điều 16 *Lý hoặc luận* [2] ghi. Đến thời Lý, khi Phật giáo trở thành quốc giáo, việc gìn giữ kỷ cương trong đời sống tăng già càng được chú trọng hơn. Chính Thiền sư Đạo Huệ chủ trương nghiêm trì giới luật, Ngài đã chỉ dạy vi phạm kỷ cương giới luật là do tham ái mà ra [3]. Sang đời Trần, khi Phật giáo phát triển lên tầm cao, sử chép có 30.000 Tăng Ni tu học, tổ Pháp Loa phải thiết lập kỷ cương Giáo hội Phật giáo Nhất tông bằng văn bản *Khuyến chúng thượng thừa tam học*, đề khuyến giáo Phật tử, còn xuất gia từ tiểu tăng cho đến đại tăng phải tu giữ gìn 5 giới của Phật tử, 10

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức điều hành Phật sự trong tinh thần thực thi kỷ cương, trách nhiệm, đoàn kết, phát triển, với sứ mệnh hoằng dương chánh pháp trong thời đại mới. (Ảnh Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc tặng hoa chúc mừng Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Thông Nhất/TTXVN)



Trải qua chiều dài lịch sử hào hùng của dân tộc, đến nay, tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã trải qua 8 nhiệm kỳ phát triển và hướng đến nhiệm kỳ IX (2022-2027) cũng không ngoài mục đích tối hậu là Trang nghiêm Giáo hội. (Ảnh Hội nghị Thống nhất Phật giáo (được coi như Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ I) diễn ra tại chùa Quán Sứ - Hà Nội - Suru tâm).

giới của Sa di, 250 giới của Tỳ kheo để quản lý Tăng Ni trong một chỉnh thể tăng già thống nhất [4]. Còn Sơ tổ Trúc Lâm chủ trương xây dựng Giáo hội trang nghiêm bằng tuyên ngôn: “*Sạch giới lòng, dỗi giới tướng, nội ngoại nên Bồ tát trang nghiêm*” [5]. Khi đề ra tôn chỉ và mục tiêu như vậy, Giáo hội muốn tự thân mỗi người con Phật trang nghiêm bằng giới luật, thành tựu phẩm hạnh, là mẫu người lý tưởng Bồ tát để phụng sự đạo pháp. Điều này cũng có nghĩa khi mọi thành viên đều thực thi hành trì như thế, tức là góp phần tạo nên một Giáo hội trang nghiêm, đồng hành cùng dân tộc, góp phần xây dựng quốc gia Đại Việt hưng thịnh.

Rõ ràng, Giáo hội Phật giáo Nhất tông thời Trần là một Giáo hội có tổ chức quản trị hành chánh chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; từ trong tôn chỉ, chủ trương đường lối cho đến nội dung sinh hoạt ở nhiều phương diện. Không phải ngẫu nhiên hàng năm, Giáo hội đều tổ chức kiểm tăng, thiết lập đạo tràng An cư kiết hạ cấp quốc gia

tại chùa Vĩnh Nghiêm, trung tâm Phật giáo Yên Tử, Quỳnh Lâm... với quy củ thiền môn, dưới sự hộ trì chánh pháp của triều đình như là điều kiện thuận duyên để phát huy sức mạnh nội tại của thực thể tăng già trong tinh thần hoà hợp thanh tịnh. Có thể nói, thiết lập kỷ cương của Phật giáo Nhất tông chính là cơ sở thể hiện tinh thần trách nhiệm của từng thành viên tăng già đối với Giáo hội và đất nước. Bởi Phật giáo Đại Việt đặt sự tôn vong và phát triển của Giáo hội trong sự tôn vong, phát triển hưng thịnh của đất nước.

Tam tổ thực lục ghi nhận việc tổ Pháp Loa đã chỉ ra những sai lầm khi các tăng sĩ không thực thi giới hạnh là thiếu trách nhiệm hoằng dương Chánh pháp, báo Phật ân đức, được xem là không có sự hoà hợp thanh tịnh trong bản thể tăng già. Về mặt tu tập, Tổ Pháp Loa nói, mỗi người thiếu sự thực thi hành trì giới, thì không có tịnh giới, không có tịnh giới thì không có định lực, không có định lực thì không có trí tuệ, không có trí tuệ thì đi vào con



Mỗi thành viên Giáo hội phải “*Tự thân trang nghiêm*” để hướng đến “*Trang nghiêm Giáo hội*”. Đây cũng chính là nhiệm vụ hàng đầu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ đất nước hội nhập và phát triển toàn cầu. (Ảnh Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc trao Huân chương Độc lập Hàng Nhất cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam - mattran.org.vn)

đường thiền si. Đây cũng là chương duyên phát triển Giáo hội mang tính vững bền. Và như thế, thông điệp “*Sạch giới lòng, dỗi giới tướng, nội ngoại nên Bồ tát trang nghiêm*” của Giáo hội Phật giáo Nhất tông đời Trần chẳng khác gì Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ IX đề ra chủ trương, đường lối hoạt động là “*Kỷ cương - Trách nhiệm - Đoàn kết - Phát triển*” để trang nghiêm Giáo hội.

Đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam, được thành lập vào năm 1981, đến nay đã qua hơn 40 năm hoạt động với những thành tựu nổi bật được đúc kết sau 8 nhiệm kỳ. Đây là sự tiếp nối truyền đăng mạng mạch Phật pháp từ xưa đến nay trên tinh thần *Trang nghiêm Giáo hội* chính là trang nghiêm về giới luật tự thân của mỗi thành viên, về mặt tổ chức là thực thi tu đạo, hành đạo theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và sống tuân thủ theo Hiến pháp nước nhà.

Việc thực thi nghiêm ngặt kỷ cương như là khuôn pháp mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam đề ra, dưới sự chỉ đạo tối cao của Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự (từ 6 ban ngành khi Giáo hội mới thành lập, nay đã phát triển thành 13 chuyên ngành, viện hoạt động chuyên môn). Trải qua 6 lần tu chỉnh Hiến chương, các ban ngành đã cùng hoạt động với Giáo hội địa phương đưa Phật giáo Việt Nam lên tầm cao mới, có vị trí và vai trò trong sự nghiệp phát triển đất nước, hội nhập toàn cầu. Trong xu thế tất yếu của thời đại, Phật giáo Việt Nam đã hòa nhập vào đời sống xã hội, vì vậy, ở nhiệm kỳ IX này, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã kiện toàn hệ thống điều hành tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Đây cũng được xem là chiến lược phát triển của Giáo hội mang tính vững bền để tạo nên sức mạnh nội tại với tâm thế mới và tầm nhìn mới trong thời đại mới.

Kết quả, với sự lãnh đạo của tập thể chư Tôn đức Hội đồng Trị sự, công tác điều hành Phật sự đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam, được thành lập vào năm 1981, đến nay đã qua hơn 40 năm hoạt động với những thành tựu nổi bật được đúc kết sau 8 nhiệm kỳ. Đây là sự tiếp nối truyền đăng mạng mạch Phật pháp từ xưa đến nay trên tinh thần *Trang nghiêm Giáo hội* chính là trang nghiêm về giới luật tự thân của mỗi thành viên, về mặt tổ chức là thực thi tu đạo, hành đạo theo Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và sống tuân thủ theo Hiến pháp nước nhà.



công tác Phật sự, giúp Đại hội Đại biểu Phật giáo các cấp đi vào nề nếp, ổn định, đáp ứng nhu cầu cho sự kế thừa của các cấp Giáo hội. Đến nay, Ban Chỉ đạo cho công tác Đại hội các cấp hầu như hoàn tất, để hướng về Đại hội Phật giáo Toàn quốc lần thứ IX sắp diễn ra vào cuối tháng 11/2022. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ này, dấu ấn kỷ cương của Giáo hội thể hiện rõ nét và vận dụng trong chương 5 (Hội đồng Trị sự), điều 21 với quy định về tiêu chuẩn và thời hạn làm việc của thành viên tham gia Hội đồng Trị sự không quá 80 tuổi; mỗi thành viên không kiêm nhiệm quá 2 chức danh trong Ban Thường trực Hội đồng Trị sự; mỗi chức danh không quá 3 nhiệm kỳ. Đây chính là mô hình tổ chức điều hành phù hợp với xu hướng thời đại, vừa kế thừa vừa phát triển trong tinh thần hội nhập và bền vững.

Rõ ràng, với sự thành tựu về kỷ cương như vậy, đây chính là cơ sở, là động lực để Giáo hội Phật giáo Việt Nam thể hiện vai trò và trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo Giáo hội phát huy mọi tiềm năng, sức mạnh trong cộng đồng xã hội. Suy cho cùng, sức mạnh của Giáo hội chính là bản thể tăng già thanh tịnh hoà hợp trong từng thành viên. Nói cách khác, đây chính là sức mạnh đại đoàn kết của Giáo hội

Trung ương đến địa phương trong một chủ thể thống nhất bất khả phân ly. Chính tinh thần đại đoàn kết này có khả năng kết nối không chỉ tăng già, Phật tử mà cả cộng đồng xã hội trong việc phát huy sức sáng tạo vô tận của trí tuệ hiểu biết và trái tim yêu thương của toàn dân để tham gia đóng góp cho đạo pháp, cho dân tộc. Và như thế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong vai trò, trách nhiệm vị thế của mình là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tích cực đóng góp cho xã hội, dân tộc trong tiến trình xây dựng đất nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, sánh vai các cường quốc năm châu.

Sau cùng, mục tiêu tối hậu của người học Phật là hướng đến sự giải thoát. Đời sống sinh hoạt Phật giáo giúp xây dựng nếp sống hướng thiện, tự hoàn thiện bản thân, đầy đủ giới đức, tâm đức, tuệ đức, tức tự mình góp phần trang nghiêm Giáo hội. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức điều hành Phật sự trong tinh thần thực thi kỷ cương, trách nhiệm, đoàn kết, phát triển, với sứ mệnh hoằng dương chánh pháp trong thời đại mới. Đạo Phật hiện hữu và đi vào đời nhằm giúp đời thêm sáng tươi. Vì vậy, chương trình hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nhiệm kỳ mới chắc chắn có thêm những sách lược, định hướng thể hiện tầm nhìn trí tuệ, phù hợp với tình hình thực tiễn. Bởi lẽ, tư duy Phật giáo là tư duy biện chứng duyên khởi, tính duyên khởi cho ta thể nhập tu đạo, hành đạo thích ứng với xu hướng phát triển của xã hội và thời đại. Giáo hội chính là nguồn nhân lực đầy đủ phẩm chất đạo hạnh, có trí tuệ khai mở do Phật giáo Việt Nam đào tạo qua hệ thống giáo dục Phật giáo. Nói cách khác, nguồn nhân lực này là sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, từ đó có nhiều đóng góp thiết thực cho đất nước và Giáo hội trong hiện tại và tương lai...

Chú thích:

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Mâu Tử (tập 2)*, Tu thư Vạn Hạnh, Sài Gòn, tr.511.

[2] Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu về Mâu Tử (tập 2)*, Tu thư Vạn Hạnh, Sài Gòn, tr.520.

[3] Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga (chú và dịch, 1990), *Thiền uyển tập anh*, Nxb. Văn học, tr.99.

[4] Thích Phước Phước dịch và chú (1995), *Tam tở thực lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.66 - 67.

[5] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần (tập 2)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.507.



HOẢNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoảng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoảng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO GÓP PHẦN XÂY DỰNG MỘT GIÁO HỘI VỮNG MẠNH VÀ LAN TỎA



Đỗ Lan Hiền*

LTS: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng bài viết *Những giá trị của Phật giáo góp phần xây dựng một Giáo hội vững mạnh và lan tỏa* của PGS.TS. Đỗ Lan Hiền. Đây là bài tham luận trích từ Hội thảo *Phát huy vai trò của Tăng, Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc* được Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ), tổ chức vào tháng 1/2022.

Thái tử Siddhartha Gautama của Ấn Độ cổ đại xuất gia tu học và giác ngộ được chân lý để thành Phật (Buddha), thành Phật rồi Ngài hướng dẫn chúng sinh thực hành Phật pháp. Song, thực hành Phật pháp là sâu rộng, không chỉ hướng đến sự giải thoát hay giác ngộ tinh thần trừu tượng, cũng không phải là một sự mặc khải hay quyền uy mà một trong những thực hành thiết thực nhất (đặc biệt ở giai đoạn đầu của con đường) là sự cho đi, là bố thí, đặc biệt là pháp thí (khai mở trí tuệ), điều đó đã tạo nên những giá trị cho Phật giáo không lẫn lộn với các giá trị của các tôn giáo khác, tạo nên một sức mạnh để Phật giáo lan tỏa khắp nhân gian.

SỰ TIẾP NHẬN PHẬT GIÁO

Phật giáo truyền vào Việt Nam theo cả hai phương vị Bắc và Nam, qua nhiều thời kỳ, tiếp xúc với nhiều đặc tính văn hóa, phong tục bản địa, trải qua nhiều thăng trầm, Phật giáo đều được tiếp nhận cả trong tầng lớp tinh hoa và giới bình dân của xã hội. Giới tinh hoa tiếp hợp Phật giáo vì tìm thấy ở nó một hệ thống khái niệm triết học phong phú và uyên bác, phương pháp tư duy biện chứng có thể giúp nâng tầm tư duy người Việt. Giới cầm quyền tiếp nhận Phật giáo vì đã nhìn thấy một thể cân bằng trên phương diện tâm - thức xã hội (Nho giáo được sử dụng như một thứ công cụ quản lý xã hội trong một trật tự đẳng cấp khắt khe chuyên chế từ trên xuống, thì Phật giáo dường như lại “cởi trói” cho con người, với tinh thần từ bi



Phật giáo chủ trương không bàn nhiều đến các vấn đề siêu hình học triết học, những vấn đề tư biện trừu tượng đó chỉ là phương tiện như “chiếc bè” và “ngón tay” giúp giáo chúng đạt đến trạng thái “Niết bàn” của sự giải thoát. Phật giáo cũng không chủ trương dùng ngôn ngữ để giải thích Phật pháp vì ngôn ngữ là “động” mà Phật pháp là “tĩnh” lấy cái “động” để giải thích cái “tĩnh” thì càng nói càng trừu tượng, càng giải thích càng khó hiểu, nên tín đồ phải tự chiêm nghiệm, tự trải nghiệm để giác ngộ - đó chính là lối học thực hành - Tu là Hành.



Phật giáo đề cao vô ngã nhưng không loại bỏ chủ nghĩa cá nhân mà chỉ lưu ý rằng, con người không tồn tại độc lập mà phải nương tựa vào cái khác, người khác đề cùn tồn tại, tất cả chúng ta đều được gắn kết bởi các yếu tố chung.

hỷ xả, khoan thư sức dân, không đầy ải và giết hại công thần, nâng đỡ, giải thoát cho con người, giúp họ bớt nhọc nhằn căng thẳng).

Còn giới bình dân tiếp nhận Phật giáo vì Phật giáo với tinh thần uyển chuyển, mềm mại, không ép buộc người Việt phải từ bỏ phong tục, tập quán, thói quen của mình để theo đạo. Phật giáo đã tìm hiểu phong tục, tập quán, văn hóa, nếp sống của người Việt để truyền đạo, hành đạo, sống đạo theo phong cách, nhu cầu, lễ thói của người Việt. Khi đến với Phật giáo, người dân không quá lo sợ về một thế giới siêu nhiên thần thánh, mà quý với sức mạnh vô biên có thể trừng phạt họ. Phật giáo cũng không hướng con người đến cái gọi là số phận hay định mệnh. Với Phật giáo, định mệnh là do con người, là kết quả của Nghiệp do Thân, Khẩu, Ý mà ra. Và Nghiệp không phải là bất di bất dịch mà vẫn có thể thay đổi hay chuyển được Nghiệp của mình. Vũ trụ quan, nhân sinh quan đó của Phật giáo là sự thống nhất đầy ý

nghĩa của bản năng, của kinh nghiệm vạn vật và của cả lý tính. Phật giáo đã tạo cho người dân một niềm hy vọng, một sự tự tin, không trốn tránh thực tại, không trông chờ, ỷ vào tha lực, vào thánh thần mà phải nỗ lực tu thân tích đức để chuyển Nghiệp.

Chùa là “*bùa*” làng, Phật là “*ông Tiên, ông Bụt*” nhưng không cao siêu mà gần gũi thân quen. Tăng Ni với lối sống đạo dung dị, khép mình, trí tuệ không phô diễn ở bề ngoài mà nén lại ở chiều sâu, nên người dân nể trọng tu sĩ và các bậc cao Tăng. Họ đến với Phật giáo, họ tôn thờ Phật, tôn thờ Pháp cũng bởi sự dẫn dắt, hướng đạo của tầng lớp tu sĩ trung gian này.

Phật giáo có hai phép tu căn cốt là Thiền và Tịnh với mục đích thực hành tu luyện, nội quán tâm, tính để đạt đến trạng thái vô niệm, giải thoát. Thiền là một thực hành thiết yếu đối với hầu hết các bậc tu hành và cả Phật tử. Người tu hành thực hành Thiền để tập

trung tâm trí, để đạt được sự tĩnh lặng bên trong, để tìm được chân lý và sự thật ở bên ngoài từ trong chính mình. Thiền còn có nghĩa là dẫn đến trạng thái giác ngộ. Mặc dù Thiền định vốn phù hợp với những tu sĩ có căn tính, tu ở tầm cao chuyên nghiệp, nhưng Thiền với tầng lớp giáo chúng có nhiều hình thức: chỉ cần ngồi tĩnh lặng ngắm nhìn một không gian, phong cảnh đẹp cũng là Thiền; Thiền cũng có thể là một môn luyện dưỡng sinh để nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất hay tập trung cao độ để suy ngẫm về một vấn đề gì đó; Thiền cũng có nghĩa là học cách buông, xả, bình tĩnh, đối diện với thực tại để không cảm thấy mọi trách nhiệm là gánh nặng, mọi khó khăn là sức ép với mình và khi gặp những bất trắc thì tìm ra lối thoát thông minh nhất, không cực đoan; Thiền cũng có thể là tụng niệm hay sử dụng một Mandala (Mạn-đà-la), lập đàn tràng, bày lễ vật, pháp khí để cầu nguyện, tu luyện... Nói chung, việc hành Thiền trở nên phong phú, thiết thực và đơn giản, nên rất được người Việt (cả bình dân và trí thức) ưa chuộng.

Phật giáo chủ trương không bàn nhiều đến các vấn đề siêu hình học triết học, những vấn đề tư biện trừu tượng đó chỉ là phương tiện như “chiếc bè” và “ngón tay” giúp giáo chúng đạt đến trạng thái “Niết bàn” của sự giải thoát. Phật giáo cũng không chủ trương dùng ngôn ngữ để giải thích Phật pháp vì ngôn ngữ là “động” mà Phật pháp là “tĩnh” lấy cái “động” để giải thích cái “tĩnh” thì càng nói càng trừu tượng, càng giải thích càng khó hiểu, nên tín đồ phải tự chiêm nghiệm, tự trải nghiệm để giác ngộ - đó chính là lối học thực hành - Tu là Hành. Song, để giúp tín đồ đạt được trạng thái đó, Phật giáo đã kiến tạo một nền tảng triết học cho niềm tin vào sự giải thoát và con đường đạt đến sự giải thoát với một hệ thống khái niệm rất sâu sắc như: Sắc, Không, Vô thường, Vô ngã, Hư - Không, Chân như, Bản thể, Tâm, Thân, Thức, Tướng, Niệm, và con đường tu tập theo Tam học (Giới - Định - Tuệ) quả là khó khăn với tầng lớp giáo chúng. Song, Phật giáo lại chọn con đường Trung đạo (không quá thiên về tư tưởng trừu tượng, không quá phức tạp về lễ nghi, không quá chấp vào văn tự, kinh sách để cầu đạo, cũng không ép giáo chúng phải khổ hạnh để thành Phật). Nên, người dân và cả giới trí thức đến với Phật giáo trong trạng thái an nhiên tự tại, “tu” là “hành” (thực hành điều thiện), tu là “sửa” (sửa nghiệp),

tu khi đi làm đồng, tu khi ở chợ (nhất tu thị, nhị tu sơn), tu tại gia (nhất tu tại gia, nhị tu chợ, ba tu chùa). Lối học đạo trung dung đó rất phù hợp với tâm tính, sở nguyện của người Việt.

PHẬT GIÁO KHÔNG XA RỜI THỰC TẠI

Phật giáo là một tôn giáo nhưng không xa rời thực tại, nó khởi phát từ thực tiễn đầy khổ đau của con người, nên cũng bắt đầu bằng những tiền đề rất cơ bản là hướng dẫn con người cách vượt qua khổ đau và cuối cùng đạt đến sự siêu việt không phải là siêu nhiên thần thánh, mà chính là “trí tuệ” để con người nhận thức được rằng: Mọi thứ trong cuộc sống đều vô thường và luôn thay đổi; không có gì là vĩnh viễn, nếu chúng ta sống mà chỉ dựa trên sự sở hữu những thứ vô thường đó sẽ không làm cho chúng ta hạnh phúc. Không có linh hồn vĩnh cửu bất biến, bản ngã chỉ là tập hợp những đặc điểm hay thuộc tính luôn thay đổi mà thôi. Do vậy, dù Phật giáo là một tôn giáo, nhưng nó là một tôn giáo vượt lên trên khả tính “Thượng đế” và “thần thánh”, mặc dù có phân chia sinh giới ra làm 6 loại: Trời, người, A-tu-la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, nhưng “Trời” không phải là tối hậu như trong các triết thuyết tôn giáo khác. “Trời” cũng phải tuân theo luật nhân - duyên, không trường tồn và vĩnh hằng, không tồn tại độc lập mà phải nương tựa vào cái khác để tồn tại, có sinh có diệt, cái này diệt thì cái kia cũng diệt.



Siddhartha Gautama đã làm nên một tôn giáo thành công trên cả hai phương diện Đạo và Đời, tạo nên giá trị cho Phật giáo khác biệt với các tôn giáo khác và không lẫn với các giá trị thế tục, tạo nên “sức mạnh” cho Phật giáo lan tỏa khắp nhân gian.

Vì là một tôn giáo nên Phật giáo cũng chú trọng đến những giá trị tinh thần, tâm linh chứ không phải là vật chất hay thể xác. Nhưng Phật giáo chỉ khinh chê vật chất nếu nó hướng đến thứ vật chất tù đọng, tầm thường. Vật chất và thể xác khi được tinh thần hóa nó sẽ vẫn giải thoát khỏi những dục vọng bản năng và sự hưởng thụ tầm thường. Phật giáo đề cao sự kiềm dục (không có quá nhiều khoái cảm nhục dục, kiểm soát tham - sân - si), nhưng Phật giáo lại đi sâu vào nghiên cứu những cái bản năng, dục tích, cái ngã, cái siêu ngã, tiềm thức trong con người không phải để buộc tín đồ phải chối bỏ và diệt dục hoàn toàn vì đó là trái với bản tính con người, mà để hướng dẫn họ kiểm soát được cái dục của mình, vượt lên trên sự quyến rũ của bản năng để giữ sự quân bình, điều hòa. Phật giáo đề cao vô ngã nhưng không loại bỏ chủ nghĩa cá nhân mà chỉ lưu ý rằng, con người không tồn tại độc lập mà phải nương tựa vào cái khác, người khác để cùng tồn tại, tất cả chúng ta đều được gắn kết bởi các yếu tố chung.

Thời hiện đại, con người và xã hội đương đại đang rơi vào cảm giác “*khủng hoảng*” bởi sự phát triển dường như đi đến cùng cực của những vấn nạn thời đại: ô nhiễm môi trường, thiên tai, biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, chiến tranh, khủng bố, đói nghèo, dịch bệnh, ma túy, tự tử, giết người,... Nói chung, chỉ số an toàn sinh tồn (*Existing safety*) đang đề nặng lên tâm trí khiến người dân (không chỉ là những Phật tử đã quy y Tam bảo hay cư sĩ tại gia) đến chùa đông hơn. Họ đến chùa để được nghe giảng Phật pháp; để tu học; để tập thiền nâng cao sức khỏe, để kiểm soát tham, sân, si; để làm lễ hằng thuận vợ chồng; để báo hiếu; để cai nghiện; để học lối sống thanh tịnh, vô vi của các nhà sư tiếp thêm cho họ sức mạnh để họ vượt qua cuộc sống bộn bề lo toan. Như vậy, Phật giáo đã trở thành điểm tựa an định tinh thần với đầy đủ ý nghĩa nhân văn tích cực của nó.

Vào các thập niên cuối của thế kỷ XX, Phật giáo với tinh thần “*vô ngã*” lại có thể thâm nhập vào được những xã hội phương Tây vốn được xem là mảnh đất dung dưỡng cho chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa duy vật chất, duy khoa học đến mức cao nhất. Sự lan truyền của Phật giáo sang châu Âu cũng không phải bằng con đường “*cưỡng bức*” từ trên xuống hay từ ngoài vào, cũng không phải

bằng những hệ thống khái niệm có tính chất triết lý tư biện trừu tượng vốn là đặc thù của tư duy phương Tây. Trái lại, Phật giáo được đón nhận rất tự nguyện, với một niềm say mê, một sự nhận thức đầy xác tín và trải nghiệm tâm linh thực tiễn của chính bản thân giới thức giả châu Âu như: Schopenhauer, Michel Hulin [1], Jean-Claude Zandman [2],... Friedrich Nietzsche - một triết gia người Đức cuối thế kỷ XIX, người có nhiều ảnh hưởng đến chủ nghĩa hiện sinh (existentialism), chủ nghĩa hậu hiện đại (postmodernism), phân tâm học (psychoanalysis) và nhiều tư tưởng khác nữa.

Chúng ta bàn nhiều đến các giá trị văn hóa, tinh thần của Phật giáo, còn giá trị kinh tế của Phật giáo thì sao? Đầu thế kỷ XX, một nhà xã hội học người Đức nổi tiếng với những ân phẩm tôn giáo học của ông - Max Weber - khi so sánh các tôn giáo Ấn Độ, M.Weber đã cho rằng, các truyền thống tôn giáo Đông phương thường chỉ bàn đến sự cứu rỗi, mà bỏ qua các vấn đề trách nhiệm xã hội, bỏ qua đời sống kinh tế. Một khẳng định sai lầm của ông là, Phật giáo nguyên thủy cũng không ngoại lệ, cũng chỉ tìm kiếm “*trạng thái tâm linh*”, theo đuổi một lý tưởng “*Bồ tát và La Hán*” hoàn toàn tách rời khỏi “*thế giới*” của hành động lý tính, loại bỏ mọi hoạt động cả bên trong và bên ngoài thế giới. Theo nghĩa này, M.Weber đã không bàn đúng và đầy đủ đến giá trị của Phật giáo đối với lĩnh vực kinh tế và trách nhiệm xã hội. Quan điểm này của M.Weber thúc ép hướng nghiên cứu kinh tế học Phật giáo để chúng ta không bỏ lỡ sự tinh tế và cụ thể của Phật giáo với các vấn đề kinh tế.

Trên cơ sở một vài văn bản học cổ cho thấy, các Sramana (Sa môn hay Tỷ kheo) trong phong trào xuất gia của Siddhartha Gautama (thời Đức Phật) vào thế kỷ thứ V TCN là một thời đại của đô thị hóa, mở rộng buôn bán, quan hệ thương mại và lưu hành tiền tệ. Chúng ta có đầy đủ các nguồn tài liệu tham khảo để chứng minh những dấu vết sớm nhất về đời sống Phật giáo của Tăng đoàn thời kỳ đó bao gồm các lễ hành, thức giả và cả thương gia,... Những nguồn tài liệu như vậy truyền đạt rằng, Phật giáo có liên hệ với sự phát triển kinh tế và mở rộng thương mại. Các cộng đồng Phật giáo truyền thống lúc đó đã phát triển mạnh khi có các điều kiện chính trị - xã hội ổn định và họ có thể tạo ra sự thịnh vượng về kinh tế và thặng dư vật



Sinh thời, Siddhartha Gautama xuất gia tu học để giác ngộ chân lý và thành Phật và tạo nên kho báu Tam bảo (Phật - Pháp - Tăng) để chúng sinh đời sau nương tựa vào.

chất cần thiết để duy trì các quần thể tu viện và đời sống của tăng đoàn. Đức Phật không ca ngợi sự “*khô hạnh và nghèo đói*” như một con đường dẫn đến hạnh phúc thế gian hoặc giải thoát khỏi luân hồi. Điều mà Phật thường xuyên nhắc đến là sự mãn nguyện, hài lòng dù chỉ là biết đủ (Santutthi/tri túc) và ham muốn hạn chế (appicchata/thiểu dục), nhưng Phật cũng khuyến khích cả sự tích lũy của cải, Phật khen ngợi Thánh tăng Sivali (là một vị La Hán được tôn kính rộng rãi trong Phật giáo Nguyên thủy, biểu tượng của tài lộc dồi dào và bảo trợ xua đuổi những điều xui xẻo). Mặc dù Đức Phật chưa bao giờ giảng dạy cụ thể về kinh tế học, nhưng những lời dạy về bốn điều kiện cần thiết (thực phẩm, quần áo, chỗ ở và thuốc men) xuất hiện xuyên suốt Kinh điển Pāli. Về bản chất, tất cả những giáo lý liên quan đến bốn điều kiện trên đều thuộc về phạm trù kinh tế học hoặc ít nhiều nó cũng có giá trị như một bài giảng dạy, hướng dẫn về hoạt động kinh tế. Ngày nay, sự thịnh vượng của Phật giáo ở cả châu Á và châu Âu (về Tăng đoàn, về cơ sở thờ tự và hoạt động an sinh xã hội) đã chứng minh cho năng lực và xu hướng kinh tế của Phật giáo.

LỜI KẾT

Sinh thời, Siddhartha Gautama xuất gia tu học để giác ngộ chân lý và thành Phật và tạo nên kho báu Tam bảo (Phật - Pháp - Tăng) để chúng sinh đời sau nương tựa vào. Siddhartha Gautama đã làm nên một tôn giáo thành công trên cả hai phương diện Đạo và Đời, tạo nên giá trị cho Phật giáo khác biệt với các tôn giáo khác và không lẫn với các giá trị thế tục, tạo nên “*sức mạnh*” cho Phật giáo lan tỏa khắp nhân gian.

Chú thích:

* PGS.TS Đỗ Lan Hiền, Viện trưởng Viện Tôn giáo và Tin ngưỡng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

[1] Giáo sư giảng dạy bộ môn triết học Tây giáo tại Đại học Sorbonne (Pháp). Triết học tây giáo là môn khoa học về tôn Giáo, mục đích là nghiên cứu tìm hiểu các tôn giáo trên thế giới, hướng đến sự khoan dung, không cố chấp, hòa đồng giữa các tôn giáo với đức tin chung là chỉ có một đấng Thượng Đế (qua nhiều danh từ) chứ không phải đa thần như thời thượng cổ. Nghiên cứu tôn giáo trong sự so sánh các khía cạnh: nguồn gốc, đặc điểm, ngôn ngữ, giáo chủ, triết lý, tổ chức, giới luật, kinh sách, di, đồng để đi đến nhận định tổng quát là vạn giáo nhất lý.

[2] Bác sĩ tâm thần, người đã thực tập Thiền định Phật giáo trong suốt cuộc đời.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO TRONG VIỆC XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG GÓP PHẦN TRANG NGHIỆM GIÁO HỘI VÀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VỮNG MẠNH



Trần Thị Kim Oanh, Trần Thị Hằng*

DẪN NHẬP

Tham gia xây dựng các mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng góp phần trang nghiêm giáo hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh là một phần không thể thiếu của mọi tôn giáo, trong đó có Phật giáo. Với nguyên lý “*Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật*” và với tinh thần từ bi, nhân ái, nhập thế, Phật giáo trong hơn 2.000 năm qua đã làm nên “*máu thịt*” Việt Nam. Phải nói rằng, ngay từ đầu du nhập Phật giáo đã đồng hành cùng dân tộc vượt qua mọi gian nan khó khăn để xây dựng đất nước, trong thời đại ngày nay Phật giáo cùng đồng bào tiến bước lên Chủ nghĩa xã hội. Nhằm thực hiện được ước nguyện đó, Phật giáo đã có những đóng góp nhất định vào công việc giáo dục chung trong cộng đồng dân tộc Việt Nam trong những năm qua và cả hiện nay. Nên đã có hàng nghìn trang giấy viết về chủ đề này nhưng vẫn chưa bộn bộn được hết. Bởi giáo dục tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng không chỉ đơn thuần được hiểu là dạy chữ hay tụng kinh niệm Phật, nghe giảng pháp mà giáo dục Phật giáo chính là: Giáo dục trí tuệ; Giáo dục đạo đức; Giáo dục về sức khỏe; Giáo dục thiên hướng nghề nghiệp [1]. Hoặc nói như nhà nghiên cứu Nguyên Hảo, nền tảng của sự tu tập trong Phật giáo chính là: Giới, Định và Tuệ.



Với tinh thần trách nhiệm ưu đời mẫn thể, những tín đồ Phật tử đã không tiếc thời gian, sức lực, tiền của, họ đóng góp vật chất lẫn tinh thần, chung sức đồng lòng cùng các tu sĩ mở nhiều lớp học tình thương, nuôi dạy trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi... tổ chức nhiều đợt tuyên truyền phổ biến kiến thức cơ bản, giáo dục kỹ năng sống phòng tránh HIV/AIDS cho cộng đồng; tư vấn, giúp đỡ, tổ chức thăm viếng, tặng quà, phát thuốc cho người nhiễm HIV/AIDS.

Mô hình giáo dục Phật giáo thể hiện rõ trong triết lý giáo dục nhân bản của hệ thống giáo dục, đó là: vì con người, lấy con người làm gốc. Con người là trung tâm nhưng cũng là một bản thể ý thức về những người khác, tôn trọng và phục vụ cộng đồng, đặc biệt với các Phật tử luôn chú trọng nhất là cách học làm người qua thực hành tín ngưỡng hoặc qua việc làm từ thiện để từ đó người Phật tử có không gian để trải nghiệm, khám phá, phát hiện những vấn đề cần giải quyết xung quanh mình.

Do vậy, giáo dục Phật giáo nhìn tổng thể chính là sự hoàn thiện con người trong tính nhân bản, để con người phát triển một cách toàn diện và từ đó con người có được nhận thức đúng đắn đem lại sự đoàn kết toàn dân, xây dựng nước nhà vững mạnh theo phương châm đường hướng hành đạo của Phật giáo Việt Nam “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”.

NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA MÔ HÌNH GIÁO DỤC PHẬT GIÁO PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Mô hình giáo dục Phật giáo thể hiện rõ trong triết lý giáo dục nhân bản của hệ thống giáo dục, đó là: vì con người, lấy con người làm gốc. Con người là trung tâm nhưng cũng là một bản thể ý thức về những người khác, tôn trọng và phục vụ cộng đồng, đặc biệt với các Phật tử luôn chú trọng nhất là cách học làm người qua thực hành tín ngưỡng hoặc qua việc làm từ thiện để từ đó người Phật tử có không gian để trải nghiệm, khám phá, phát hiện những vấn đề cần giải quyết xung quanh mình.

Phải nói rằng, một trong những biểu hiện nổi bật của đạo Phật có ảnh hưởng nhiều đến cộng đồng dân tộc trong lịch sử cũng như hiện tại đó là Tứ vô lượng tâm: “*Từ, Bi, Hỷ, Xá*”. Chính cái Tâm này mà người tu hạnh Bồ tát không còn phân biệt kẻ lành người dữ, kẻ thiện người ác, nghĩa là luôn “*thường hành bình đẳng*” và rồi cùng với sự nỗ lực

của Giáo hội, mà các mô hình giáo dục của Phật giáo đã đạt được những giá trị nhất định trong khối đại đoàn kết toàn dân.

Giá trị về tính nhân bản trong đời sống xã hội

Phật giáo Việt nam là một cấu trúc tinh thần được định hình trong quá trình lịch sử lâu dài, trên cơ sở những điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa nhất định, thay đổi rất chậm chạp trong sự vận động và phát triển. Phật giáo là niềm tin và là hệ thống những đặc trưng về phẩm giá của người sáng lập tồn tại một cách khách quan tất yếu, tạo thành một thiên hướng, một “*lực*” trội trong tinh thần, trong cách sống, ứng xử, hành động của con người mà ta có thể nhận thấy ở số đông thành viên của cộng đồng có tín ngưỡng Phật giáo trong thực hành nghi lễ, cũng như qua các lựa chọn có tính chất lịch sử, có ý nghĩa bước ngoặt đối với “*vận mệnh*” mỗi con người.

Ở Việt Nam kể từ khi đổi mới, đất nước có rất nhiều khởi sắc, cộng thêm sự hội nhập kinh tế, văn hóa, đặc biệt là sự phát triển của nền khoa học công nghệ nên hơn 10 năm qua, kinh tế phát triển không ngừng cả về hạ tầng và thị trường (Cách mạng công nghiệp 4.0) [2].

Do vậy, đây được xem là cuộc cách mạng có tác động mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, với sự xuất hiện của công nghệ cao, máy móc thông minh, các loại

hình kinh tế, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, tài chính, ngân hàng, logistic, robotis... thông minh hóa, dựa trên nền tảng công nghệ kỹ thuật số, tích hợp tất cả công nghệ thông minh nhất, hiện đại nhất, tạo ra những khả năng mới, tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, qua đó làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí sản xuất, mang lại lợi ích to lớn cho nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Nhìn chung, đây được xem là cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam để có hệ năng lực mới phát triển trong tương lai nhanh và bền vững hơn. Đúng như C. Mác đã chỉ ra: *Công cụ nối dài các giác quan con người*.

Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho từng cá nhân, doanh nghiệp, quốc gia trong việc tận dụng những cơ hội cũng như thách thức do Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại. Bởi nó đang, sẽ không chỉ làm thay đổi bản đồ kinh tế thế giới; suy giảm quyền lực của một số quốc gia dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên; gia tăng sức mạnh của các quốc gia dựa chủ yếu vào công nghệ, đổi mới và sáng tạo; mà còn làm đảo lộn mọi mô thức truyền thống văn hóa, tinh thần vốn đã tồn tại trong đời sống xã hội mỗi quốc gia, nhất là với thế hệ trẻ, họ dễ rơi vào thế giới “ảo”; lối sống “ảo”, “thời miên”, không phân biệt được đúng - sai, tốt - xấu, thực - hư, dân tộc - phi dân tộc trước thế giới “ảo”. Sự kết nối mạng đang rộng mở giao lưu và giao tiếp trên tất cả các lĩnh vực nhưng đã làm cho con người như lạc vào cõi “mê”, khó làm chủ, nhất là sự xuất hiện đồng tiền “ảo”, thanh toán “ảo”, kinh doanh “ảo”, đã làm tính tổng hòa các quan hệ xã hội trong bản chất con người, như C. Mác đã chỉ ra, có nguy cơ phai nhạt. Quan hệ sự ứng xử văn hóa, đạo đức trong cộng đồng với thuần phong mỹ tục của truyền thống dân tộc xa cách dần. Chuẩn mực đạo đức được tôn thờ qua nhiều thế hệ có những nguy cơ bị mai một. Con người trong cộng đồng, trong giao tiếp tình làng nghĩa xóm bị hạn chế về chiều rộng, chiều sâu, con người vô hình trung đã trở thành nô lệ cho tư tưởng sở hữu mà không phải là hiện hữu của chính mình.

Biểu hiện của xu hướng này không chỉ riêng Việt Nam mà là sự báo động toàn cầu, báo động về sự vô cảm của con người trước những nỗi đau khổ của đồng loại đang xảy ra liên tiếp khắp nơi trên thế giới. Ở Việt Nam, sự báo động xuống cấp của

các giá trị đạo đức, với sự gia tăng của hàng loạt các tệ nạn xã hội, các tội phạm hình sự với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Nguyên nhân đôi khi chỉ vì một chút lợi ích vật chất mà hung thủ sẵn sàng làm tất cả, không từ thủ đoạn nào, từ lừa đảo đến giết hại đồng loại. Hệ giá trị truyền thống trong gia đình đứng trước nguy cơ to lớn.

Vậy làm cách nào để giảm thiểu hiện trạng đó. Phải chăng cần phải có những hình thức xử phạt nghiêm minh hơn? Hay xây dựng một xã hội pháp trị như những nhà tư tưởng pháp gia cổ đại Trung Quốc? Theo chúng tôi, tất cả điều đó đều cần tham khảo. Tuy nhiên, những giải pháp đó chưa giải quyết được căn nguyên của nó vì pháp luật làm họ sợ chứ không tự tâm, nên họ sẽ luôn tìm cách né tránh hay lách luật. Do đó, vấn đề ở đây là phải làm sao thức tỉnh được lương tri, tính thiện trong mỗi con người “*nhân chi sơ tính bản thiện*”; phải giáo dục nhân cách mỗi con người hướng tới đồng loại, xây dựng xã hội tương lai tươi sáng.

Bởi vậy, khi nói đến sự cứu vãn đạo đức con người trong xã hội hiện đại, không thể không phát huy vai trò những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng trong Phật giáo hiện nay vì nó đã nối kết được giữa đạo đức xã hội và đạo đức tôn giáo - Phật giáo, mà đạo đức này không nằm ở đâu xa, nó nằm ngay trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo con người, trong cộng đồng gia đình - làng - nước. Do vậy, nếu như chỉ vì một lý do nào đó mà ta đặt tôn giáo nhất là Phật giáo ra ngoài xã hội cũng giống như xây nhà trên cát. Vì Phật giáo tự bản thân đã có những giá trị đặc biệt nhất định. Đó là tình yêu con người, mà C. Mác đã gọi là chức năng an ủi tinh thần và chức năng điều chỉnh xã hội của con người. Nhìn vào tổng quan các giá trị mà xét thì bản chất Phật giáo là giàu tính nhân bản: Từ bi, trí tuệ; bản nguyện là giác ngộ, giải thoát; bản hạnh là hòa bình, giáo dục và từ thiện. Từ những tính chất thiết thực ấy đã đưa Phật giáo phát huy chức năng xã hội của mình là: nhập thế, hòa mình vào xã hội.

Vì lẽ đó, mà không ai có thể chối cãi, từ khi đạo Phật du nhập vào Việt Nam, dù Phật giáo có những mô hình giáo dục nào đi chăng nữa thì các mô hình giáo dục đó đều đã khai thác tính nhân bản để phục vụ cho việc phụng vụ đất nước và giữ nước của dân tộc. Hay nói cách khác chính là giáo dục con người



Với nguyên lý “*Phụng sự chúng sinh tức là cúng dường chư Phật*” và với tinh thần từ bi, nhân ái, nhập thế, Phật giáo trong hơn 2.000 năm qua đã làm nên “*máu thịt*” Việt Nam. (Ảnh: phatgiaio.org.vn)

phải có đạo đức, có tình yêu quê hương, đất nước, yêu gia đình, yêu chòm xóm. Và lịch sử đã minh chứng, khi Phật giáo đạt tới mức cực thịnh ở nước ta dưới triều đại Lý - Trần, nhà nước Đại Việt cũng đạt tới mức cường thịnh chưa từng có trong lịch sử. Các vua thời Lý - Trần sùng Phật, lấy đạo Phật làm quốc đạo. Tôn người đạo cao đức trọng nhất trong Giáo hội làm Quốc sư để vận kế hưng nước, an dân. Nhờ đó mà kinh tế, văn hóa đạo đức xã hội phát triển mạnh mẽ.

Và một khi đã thấm sâu vào quần chúng nhân dân, Phật giáo lại đóng vai trò hết sức quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần. Các ngôi chùa không chỉ mang yếu tố tâm linh mà đã trở thành trung tâm văn hóa giáo dục trong các làng xã. Bởi thế, chùa không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo, mà còn là nhà trường, trạm xá, thiện nguyện, hội hè... Vì lẽ đó, mà rất tự nhiên, trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước, Phật giáo không những đứng về phía những người yêu nước, mà còn thổi bùng ngọn lửa yêu

nước trong quần chúng nhân dân nên nhiều tín đồ Phật tử đã trực tiếp hướng dẫn người dân đứng lên làm cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thời nhà Trần và các cuộc cách mạng giải phóng dân tộc sau này trong thời hiện đại là ví dụ. Hàng vạn thanh niên là tín đồ Phật tử đã tham gia chiến đấu, nhiều người đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhiều phong trào đấu tranh sôi nổi của tu sĩ và Phật tử chống Mỹ - Ngụy với các khẩu hiệu “*Nhân dân đòi cơm áo, Phật giáo đòi hòa bình*”... Chính lẽ đó mà trong một bài viết về bản sắc văn hóa Việt Nam, học giả Phan Ngọc đã nhận định: “*Phật giáo Việt Nam là Phật giáo Tổ quốc luận*” [3].

Cũng từ đây, trong tâm thức Phật giáo Việt Nam có một giá trị vô cùng quý báu là trách nhiệm với dân với nước, với gia đình, dòng tộc. Nó kết tinh khát vọng của một tâm thức hướng về cuộc sống xây dựng dương gian trần thế, lo khắc phục những khó khăn trong cuộc sống để tồn tại, đề cao tính nhân ái

vị tha, cứu nhân độ thế bằng những hành động và việc làm thiết thực trong công tác từ thiện xã hội như: cứu chữa bệnh miễn phí, nuôi dưỡng trẻ mồ côi, giúp đỡ người nghèo, người không nơi nương tựa, người lang thang cơ nhỡ, giúp người trong cảnh hoạn nạn, cứu người trong lúc nguy nan,... chung tay xây dựng cộng đồng, xã hội [4]. Với tinh thần trách nhiệm ưu đời mẫn thế, những tín đồ Phật giáo đã không tiếc thời gian, sức lực, tiền của, họ đóng góp vật chất lẫn tinh thần, chung sức đồng lòng cùng các tu sĩ mở nhiều lớp học tình thương, nuôi dạy trẻ khuyết tật, trẻ mồ côi... tổ chức nhiều đợt tuyên truyền phổ biến kiến thức cơ bản, giáo dục kỹ năng sống phòng tránh HIV/AIDS cho cộng đồng; tư vấn, giúp đỡ, tổ chức thăm viếng, tặng quà, phát thuốc cho người nhiễm HIV/AIDS.

Tâm từ bi của triết lý sống Phật giáo đã quyện chặt với truyền thống luân lý đạo đức của dân tộc “*Lá lành đùm lá rách*”, tâm nguyện “*Phục vụ chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật*”. Các tín đồ Phật giáo cùng quần chúng nhân dân đã miệt mài gieo trồng hạnh quả bằng những hành động thiết thực gắn “*đạo*” với “*đời*”, gắn các ngày lễ lớn như: lễ Phật đản, đại lễ cầu siêu, đại lễ Vu Lan... với thuần phong mỹ tục của dân tộc, nhằm giáo dục đạo đức và khơi dậy truyền thống dân tộc: “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.

Và do vậy, những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo làm điểm quy chiếu tô điểm cho tâm thức và bản sắc văn hóa Việt Nam. Phật giáo đã đưa ra phương pháp vượt khỏi sự nô lệ ngoại cảnh, vượt khỏi sự hận thù của mối quan hệ người với người, vượt trên những quan niệm sai lầm của nhận thức nhị nguyên ràng buộc con người trong tội lỗi: tham, sân, si, dục vọng... Phật giáo chủ trương Đại Từ Bi, Năng Hỷ Xả, người tu hạnh Bồ tát phải không còn phân biệt kẻ lành người dữ, kẻ thiện người ác, nghĩa là phải biết “*thường hành bình đẳng*”, Bát nhã bình đẳng (một trong bốn đại đức của Bồ tát) vì cái hạnh Bát nhã bình đẳng đưa đến cái hạnh Đại Từ Bi, Năng Hỷ Xả của Bồ tát. Nên tâm tình yêu của Phật không còn có sự phân chia thiện - ác, thị phi. Như vậy, mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo có nhiều giá trị trong xã hội. Bởi một xã hội hiện đại theo đúng nghĩa thì tính nhân bản phải cao, phẩm giá phải lớn và trái tim phải rung động trước nỗi đau đồng loại. Chính lẽ đó, triết lý đạo đức

tôn giáo chính là sự gắn kết lương tâm con người với xã hội hiện đại.

Giá trị về sự cố kết cộng đồng

Người sáng lập đạo Phật là Thái tử Tất Đạt Đa - Đức Thích Ca Mâu Ni (563-483 TCN). Ngay từ khi ra đời, việc trước nhất của đạo Phật là tạo lập tổ chức Phật đoàn, sau đó xây dựng hệ thống kinh điển, luật tạng và giáo lý. Phật giáo đã lý giải những thách thức triết học trừu tượng muôn thuở như bản chất sự sống, lẽ sinh tử, con người đến từ đâu và đi về đâu, con người là gì giữa cõi tạm trăm năm và trước cái vô cùng vô tận của không gian và thời gian; và rồi Phật giáo cũng nhằm tới giải quyết mối quan hệ giữa khả năng nhận thức và phương tiện hành đạo, giữa những mâu thuẫn trong xã hội và mơ ước đạt tới hạnh phúc trước thách thức những “*tham, sân, si, ó, hỷ, nộ*” của cuộc đời và trong vòng chuyển hóa thời gian quá khứ - hiện tại - vị lai của mọi kiếp chúng sinh. Phật giáo lan tỏa thật mạnh mẽ. Ngày nay, ở phương Tây cũng đã có hàng triệu tín đồ Phật tử với đủ các tông phái khác nhau. Các thuộc tính điều hòa, dung nạp và giản dị của Phật giáo đã giúp Phật giáo mở được nhiều con đường vào đời sống con người thuộc nhiều dân tộc khác nhau. Cái đặc sắc của Phật giáo có lẽ ở giáo lý “*Phật tại tâm*” hay “*tu tại tâm*”. Chính giáo lý “*mềm*” và “*mở*” này đã quán xuyên tính thống nhất của đạo Phật dù có rất nhiều tông phái. Do vậy, chính trong *Kinh Thánh Cầu*, Đức Phật đã giảng về bốn nền tảng của hòa hợp xã hội (Từ bi và Bồ thí; lời nói chân thật; Hành động lợi ích chung tay vì cộng đồng; Công bằng xã hội). Rõ ràng, một tinh thần Từ bi, Bồ thí có thể khắc phục được nhiều vấn đề trong xã hội như: đói nghèo, bệnh tật, dịch dã... Cũng có thể hiểu, một lời nói chân thật ngay thẳng sẽ tạo ra sự trong sáng, tránh hiểu lầm, mang tính thần kết nối cộng đồng, được sử dụng trong “*Bát chánh đạo*”. Một hành động lợi ích chung tay vì cộng đồng đem lại một xã hội thống nhất, hòa bình. Công bằng xã hội mang lại cho sự phát triển bền vững và thay đổi xã hội. Hoàn thành nền tảng này của Phật giáo không chỉ mang lại sự đại đoàn kết trong mỗi xã hội mà còn là sự đại đoàn kết trên toàn thế giới và đại đoàn kết giữa các tôn giáo với nhau. Với tư tưởng đó, những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo (công tác từ thiện, an sinh xã hội, giáo dục dạy nghề...) mang tính cố kết cộng đồng cao và có một vị thế quan trọng trong xã hội hiện đại. Bởi một xã hội theo đúng nghĩa thì tính cố kết giữa người với người phải



Những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo làm điểm quy chiếu tô điểm cho tâm thức và bản sắc văn hóa Việt Nam. Phật giáo đã đưa ra phương pháp vượt khỏi sự nô lệ ngoại cảnh, vượt khỏi sự hận thù của mối quan hệ người với người, vượt trên những quan niệm sai lầm của nhận thức nhị nguyên rằng buộc con người trong tội lỗi: tham, sân, si, dục vọng...

bền chặt, hài hòa với nhau. Đồng thời, các mô hình giáo dục đó cũng chính là sự cụ thể hóa, đưa những lời Phật dạy vào thực tiễn cuộc sống làm nhiều người biết đến Phật giáo hơn, cảm tình với Phật giáo hơn, các giá trị tốt đẹp của Phật giáo được lan tỏa mạnh mẽ hơn trong cộng đồng. Đặc biệt, thông qua chính những đối tượng được hưởng lợi trực tiếp từ những hoạt động đó, họ cảm thấy không bị cô đơn, không bị xã hội bỏ rơi, tình người thật ấm áp. Từ đó mà xét thì những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo đã thể hiện được triết lý sống của Phật giáo, góp phần tạo nên trang nghiêm giáo hội và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thể hiện qua sự gắn kết lương tâm con người với xã hội hiện nay. Và thiết nghĩ, chính những mô hình giáo dục trong Phật giáo đã tạo ra nền tảng cho sự cố kết nhân tâm trong mỗi con người, mỗi dân tộc với cộng đồng xã hội. Bởi, trong đời sống văn hóa tinh thần không có ảnh hưởng nào mạnh hơn tôn giáo - Phật giáo và cũng không có

sự quyến rũ nào bằng sự quyến rũ của tôn giáo - Phật giáo một khi đi vào lòng người. Vì tôn giáo - Phật giáo xét về bản chất có chức năng liên kết xã hội.

Trong một lần công tác tại Kiên Giang, có dịp đi thực tế tại Trung tâm Từ thiện Xã hội Phật Quang, chúng tôi đã rất cảm động với chia sẻ của một người bà có cháu được trung tâm nhận chăm sóc, đào tạo: *"Nhà tôi nghèo lắm, bố mẹ nó bỏ nhau, mẹ nó đưa nó về khi nó mới 1 tuổi cho tôi nuôi nó rồi bỏ đi làm ăn xa, nhưng lâu lắm chưa về. Tôi già cả không nuôi được nó, nó ốm đau liên miên, sức khỏe yếu. May nhờ có quý Thầy nhận nó vào trung tâm, nó được ăn uống đầy đủ, lại được học hành như thế này. Tôi vui lắm! Chứ tôi nuôi sao được nó đi học. Thi thoảng tôi vẫn vào thăm nó. Thấy nó bảo chơi với các bạn, học với các bạn vui lắm!"* [5]. Vì thế, những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Các hoạt động đó đã giúp

cho một bộ phận người “yếm thế” được học hành, trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp để hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho cộng đồng,... Song song với đó, các hoạt động này cũng góp phần đẩy lùi, thu hẹp những mảng tối của xã hội.

SỰ CẦN THIẾT PHẢI PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG VIỆC XÂY DỰNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

Từ khi du nhập, đến nay đã hàng ngàn năm [6] nhưng tôn giáo vẫn như chất keo dính trong đời sống người Việt, giống một món ăn tinh thần không thể thiếu của người Việt. Phải chăng như nhà triết học Hays người Đức đã nói: *Nó là những giọt dews ngọt rớt vào cái chén đắng của nhân loại*; sau này chính C. Mác đã nhắc lại dưới một câu nói nổi tiếng: *“Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”*. Một loại thuốc mang bản chất đích thực là chữa lành vết đau, an ủi nỗi đau quần quai tinh thần cho chính đời sống của con người ở tại dương gian trần thế. Hay Phật giáo Việt Nam còn là một tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do chính Phật giáo đem lại cho cộng đồng dân tộc Việt Nam và nó đã trở thành nền tảng, sức mạnh của cả dân tộc trong tiến trình phát triển xã hội Việt Nam? Vì vậy, nhất thiết không thể thiếu đó là sự kết tụ vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam giữa triết lý sống của Phật giáo và các Phật tử Việt Nam. Bởi các tín đồ Phật giáo như một môi trường sàng lọc để kết tinh những giá trị mới bổ sung thêm cho tư tưởng, hành động về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Do vậy, cần phải phát huy hơn nữa vai trò của Giáo hội Phật giáo Việt Nam để Phật giáo Việt Nam thực sự là nguồn lực mang lại nhiều hơn nữa những giá trị đích thực cho xã hội, nhất là giá trị trong những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng, để đất nước phồn vinh, thế giới hòa bình.

Giá trị của Phật giáo đã được đánh giá và khẳng định. Và điểm chung có thể rút ra là Phật giáo có những giá trị mang tính tích cực đối với cộng đồng xã hội. Vì vậy, phải làm sao để phát huy được những mặt tích cực đó của nó cũng như những ảnh hưởng

mà nó đã, đang và sẽ đem lại cho dân tộc Việt Nam nói riêng, lịch sử nhân loại nói chung.

Và thực tế, trong thời gian qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có nhiều hoạt động thể hiện sự nỗ lực tham gia xây dựng nhiều mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng. Biểu hiện cụ thể như: Tham gia xây dựng mô hình giáo dục với nhiều loại hình đào tạo như giáo dục phổ thông, giáo dục dạy nghề với nhiều hình thức như các lớp học tình thương, các trung tâm dạy nghề,... với nhiều hình thức như tổ chức độc lập, liên kết, bán liên kết,... Theo số liệu thống kê của Ban Từ thiện Xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 2019, số lượng lớp học tình thương theo con số cụ thể [7]:

STT	Tỉnh, thành	SL lớp học	SL học sinh	SL giáo viên
1	Khánh Hòa	3	282	15
2	Hà Giang	1	0	0
3	Quảng Trị	1	4684	130
4	Tiền Giang	1	200	13
5	Lâm Đồng	1	0	0
6	Thừa Thiên-Huế	3	362	32
7	Gia Lai	2	150	9
	Tổng cộng	12	5678	199

Về giáo dục mầm non: Đây là đối tượng cần chăm sóc, giáo dục kỹ lưỡng nhất bởi đây là lứa tuổi hình thành nhân cách con người, vì thế Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ khi thành lập đã rất quan tâm đến việc tổ chức, tham gia các hoạt động giáo dục mầm non phục vụ cộng đồng. Nhằm tạo nguồn nhân lực chuyên cho hoạt động đó, ngay từ những năm 1992, Ban Từ thiện Xã hội Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã phối hợp với trường Cao đẳng Sài Gòn đào tạo chuyên ngành mầm non cho hơn 100 chư Ni và Phật tử tại các tỉnh thành về học tại Thiền viện Quảng Đức (quận 3, TP. HCM).

Cả nước hiện có rất nhiều các cơ sở giáo dục mầm non của Phật giáo hoạt động, như: Trường Mầm non Dân lập Hòa Mi (chùa Giác Tâm, quận Phú Nhuận, TP. HCM), Trường Mầm non Bán trú miễn phí Tịnh

Nghiêm (Tiền Giang),... Nội dung giáo dục tại các cơ sở đào tạo của Phật giáo cũng bám sát những nội dung của chương trình giáo dục quốc dân, rèn luyện và dạy cho trẻ những kiến thức, kỹ năng theo chương trình giáo dục mầm non quốc gia.

Nhằm góp phần tạo công ăn, việc làm, trang bị phương tiện kiếm sống cho những người có hoàn cảnh khó khăn về sức khỏe (người khuyết tật, người sức khỏe yếu, thương binh, bệnh binh...) về vật chất (người lang thang, cơ nhỡ, con em gia đình nghèo,...) Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức nhiều trường dạy nghề, ở nhiều địa phương đào tạo các nghề cơ bản như: may, sửa chữa xe, điện gia dụng, thêu, đan, khắc tượng gỗ... Các cơ sở tiêu biểu như: chùa Tây Linh, Long Thọ (Thừa Thiên-Huế), chùa Kỳ Quang (TP. HCM), KomPongChrây (còn gọi là chùa Hang ở thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh), Phônôrôka (Sóc Trăng)... Sau khi đào tạo xong, các học viên sẽ được giới thiệu việc làm tại các công ty, xí nghiệp, hoặc nhận làm tại nhà. Theo số liệu thống kê của Ban Từ thiện Xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 2019, số lượng trung theo con số cụ thể [8]:

STT	Tỉnh, thành	SL trung tâm	SL các ngành đào tạo	SL đào tạo	SL giáo viên
1	Quảng Trị	1	4	360	4
2	Thừa Thiên-Huế	1	2	30	2
	Tổng cộng	2	6	390	6

Mặc dù những con số thống kê trên là chưa đầy đủ nhưng phần nào cũng đã cho thấy sự nỗ lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, các Tăng Ni trong việc tổ chức, tham gia các hoạt động giáo dục cộng đồng giàu tính nhân văn. Những hoạt động giáo dục phục vụ cộng đồng của Giáo hội Phật giáo đã góp phần bù đắp, san sẻ những khó khăn trên với Nhà nước, hệ thống giáo dục quốc dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn có những mặt

cần khắc phục để phát huy hơn nữa giá trị của nó trong xã hội.

Thứ nhất, những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam mới chỉ phát triển mạnh ở bề nổi, chưa thực sự phát triển theo chiều sâu. Ví như những việc làm cứu trợ nhanh, kịp thời nhưng chỉ là biện pháp giải quyết tình thế những nhu cầu cấp thiết lúc đó của người gặp nạn: cơm ăn, nước uống, quần áo mặc, nơi ở... chứ chưa có lộ trình để họ có một nơi ở, một nghề nghiệp ổn định cho cuộc sống, có nguồn thu nhập thường xuyên, có hướng tương lai cho các trẻ khi trưởng thành, có chế độ dinh dưỡng.

Thứ hai, những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cách thức làm còn manh mún, tự phát, chưa hệ thống và bài bản. Cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi tại đây là tự phát chủ yếu nuôi các trẻ xuất phát từ tình thương, lòng nhân ái với quy mô nhỏ nên điều kiện chăm sóc trẻ chưa có chất lượng như các cơ sở chuyên nghiệp. Chủ yếu nhờ cậy vào sự quyên góp, giúp đỡ nuôi nấng của các Phật tử hay người dân quanh chùa. Cơ sở vật chất, nhân lực cần đầu tư, đào tạo thêm.

Qua khảo sát một số cơ sở từ thiện của Phật giáo cho thấy công tác quản lý các hoạt động từ thiện của Phật giáo chưa thật sự chặt chẽ và chuyên nghiệp, đôi lúc có những sự cố đáng tiếc do quản lý lỏng lẻo. Mặc dù với tinh thần từ bi của nhà Phật hòa quyền

với tinh thần “*Tương thân tương ái*” của người Việt nên các vị đều có tinh thần hướng thiện, làm việc thiện giúp đỡ mọi người đều không tính toán, vụ lợi hay những Phật tử đến với các cơ sở từ thiện đều là những người thấm nhuần tinh thần Phật pháp, tự nguyện làm điều thiện, tuy nhiên sự quản lý không chặt chẽ đã tạo điều kiện cho kẻ xấu lợi dụng, làm ảnh hưởng uy tín của Phật giáo. Vì vậy, cần nghiêm túc nhìn nhận vấn đề này và nghiên cứu quản lý hoạt động từ thiện thật bài bản.

Thứ ba, những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam chưa có sự phối hợp, liên kết chặt chẽ với các cấp chính quyền địa phương và các cơ sở từ thiện Phật giáo khác trong nước.

Đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Theo điều 20, 21 Nội quy Ban Từ thiện Xã hội Trung ương, Hiến chương của Giáo hội, các mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng trong đó có công tác từ thiện xã hội phải được thu về một mối và dưới sự giám sát của Giáo hội, không thể tách rời và hoạt động thiếu sự giám sát của Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có vai trò to lớn trong việc định hướng sự phát triển các mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng. Vì thế, Giáo hội cần quan tâm sát sao, quản lý chặt chẽ hơn nữa đối với các mô hình này nhằm góp phần trang nghiêm Giáo hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững mạnh.

KẾT LUẬN

Như vậy, về tổng thể, Phật giáo Việt Nam cũng chính là bản sắc Việt Nam, là đạo đức của con người Việt Nam. Do đó, sống trong thời đại phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ 4.0, chúng ta không thể không coi trọng việc phát triển những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo.

Phật giáo Việt Nam trong quá trình hình thành, tồn tại đã góp phần tạo ra những giá trị nhân bản như lòng hiếu thảo, nhân ái, biết ơn, tính cộng đồng, cần cù, sáng tạo, hiếu học, yêu nước. Yêu nước là giá trị đạo đức hàng đầu trong hệ thống nhân bản truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đó là những giá trị hết sức quý báu mà chúng ta cần phải lưu giữ, nghiên cứu, khai thác trong Phật giáo để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội hiện đại.

Dẫu biết, bản thân mọi giá trị không phải “*nhất thành bất biến*” mà luôn biến đổi cùng tiến trình lịch sử. Các giá trị ngày hôm qua, chưa hẳn là giá trị của ngày hôm nay. Nhưng những giá trị nhân bản, tinh thần đoàn kết dân tộc trong những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo Việt Nam có thể nói là vĩnh hằng cùng với sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Do vậy, để gìn giữ được những giá trị này trong Phật giáo thì nhất thiết phải phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo Việt

Nam để củng cố và tiếp tục xây dựng những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng sao cho lòng nhân ái phải được nâng lên thành chủ nghĩa nhân đạo, tính cộng đồng trong xã hội được nâng lên thành khối đại đoàn kết toàn dân, lòng yêu nước phải luôn gắn với Chủ nghĩa Xã hội. Có như vậy, những mô hình giáo dục phục vụ cộng đồng của Phật giáo mới có ý nghĩa tích cực trong xã hội hiện đại và phương châm hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*” mới được hiện thực hóa trọn vẹn.

Chú thích:

* PGS. TS Trần Thị Kim Oanh - Trưởng Bộ môn Tôn Giáo học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

* Th.S Trần Thị Hằng - Giảng viên Bộ môn Tôn giáo học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

[1] Theo học giả Thích Nhật Từ.

[2] Năm 2017, Việt Nam lọt vào top 20 quốc gia có số người sử dụng Internet đông nhất thế giới với 64 triệu người, xấp xỉ 67% dân số. Mạng di động 4G được triển khai rộng khắp với hơn 40.000 trạm, phủ sóng hơn 90% dân số. Trong hệ sinh thái số, ba thị trường chính là viễn thông, công nghệ thông tin và thương mại điện tử đều có tăng trưởng vượt bậc. Doanh thu ngành công nghệ thông tin đạt 67,6 tỷ USD, ngành viễn thông đạt 6,2 tỷ USD, đội ngũ nhân lực tới 781 nghìn người. Thị trường thương mại điện tử tăng 69%, đưa Việt Nam vào top 3 thị trường thương mại điện tử có mức tăng trưởng nhanh nhất thế giới. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo được hình thành và phát triển mạnh. Bên cạnh đó, lĩnh vực công nghệ tài chính (Fintech) cũng có chuyển biến rất mạnh mẽ. Ngân hàng nhà nước đã chú trọng thúc đẩy việc ứng dụng các công nghệ mới vào hoạt động quản lý, kinh doanh ngành ngân hàng, đẩy mạnh hiện đại hóa hệ thống. Các ngân hàng thương mại cũng chủ động ứng dụng công nghệ mới như AI, Big Data và dịch vụ mới như Mobile Banking, Internet Banking, livebank247 để có thể phục vụ khách hàng mọi nơi, mọi lúc. Đến nay, có khoảng 78 công ty Fintech hoạt động tại thị trường Việt Nam, nơi được ước tính có giá trị khoảng 8 tỷ USD vào 2020.

[3] Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, tr. 49.

[4] Hiện cả nước có gần 60 Tuệ Tĩnh đường hoạt động có hiệu quả khám chữa bệnh và phát thuốc cho hàng ngàn bệnh nhân, tổng giá trị hàng trăm triệu đồng. Một số tự viện còn có phòng thuốc nam, bốc thuốc và chăm cứu cho bệnh nhân đang được đồng bào các giới quan tâm.

[5] Thực tế tại Trung tâm Từ thiện xã hội Phật Quang tháng 12/2019.

[6] Thế kỷ thứ II.

[7], [8] <https://vbgh.vn/index>.

TĂNG NI VÀ CƯ SĨ GÓP PHẦN TRANG NGHIÊM GIÁO HỘI



SC. Thích Nữ Huệ Cảnh*

Cách đây hơn 26 thế kỷ tại Ấn Độ dưới sự giáo hóa của Đức Phật, Tăng Ni được sinh hoạt tu học rất trang nghiêm, thanh tịnh. Vì thế, Cư sĩ thuộc các tầng lớp khác nhau trong xã hội như: vua chúa, quan lại, trưởng giả, Bà-la-môn, nông dân, ... nhìn thấy Tăng đoàn mà phát tâm tu học. Mỗi người tuy thuộc nhiều ngành nghề, địa vị xã hội khác nhau nhưng cùng chung một mục đích là hộ trì Phật pháp, làm cho Phật giáo hưng thịnh. Truyền thống của Đức Thế Tôn nhờ thế được tiếp nối. Vì vậy, việc trang nghiêm Giáo hội luôn rất cần thiết, là công việc hết sức quan trọng để giữ gìn giềng mối Phật pháp muôn đời.

TRÁCH NHIỆM CỦA TĂNG NI

Tu học trao dồi giới đức

Trong sinh hoạt tại mỗi giả lam tự viện, dù theo truyền thống nào nhưng vào nửa tháng chư Tăng đều phải cùng nhau ngồi lại đọc tụng giới bổn Patimokkha. Vì giới luật còn thì Phật pháp còn [1]. Thật vậy, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cư sĩ nam, Cư sĩ nữ có giữ giới hạnh đúng như pháp thì phiền não không sanh, tâm thức dần thanh tịnh, trí tuệ tăng trưởng, tác động đến tâm thức những người xung quanh và môi trường sống dần được thanh tịnh an vui. Phật pháp chỉ hưng thịnh khi còn những vị tu hành có giới đức tỏa sáng. Chính đức hạnh ấy đã cảm hóa quần chúng có niềm tin chân chính vào Tam bảo. Phật là bậc chứng ngộ được pháp, Pháp tác thành phẩm chất giác ngộ của Phật, Phật lại tuyên dương Chánh pháp, Phật pháp không thể tách rời nhau. Phật pháp lại tác thành phẩm chất và ý hướng của Tăng, Tăng có mặt là Phật pháp có mặt [2].



Chủ tịch Hội Pāli Text Luân Đôn phát biểu: “Đạo Phật là một tôn giáo, một khoa học sâu sắc, một lối sống hợp lý, thực tiễn và bao gồm tất cả. Hơn 2.500 năm qua đạo Phật đã thỏa mãn những nhu cầu tâm linh của gần một phần ba nhân loại. Đạo Phật hấp dẫn đối với phương Tây, nhân mạnh đến tinh thần tự lực, đương đầu với những quan điểm khác với lòng khoan dung. Đạo Phật bao trùm hết mọi lĩnh vực khoa học tôn giáo, triết học, tâm lý học, luân lý và nghệ thuật. Và trên hết, đạo Phật chỉ rõ cho mọi người thấy chính con người là nhà sáng tạo ra kiếp sống hiện tại của họ và mỗi người là nhà thiết kế duy nhất cho số phận của mình”.
(Ảnh: sưu tầm)

TRANG NGHIỆM GIÁO HỘI

Thiền sư Thích Nhất Hạnh từng nói: *Bạc chân tu không mọc nhiều như nấm sau cơn mưa* [3]. Tuy những vị chân tu thật học không nhiều như thời chánh pháp khi còn Thế Tôn nhưng không phải không có. Điều này đã được lịch sử chứng minh, khi có các vị vĩ nhân xuất hiện qua nhiều giai đoạn lịch sử, đưa chánh pháp sáng soi nhân gian, như: Ngài Long Thọ, Cưu Ma La Thập, Huyền Trang, Thích Minh Châu, Thích Trí Tịnh, Thích Phổ Tuệ ... Tất cả đã tỏa sáng gương giới đức cho hàng hậu thế mỗi khi nhìn lại trang sử vàng son ấy mà lòng không khỏi hồ thẹn.

Bạc chân tu không phải như những dấu tích linh ứng để mọi người nghe tiếng tìm tới dâng hương. Bạc chân tu cũng không phải là người có vài thủ thuật như: tiên tri, chữa bệnh để thu hút nhiều người hâm mộ. Bạc chân tu là sự hiện diện, trước hết của đạo đức vô hành. Nhìn vào người, thiên hạ thấy lòng mình thêm tin tưởng, thêm trầm tĩnh, thêm ý thức, thêm thương yêu cuộc đời một cách chân thành. Đây chính là sự trang nghiêm Giáo hội thiết thực từ sự chuyển hóa nội tâm của mỗi người con Phật, chỉ cần ngồi với một người mà cảm thấy lòng mình bình yên, tĩnh lặng, mong muốn phụng sự. Sự hiện diện của người chân tu giản dị trong sáng như khí trời, như mạch nước ngầm cho mọi vật được tồn tại và sinh trưởng. Đó là lý do nơi nào có các vị trưởng lão thanh tịnh nơi đó Tăng chúng và Cư sĩ tu học dễ có kết quả an lạc. Tu sĩ muốn có giới trước tiên cần một môi trường học tập và rèn luyện. Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang thực hiện công tác biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam và quan tâm, chỉ đạo Tăng Ni sinh trẻ tu học nội trú để có thời gian dốc toàn lực cho việc nghiên cứu, thực hành lời Phật dạy. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp chư Tăng Ni trở về trú xứ hay hành đạo nơi nào cũng gói ghém theo sở tu, sở học để hướng dẫn quần chúng tu học làm lợi lạc cho đời.

ĐOÀN KẾT HÒA HỢP

Trong Kinh Tăng Chi, chương Bảy pháp, phẩm Vajjī, Kinh Vassakāra, Đức Phật dạy: *“Này các Tỷ kheo, khi nào chúng Tỷ kheo tụ họp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết và làm việc Tăng sự trong niệm đoàn kết, thời này các Tỷ kheo, chúng Tỷ kheo sẽ được lớn mạnh, không bị suy giảm”* [4]. Đức Phật khuyên chúng ta nơi nào có sự đoàn kết nơi đó có sức mạnh. Thực tế, trong bài kinh này,



Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang thực hiện công tác biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam và quan tâm, chỉ đạo Tăng Ni sinh trẻ tu học nội trú để có thời gian dốc toàn lực cho việc nghiên cứu, thực hành lời Phật dạy. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp chư Tăng Ni trở về trú xứ hay hành đạo nơi nào cũng gói ghém theo sở tu, sở học để hướng dẫn quần chúng tu học làm lợi lạc cho đời.

người dân Vajjī họ đã biết sống đoàn kết, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau nên dù vua Ajātasattu muốn chinh phạt cũng không thể được. Vì vậy, Đức Phật khuyên Tăng chúng muốn chánh pháp tồn tại, lớn mạnh, không tổn giảm nên chấp nhận, không chống phá lẫn nhau. *“Một cây làm chẳng nên non/Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”*. Một người dù tài ba, giỏi giang đến đâu cũng không thể làm hết mọi việc cùng lúc nếu không có sự hợp tác của nhiều người. *“Cùng sinh hoạt trong Tăng đoàn mà không chấp nhận nhau, không nhìn nhau được và chấp càng cao càng đi xa chân lý, chắc chắn phải bị đọa”*, HT. Thích Trí Quảng dạy [5].

Đất nước hòa bình, Giáo hội thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Điều này tạo điều kiện để mọi người ngồi lại với nhau, lắng nghe ý kiến, sẽ chia khó khăn và cùng nhau giải quyết, thật sự: *“Vui thay, Phật ra đời. Vui thay, Pháp được giảng. Vui thay, Tăng hòa hợp. Hòa hợp tu, vui thay”* [6].

Trong Kinh Tăng Chi, phẩm Hội chúng, mười bài kinh từ số 43 đến 52 của chương Hai pháp [7] diễn tả các hội chúng khác nhau theo quan điểm Đức Phật, chứng tỏ Ngài rất quan tâm đến việc xây dựng chúng Tăng vì đây là biểu trưng của Giáo hội. Nếu chúng Tăng không hòa hợp, không cùng chung lý

tường giải thoát, giác ngộ thì không xứng đáng cho tín đồ quần chúng tin theo tu học. Thành quả của sự hòa hợp đó là:

*“Sống an lạc là người,
Làm hòa hợp chúng Tăng;
Sống an lạc là người,
Giúp chúng Tăng hòa hợp;
Ưu thích sự hòa hợp,
An trú trên Chánh pháp.
Ai khiến cho chúng Tăng,
Được sống trong hòa hợp,
Trong một kiếp, người ấy
Sống hoan hỷ Thiên giới”* [8].

Người đem lại sự hòa hợp, giúp chúng Tăng hòa hợp an vui, nhìn nhau bằng cặp mắt ái kính [9] sẽ đem lại hạnh phúc to lớn như chư Thiên cõi trời, tạo nên vũ trụ yên bình thịnh vượng. Vì Tăng già hòa hợp để thực thi sứ mạng giữ gìn và tuyên dương Chánh pháp. Do đó, những ai có tâm huyết với sự hưng suy Phật pháp, hãy quan tâm đến việc xây dựng chúng Tăng để Tăng đoàn hòa hợp và thanh tịnh [10].

TRÁCH NHIỆM CƯ SĨ

Sự khó khăn của Cư sĩ là còn phan duyên với đời sống thường nhật gia đình, do đó khó sắp xếp thời gian đến các đạo tràng sinh hoạt. Cuộc sống bận bịu có thể khiến Cư sĩ tiến bước rất chậm trên con đường tu học tại gia. Nhìn thấy thực trạng này, chư Tôn đức hiện đã nỗ lực hoằng pháp trên mọi lĩnh vực, ứng dụng công nghệ số để lời Phật dạy đến từng ngõ ngách, từng mái ấm gia đình, hướng dẫn hàng Cư sĩ phải thân cận, tới lui thăm viếng các vị tu sĩ, để học hỏi giáo pháp, biết được nên làm thế nào mới đúng bổn phận. Đạo Phật cần những Phật tử biết suy tư, tự tìm hiểu rồi tu tập. Vì vậy, trong *Kinh Tăng Chi, chương Bảy pháp, Phẩm Vajjī*, bài kinh *Sự thối đọa thứ hai* (7.29), Đức Phật nhắc nhở một Cư sĩ nên đến thăm các vị Tỳ kheo (*Bhikkhūssāsanam*); không phóng túng nghe diệu pháp (*saddhammassavanam nappamajjati*); tu tập tăng thượng giới (*adhisīle sikkhati-giữ giới luật chính chắn*); giàu niềm tin đối với các Tỳ kheo trưởng lão, trung niên, tân nhập, nghe pháp với tâm không cật nản, không tìm tòi các khuyết điểm (*anupārambhacitto dhammam suṇāti na randhagavesī*); không tìm người xứng đáng cúng dường ngoài Tăng chúng (*na ito bahiddhā dakkhiṇeyyam gavesati*); nên ưu tiên cho Tăng chúng (*idha ca pubbakāram karoti*) [11].

Qua bài kinh này, Đức Phật dạy Cư sĩ muốn đi xa trên lộ trình tâm linh cần siêng năng lui tới, thăm viếng học hỏi các bậc tu hành có giới đức, lắng nghe diệu pháp từ các Ngài để tăng trưởng tín tâm, có nhận thức hiểu biết. Từ đó có những ứng xử tốt đẹp, hợp với trách nhiệm và bổn phận của một Cư sĩ đúng mực. Nên có lần, Kimbila đã thao thức, thưa hỏi Đức Phật như sau: *Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp được an trú lâu ngày? Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ sống tôn trọng và vâng lời bậc Đạo Sư, Pháp và chúng Tăng, sống tôn trọng và vâng lời lẫn nhau. Đây là nhân, đây là duyên, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp được tồn tại lâu dài* [12]. Điều quan trọng được nhấn mạnh ở đây, dù tu sĩ hay Cư sĩ phải tôn trọng, giúp đỡ nhau tu hành để chánh pháp còn mãi ở đời. Qua các bản kinh này, chúng ta thấy những Cư sĩ này đáng được Đức Thế Tôn khen ngợi tán thán, là những Cư sĩ lý tưởng không những ổn định về kinh tế mà còn có giới hạnh, học pháp và hoằng pháp, biết cách hộ trì chánh pháp đúng đắn.



Tuy những vị chân tu thật học không nhiều như thời chánh pháp khi còn Thế Tôn nhưng không phải không có. Điều này đã được lịch sử chứng minh, khi có các vị vĩ nhân xuất hiện qua nhiều giai đoạn lịch sử, đưa chánh pháp sáng soi nhân gian, như: Ngài Long Thọ, Cưu Ma La Thập, Huyền Trang, Thích Minh Châu, Thích Trí Tịnh, Thích Phổ Tuệ ... Tất cả đã tỏa sáng gương giới đức cho hàng hậu thế mỗi khi nhìn lại trang sử vàng son ấy mà lòng không khỏi hồ thẹn.



Đất nước hòa bình, Giáo hội thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Điều này tạo điều kiện để mọi người ngồi lại với nhau, lắng nghe ý kiến, sẽ chia khó khăn và cùng nhau giải quyết, thật sự: “Vui thay, Phật ra đời. Vui thay, Pháp được giảng. Vui thay, Tăng hòa hợp. Hòa hợp tu, vui thay.”

Chủ tịch Hội Pāli Text Luân Đôn phát biểu: “Đạo Phật là một tôn giáo, một khoa học sâu sắc, một lối sống hợp lý, thực tiễn và bao gồm tất cả. Hơn 2.500 năm qua đạo Phật đã thỏa mãn những nhu cầu tâm linh của gần một phần ba nhân loại. Đạo Phật hấp dẫn đối với phương Tây, nhấn mạnh đến tinh thần tự lực, đương đầu với những quan điểm khác với lòng khoan dung. Đạo Phật bao trùm hết mọi lĩnh vực khoa học tôn giáo, triết học, tâm lý học, luân lý và nghệ thuật. Và trên hết, đạo Phật chỉ rõ cho mọi người thấy chính con người là nhà sáng tạo ra kiếp sống hiện tại của họ và mỗi người là nhà thiết kế duy nhất cho số phận của mình” [13]. Phật pháp ở tương lai có tươi đẹp hay không là ở chính những suy nghĩ và việc làm của Tăng Ni, Cư sĩ hiện nay. Cư sĩ nhận thức được mối liên hệ mật thiết, quan trọng giữa chư Tăng và giới Cư sĩ đối với việc trang nghiêm Giáo hội, giữ gìn đạo pháp tồn tại sẽ tạo niềm tin đối với người chưa vào đạo, nâng cao lòng tin đối với người đã vào đạo. Mỗi người sẽ hoàn thiện đạo đức tự thân, sống và làm việc theo lời Phật dạy, theo pháp luật. Từ đó, mang lại lợi ích không nhỏ cho xã hội và Phật giáo.

Chú thích:

- * Thích Nữ Huệ Cảnh, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP HCM.
- [1] Trí Quang (2010), *Tổng tập giới pháp xuất gia*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, tr.686.
- [2] Thích Thái Hòa (2017), *Niềm tin bất động đối với Tăng*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.254.
- [3] Thích Nhất Hạnh, *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, Nxb. Lá Bối, PL. 2548, tr.6.
- [4] TTTĐPGVN (2021), *Kinh Tăng chi bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.842.
- [5] Thích Trí Quảng (2011), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, quyển 3, Nxb. Tổng hợp TP HCM, tr.109.
- [6] Thích Minh Châu (dịch, 2017), *Kinh Pháp cú*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.85.
- [7] TTTĐPGVN (2021), *Kinh Tăng chi bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.67.
- [8] Thích Minh Châu dịch (1997), *Kinh Tăng Chi bộ*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.342.
- [9] TTTĐPGVN (2021), *Kinh Tăng chi bộ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.220.
- [10] Quảng Tánh (2011), *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikaya*, Nxb. Tổng hợp TP HCM, tr.532.
- [11] TTTĐPGVN (2021), *Kinh Tăng chi bộ*, Nxb. Hồng Đức, tr.848.
- [12] TTTĐPGVN (2021), *Kinh Tăng chi bộ*, Nxb. Hồng Đức, tr.682.
- [13] Thích Chúc Phú (2013), *Vài vấn đề về Phật giáo và nhân sinh*, Nxb. Hồng Đức, tr.9.

PHẬT GIÁO &
THỜI ĐẠI

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI



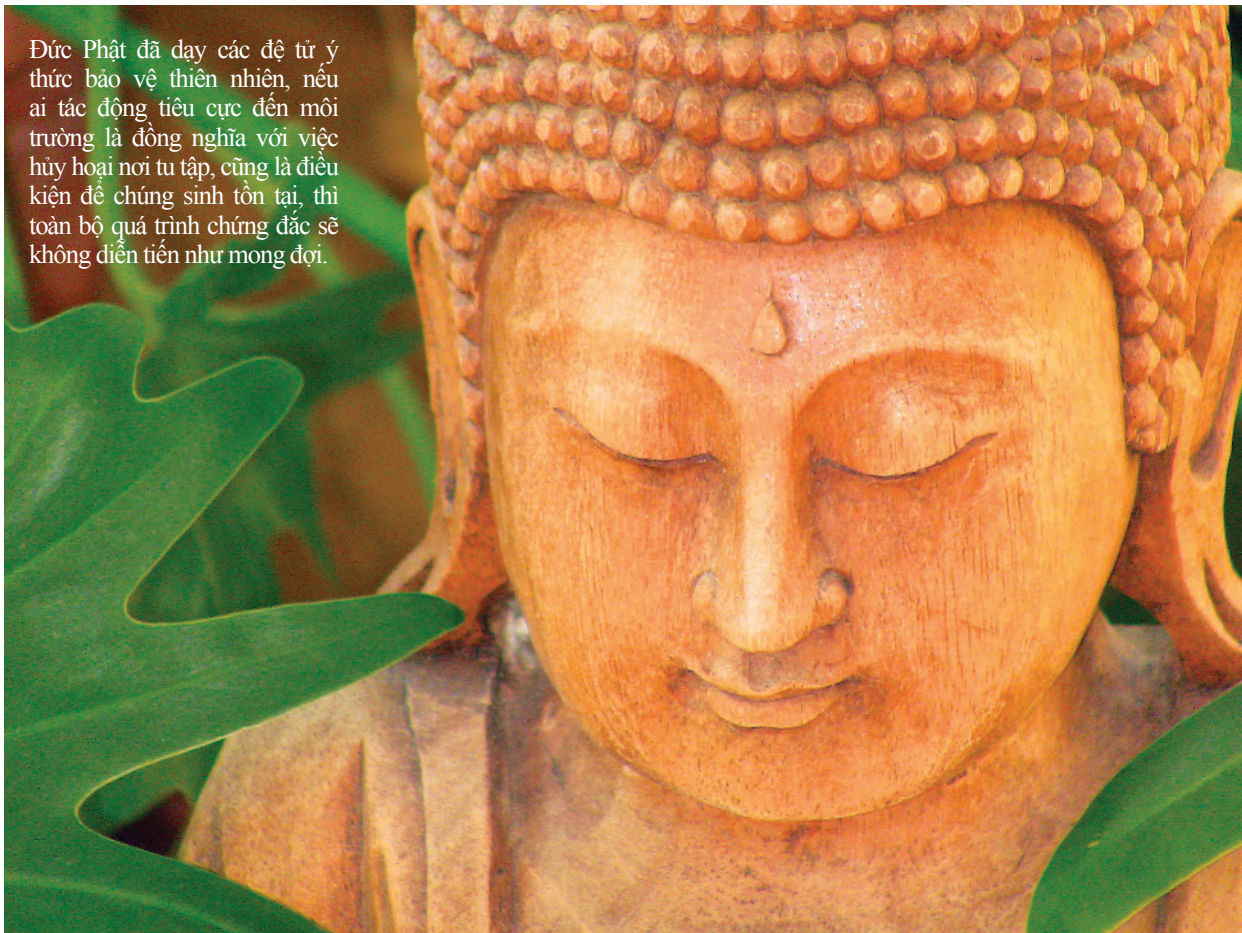
Hà Thị Xuyên*

Vấn đề ô nhiễm, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực và nguồn nước... hiện đã trở thành vấn đề lớn toàn cầu, không một quốc gia nào đủ sức tự giải quyết, mà cần có sự tham gia của cả cộng đồng thế giới. Đối với Việt Nam, dù Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách đúng đắn với nhiều nỗ lực, đồng thời đạt được kết quả bước đầu quan trọng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nhưng chúng ta vẫn đang phải đối mặt với những thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là ở một số khu vực thành thị, nông thôn, khu công nghiệp và làng nghề; tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức. Theo cảnh báo của các chuyên gia môi trường thế giới, trong 10 năm tới, GDP Việt Nam có thể tăng gấp đôi, nhưng nếu không quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, trung bình tăng thêm 1% GDP thì thiệt hại do ô nhiễm môi trường sẽ làm mất đi khoảng 3% GDP. Đây là một nhiệm vụ khó khăn, nặng nề với nước ta khi phải tập trung đồng thời phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; xem bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu vừa là nội dung cơ bản của phát triển bền vững.



Giáo hội đẩy mạnh việc tuyên truyền, thuyết giảng trong quần chúng nhân dân, Phật tử về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, mối liên hệ mật thiết giữa con người với thế giới tự nhiên qua giáo lý Duyên khởi và Vô ngã, từ đó gây dựng niềm tin về một đạo đức ứng xử “thiện” với tự nhiên, môi trường nhằm tiến tới một thế giới chung an bình, tốt đẹp, để Tăng Ni, Phật tử chuyển biến nhận thức, thay đổi hành vi, sống có trách nhiệm với xã hội, góp phần thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác môi trường.

Đức Phật đã dạy các đệ tử ý thức bảo vệ thiên nhiên, nếu ai tác động tiêu cực đến môi trường là đồng nghĩa với việc hủy hoại nơi tu tập, cũng là điều kiện để chúng sinh tồn tại, thì toàn bộ quá trình chứng đắc sẽ không diễn tiến như mong đợi.



Thực tế vẫn còn tình trạng coi trọng các lợi ích phát triển kinh tế trước mắt hơn nhiệm vụ bảo vệ môi trường bền vững lâu dài. Mặt khác, công tác bảo vệ, khắc phục hậu quả môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu cần có nguồn lực không nhỏ, trong khi nguồn vốn đầu tư cho phát triển còn hạn hẹp. Vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2016 - 2020, nước ta xem bảo vệ môi trường là nội dung quan trọng trong đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển xanh và hướng tới người dân, nhằm phát triển bền vững và bảo vệ sức khỏe, thể chất của nhân dân.

GIÁO LÝ PHẬT GIÁO CHÚ TRỌNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các tôn giáo trên thế giới và ở Việt Nam đều lấy con người làm trung tâm, thông qua tôn chỉ hoạt động, giáo lý để giáo huấn tín đồ mở rộng tình thương yêu, sống vị tha, bao dung, hòa hợp, đoàn kết và tôn trọng thiên nhiên, bảo vệ sự cân bằng, hài hòa sinh thái và vươn tới chân - thiện - mỹ. Là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong những năm qua, Phật

giáo Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, đồng hành cùng dân tộc, sẽ chia trách nhiệm xã hội, tích cực hưởng ứng và tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và những ban ngành, đoàn thể phát động; góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đức Phật là bậc đạo sư đại giác ngộ đã đem đến cho nhân loại thông điệp về hòa bình, sự hòa hợp, an lạc tâm hồn giữa con người, vũ trụ xung quanh, môi trường tự nhiên và xã hội. Ngay từ khi ra đời cách đây hơn 26 thế kỷ, Đức Phật đã dạy các đệ tử về tầm quan trọng của môi trường và bảo vệ môi trường. Trong *Kinh A Hàm*, *phẩm Kinh Lâm* có dạy: “Tỳ kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: Ta nương vào khu rừng này để ở, chưa có chính niệm sẽ được chính niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết bàn... Nay các Tỳ

kheo phải bảo vệ môi trường tự nhiên trong sạch”. Như vậy, Đức Phật đã dạy các đệ tử ý thức bảo vệ thiên nhiên, nếu ai tác động tiêu cực đến môi trường là đồng nghĩa với việc hủy hoại nơi tu tập, cũng là điều kiện để chúng sinh tồn tại, thì toàn bộ quá trình chứng đắc sẽ không diễn tiến như mong đợi.

Ngoài ra, chúng ta còn thấy một số lời dạy của Đức Phật trong các kinh điển nguyên thủy liên quan đến việc bảo vệ môi trường, như trong *Kinh Anguttara Sutra*, Ngài dạy rằng: “*Trồng cây cho ta bóng mát, ngoài việc thanh lọc không khí, nó còn bảo tồn Trái Đất, đó là điều lợi lạc cho tất cả mọi người và cho cả bản thân ta*”. Hoặc *Kinh Vinaya-matrka-sastra* dạy rằng: “*Một Tỷ kheo trồng ba loại cây: cây ăn trái, cây cho hoa và cây cho lá để cúng dường Tam bảo thì sẽ ân hưởng sự gia trì và sẽ không phạm tội*”, hoặc: “*Có năm loại cây mà một người không được chặt, đó là cây bồ đề, cây thuốc, những cây lớn mọc bên đường, cây trong rừng xú lạnh và cây đa*”. Đức Phật cũng khuyên mọi người không nên lãng phí, mà phải biết trân quý tài nguyên. Ngài đã cống hiến cho nhân loại một học thuyết vô cùng giá trị, đó là học thuyết Duyên khởi. Lý Duyên khởi khẳng định mối tương quan giữa các hiện tượng tự nhiên, nhân sinh và vũ trụ: Cái này có thì cái kia có; cái này sinh thì cái kia sinh; cái này diệt thì cái kia diệt. Các pháp tùy thuộc vào nhau mà sinh khởi, hủy hoại thiên nhiên đồng nghĩa với hủy hoại môi trường sống của con người.

Nhất quán với triết lý Duyên khởi, Vô thường, Vô ngã,... Phật giáo luôn đặt con người trong mối quan hệ phổ biến với thế giới. Thuyết Duyên khởi cho rằng, sự hình thành và phát triển của con người cũng là sự kết hợp nhân duyên của điều kiện tự nhiên, xã hội, tâm-sinh lý. Đó là sự kết hợp của các yếu tố vật chất (tứ đại: Đất, Nước, Lửa, Khí) và các yếu tố tinh thần (Thọ, Tưởng, Hành, Thức). Do vậy, từ góc độ tự nhiên, con người và giới tự nhiên vốn có mối quan hệ hữu cơ bền chặt. Con người không thể tồn tại được nếu không có thiên nhiên, môi trường. Môi trường là điều kiện cho sự sống con người. Khi môi trường bị phá hoại, sự sống con người cũng bị tổn thương, đe dọa. Phật giáo ý thức rằng, con người phải đối xử với tự nhiên theo nguyên tắc trung đạo, phải sống dựa vào tự nhiên, bảo tồn tự nhiên để tồn tại. Giáo lý nhà Phật khuyên con người phải sống từ bi, tránh tham - sân - si, không tạo nghiệp ác, dưỡng nghiệp thiện, tránh sát sinh, sống thân thiện với môi trường.

Theo đạo Phật, con người là chủ nhân của hành tinh có cấu trúc thân vật lý với bốn yếu tố, gọi là tứ đại gồm: Đất - Nước - Gió - Lửa. Do vậy, việc bảo vệ môi trường đất, môi trường nước, môi trường gió, môi trường lửa chính là bảo vệ sự sống của con người và muôn loài. Nếu môi trường đất - nước - gió - lửa bị ô nhiễm thì theo luật nhân quả sẽ tác động lại chính cuộc sống con người. Phật giáo rất coi trọng sự trong lành của đất và môi trường tự nhiên, vì màu áo mà chư tôn đức Phật giáo, Phật tử thường mặc là màu áo lam, màu nâu, màu vàng đều là màu của đất,... Đó là chiếc áo tinh khiết, nhần nại và biết ơn đất, môi trường sống của con người và muôn loài. Phật giáo, rất coi trọng sự tinh khiết, thuần nhất của môi trường nước. Phật giáo thường lấy hình ảnh nước như dòng suối mát “*nước cam lồ*” tưới tắm tâm hồn. Do vậy, nếu nguồn nước bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng rất trầm trọng đến môi trường sống của con người và muôn loài. Phật giáo rất coi trọng tầm quan trọng của môi trường gió, thực tế như chúng ta biết gió - không khí là điều kiện cơ bản để con người xuất hiện trên Trái Đất. Trong cơ thể con người, chỉ cần ngừng hơi thở là chết, sự sống chấm hết. Do vậy, nếu trong tự nhiên, gió giúp điều hòa không khí, nếu gió bị ô nhiễm sẽ khiến môi trường sống bị hủy hoại.

CÁC HOẠT ĐỘNG THIẾT THỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Với tinh thần đó, năm 2015, tại Hội nghị toàn quốc phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, Phật giáo Việt Nam đã cùng với các tổ chức tôn giáo ký kết chương trình phối hợp phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên - Môi trường và 40 tổ chức tôn giáo trong cả nước.

Sau khi ký kết chương trình phối hợp ở Trung ương, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đưa những nội dung của này vào chương trình hoạt động Phật sự hàng năm của các ban, ngành, viện Trung ương và hoạt động của Ban Trị sự Phật giáo địa phương. Đến nay, 63 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh/thành phố trong cả nước đã tham gia ký kết chương trình phối hợp bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh/thành. Nhiều địa phương đã tổ chức ký kết chương trình phối hợp 3 bên



“Hạnh phúc có thể có được bây giờ và ở đây. Chúng ta không cần phải tiêu thụ thật nhiều mới có thể hạnh phúc. Thật ra ta có thể sống rất giản dị. Nếu có chánh niệm thì mỗi giây phút đều có thể trở thành một giây phút hạnh phúc”.

(Mặt trận, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam) đến cấp huyện, tạo ra sự chuyển biến đồng bộ về nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong Tăng Ni, Phật tử cả nước.

Giáo hội đã phát động và tổ chức thực hiện nhiều phong trào như: phong trào trồng cây, gây rừng trong Tăng Ni, Phật tử và nhân dân nhằm trả lại màu xanh cho tự nhiên, góp phần bảo vệ môi trường, giảm thiểu thiên tai lũ lụt, hạn hán... Giáo hội đã kêu gọi “người người trồng cây, nhà nhà trồng cây”, thế giới trồng cây để đem lại màu xanh cho Trái Đất, góp phần bảo vệ thiên nhiên, môi trường, giảm thiểu thiên tai lũ lụt, hạn hán... tiến hành chương trình “Trồng cây hoa ngọc lan tại các chùa, di tích ở 9 tỉnh Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận” từ ngày 11-15/5/2016. Chương trình đã thực hiện trồng 1.000 cây hoa ngọc lan tại các di tích lịch sử, đền, chùa tạo môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp cho các khu di tích. Chương trình “Chung tay trồng rừng Việt Nam” do Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với Trung tâm Phát triển Thế giới thêm xanh thực hiện trong năm 2019 đã trồng và trao tặng gần 2 triệu cây giống lâm nghiệp cho hộ nghèo vùng bị cháy rừng ở các tỉnh miền Trung như: Nghệ An, Hà Tĩnh, Phú Yên... Giáo hội đã phối hợp với Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện chương trình phóng sinh bảo vệ môi trường sống cho các loài. Chương trình góp phần phục hồi, tái tạo

nguồn lợi thủy sản, đồng thời tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các Tăng Ni, Phật tử về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong thực hành nghi lễ phóng sinh tu phúc trong Phật giáo.

Giáo hội lồng ghép phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong các trường hạ, khóa tu, các buổi học chính khóa, chương trình sinh hoạt ngoại khóa của Tăng Ni sinh tại các trường đào tạo Phật học; có văn bản hướng dẫn Tăng Ni trụ trì các tự viện, nhất là các tự viện là di tích lịch sử - văn hóa thực hiện việc tổ chức lễ hội văn minh, tiết kiệm, không phô trương hình thức; hướng dẫn đồng bào Phật tử loại bỏ mê tín dị đoan, không đốt vàng mã tại các cơ sở thờ tự Phật giáo và các hình thức khác trái với thuần phong mỹ tục, văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo Việt Nam; giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền thống, thuần phong mỹ tục trong các lễ hội; lan tỏa giá trị từ bi, lòng bao dung, tôn trọng sự khác biệt của các cộng đồng tín ngưỡng, tôn giáo bạn; tổ chức nhiều hội thảo về chủ đề bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Giáo hội đẩy mạnh việc tuyên truyền, thuyết giảng trong quần chúng nhân dân, Phật tử về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, mối liên hệ mật thiết giữa con người với thế giới tự nhiên qua giáo lý Duyên khởi và Vô ngã, từ đó gây dựng niềm

tin về một đạo đức ứng xử “*thiện*” với tự nhiên, môi trường nhằm tiến tới một thế giới chung an bình, tốt đẹp, để Tăng Ni, Phật tử chuyển biến nhận thức, thay đổi hành vi, sống có trách nhiệm với xã hội, góp phần thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác môi trường. Ban Thông tin Truyền thông Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ra mắt chuyên mục “*Phật giáo và môi trường bền vững*” và đẩy mạnh công tác truyền thông trên các trang thông tin Giáo hội như: phatgiaio.org.vn, Giác Ngộ Online, Phật Sự Online, Mạng xã hội Phật giáo Butta và kênh Truyền hình An Viên...

Giáo hội chú trọng kiến tạo không gian xanh, thanh tịnh ở những nơi thờ tự để gắn kết con người với tự nhiên, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Giáo hội Phật giáo Việt Nam xây dựng phong trào “*trồng cây phúc đức*”, “*trồng cây trí đức*” hàng năm vào các dịp lễ hội Phật giáo, lễ tết dân tộc, thay cho tục lệ “*hái lộc*”, “*bẻ lộc*”; kêu gọi chuyển đổi hình thức đóng góp tiền từ thiện cho việc xây dựng “*chùa lâm viên*” thay cho hình thức bố thí tiền gạo hoặc phóng sinh chim cá; kêu gọi xây dựng lối sống thân thiện với môi trường ngay trong cộng đồng dân cư như: “*sạch và đẹp từ bàn thờ, trong nhà, ra ngoài sân, đến đường đi và cùng khắp đất nước*”. Thực hiện tiết kiệm nguồn nước, trồng cây xanh, tham gia quét dọn vệ sinh tại nơi cư trú và các khu dân cư. Các tự viện Phật giáo cũng thường xuyên tổ chức khóa tu cho Phật tử với nhiều nội dung phong phú, trong đó vấn đề bảo vệ môi trường cũng được các vị lãnh đạo Giáo hội, Tăng Ni thuyết giảng, tuyên truyền cho Phật tử như một nội dung quan trọng, thường xuyên trong hoằng pháp. Giáo hội các cấp đã biên tập những kiến thức về bảo vệ môi trường theo quan điểm Phật giáo, để từ đó có những ứng dụng, thực hành ngay trong cuộc sống thường ngày và khuyến khích mọi người cùng chung tay hành động vì môi trường.

Ngoài ra, lối ăn chay, không sát sinh trong truyền thống Phật giáo không chỉ như hành động tu dưỡng để kiểm soát Tham - Sân - Si (xét theo mức độ Thân - Khẩu - Ý) của bản thân để đạt tới giải thoát, giác ngộ, mà còn được quy thành “*tính thiện*” tự giác, từ bi, vị tha của Phật tử. Tinh thần ăn chay, “*bất sát*” của Phật giáo rất gần tới ý thức về đạo đức môi trường hiện đại khi chuẩn hóa lối sống ứng xử thân thiện với môi trường thành giá trị đạo đức của con người giác ngộ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chỉ đạo xây dựng và duy trì hoạt động có hiệu quả mô hình điểm tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, gồm: 4 mô hình điểm ở cấp Trung ương (chùa Pháp Vân - Hà Nội, chùa Pháp Bảo - TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm hỗ trợ Cộng đồng Hải Đức - TP. Huế và hệ thống Tông phong Tịnh Độ Non Bồng) và nhiều mô hình ở các địa phương.

Chùa Pháp Vân

Đã tập trung phát triển nguồn nhân lực, thành lập được 3 câu lạc bộ chuyên hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tuyên truyền thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong quần chúng tín đồ (CLB An Lạc, CLB Môi Trường Xanh; CLB Pháp Vân Xanh). Các câu lạc bộ được tổ chức, hoạt động chuyên nghiệp, nề nếp, thu hút nhiều thành phần xã hội tham gia hưởng ứng. Tổ chức nhiều buổi truyền thông, thuyết giảng cho Phật tử, người dân về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm; liên kết với các trường học, Đoàn Thanh niên để thường xuyên truyền thông các chủ đề về bảo vệ môi trường cho các đạo tràng Phật tử sinh hoạt tại chùa; tham gia vệ sinh những nơi công cộng như công viên, bệnh viện, bến xe, trường học... Phối hợp với chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phường Hoàng Liệt tổ chức 5 chiến dịch Xanh - Sạch - Đẹp: phát động phong trào thu gom, phân loại, xử lý rác thải, trồng cây xanh, truyền thông cho Phật tử và nhân dân trong vùng nâng cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường, nói không với thực phẩm bẩn (mỗi chiến dịch có từ 50 đến 100 Phật tử và nhân dân tham gia hưởng ứng); Tổ chức các đợt gây quỹ để hỗ trợ đồng bào miền Trung gặp thiên tai do biến đổi khí hậu gây ra. Đặc biệt, mô hình điểm ở chùa Pháp Vân đã phát động và tổ chức sự kiện “*Ngày An lạc*” định kỳ vào chủ nhật tuần đầu hàng tháng, trong đó nhấn mạnh đến giải pháp “*Ăn chay, sống xanh, bảo vệ môi trường*”, tăng số ngày ăn chay trong tuần/tháng... Có thể nói, đây là một giải pháp kép cho vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm hiện nay và bảo vệ môi sinh; giải pháp này phù hợp với xu thế ăn chay để bảo vệ môi trường ở Việt Nam và trên thế giới. Văn hóa ăn chay của Tăng Ni, Phật tử dần trở thành một giải pháp đơn giản mà hữu ích đối với vấn đề môi trường. Sự kiện “*Ngày An lạc*” đã truyền bá, phổ biến những tác dụng của việc thực hành ăn chay đối với môi trường, giúp cải tạo và cân bằng cuộc sống mỗi người. Việc không sử dụng những sản

phẩm từ động vật sẽ giúp một số loài tránh khỏi nguy cơ tuyệt chủng. Việc chủ trương ăn chay trong cộng đồng Phật giáo do chùa Pháp Vân khởi xướng không chỉ đem lại những lợi ích thiết thực cho người phát tâm thực hiện, tạo chuyển biến trong suy nghĩ của mọi người về vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường mà còn trở thành cách thức hiệu quả, khả thi nhất để bảo vệ môi trường sống, chống biến đổi khí hậu, bảo đảm tương lai tốt đẹp cho thế hệ mai sau.

Chùa Pháp Bảo

Là mô hình điểm của Phật giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tại miền Nam. Mô hình đã thực hiện các chương trình tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các tỉnh nguyên viên, Phật tử và Ban Điều hành khu phố các phường trên địa bàn quận Gò Vấp (TP HCM). Chùa đã phối hợp với Ủy ban MTTQ VN quận Gò Vấp tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường cho hơn 400 Phật tử các chùa trên địa bàn quận Gò Vấp và quận 5. Đồng thời, tổ chức chiếu phim về bảo vệ môi trường - giảm thiểu sử dụng túi nylon; phát tờ rơi tuyên truyền ứng phó với biến đổi khí hậu cho Phật tử, người dân trong khu dân cư, một số tiểu thương ở các chợ trên địa bàn quận Gò Vấp; xây dựng mô hình “*Khu phố xanh*” tại khu phố 13 (phường 11); tổ chức 6 chương trình Trà Đàm gây quỹ, buffet gây quỹ hỗ trợ đồng bào bị lũ lụt và tạo nguồn quỹ cho các chương trình hỗ trợ giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Chùa Hải Đức

Đã kết hợp với Tổ chức Bắc Âu trợ giúp Việt Nam (NCA) cùng thực hiện dự án xây dựng năng lực cho cộng đồng để giảm thiểu rủi ro của biến đổi khí hậu, với các hoạt động tích cực và cụ thể, như: Thành lập ban điều phối cứu hộ, cứu trợ có khả năng ứng cứu khẩn cấp với biến đổi khí hậu, đồng thời việc kết hợp chặt chẽ các tổ chức xã hội đã giúp các hoạt động mang tính xã hội sâu rộng hiệu quả hơn. Đồng thời, triển khai thành công dự án biết bơi để giảm rủi ro thiên tai; vận động nguồn lực từ cộng đồng để tặng các suất học bổng và xe đạp cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, phát quà tại bệnh viện, thăm hỏi và tặng quà cho các bà con vùng lũ.

Mô hình của Tông phong Tịnh độ Non Bồng

Trong nhiều năm qua, hệ thống tự viện của Tông phong Tịnh độ Non Bồng ở nhiều địa phương đã

tiếp nhận và ký kết giao ước tự trồng rừng, phủ xanh đồi trọc với diện tích hơn 1.000 ha tại các tỉnh Lâm Đồng, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai...

Trong Thông điệp gửi Liên Hiệp quốc về biến đổi khí hậu, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã viết: “*Dù thuộc quốc tịch nào, nền văn hóa nào, dù theo tôn giáo nào - Phật tử, tín đồ Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo hay người theo chủ nghĩa vô thần - thì ta cũng có thể thấy Trái Đất không phải là một vật vô tri. Trái Đất đã cho ra đời nhiều vị Bụt, Bồ tát, những nhà tiên tri, những vị Thánh, những người con trai, con gái của Thượng đế và loài người. Trái Đất là một bà mẹ đã nuôi dưỡng, bảo vệ mọi người và mọi loài với một tình thương không phân biệt, không kỳ thị. Khi nhận ra Trái Đất không chỉ là môi trường, chúng ta sẽ thấy cần phải bảo vệ trái đất như là bảo vệ chính mình. Đó là một sự tỉnh thức, một sự giác ngộ mà ta cần phải có. Tương lai của hành tinh này tùy thuộc vào khả năng chúng ta có thể nuôi lớn tuệ giác đó hay không. Trái Đất và các chủng loại sống trên đó đang ở trong tình trạng nguy hiểm thật sự. Nếu xây dựng được mối liên hệ sâu sắc với Trái Đất thì ta sẽ có tình thương, có sức mạnh và tuệ giác để thay đổi lối sống của mình...*”

Chỉ khi nào ta yêu đất mẹ thật sự thì hành động của ta mới phát xuất từ sự tôn kính và từ tuệ giác tương tức. Hiện nay rất nhiều người đang đánh mất liên hệ với đất mẹ. Chúng ta bị lạc lối, xa cách và cô đơn. Chúng ta làm việc quá nhiều. Đời sống của ta quá bận rộn. Tâm ta trở nên bất an, tán loạn và ta đánh mất mình trong sự tiêu thụ. Nhưng đất mẹ luôn có mặt đó cho ta, hiến tặng cho ta những thứ cần thiết cho sự nuôi dưỡng và trị liệu: những hạt ngũ cốc màu nhiệm, những dòng nước mát trong, những cánh rừng thơm ngát, những đỉnh núi tuyết hùng vĩ và tiếng chim hót tươi vui của buổi bình minh...

Hạnh phúc có thể có được bây giờ và ở đây. Chúng ta không cần phải tiêu thụ thật nhiều mới có thể hạnh phúc. Thật ra ta có thể sống rất giản dị. Nếu có chánh niệm thì mỗi giây phút đều có thể trở thành một giây phút hạnh phúc. Thường thức một hơi thở, cho phép mình dừng lại để ngắm bầu trời xanh, thường thức trọn vẹn sự có mặt của một người thương, chỉ như vậy thôi cũng đã quá đủ để cho ta hạnh phúc. Mỗi người trong chúng ta cần phải trở về để kết nối lại với chính mình, với những người



Năm 2015, tại Hội nghị toàn quốc phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, Phật giáo Việt Nam đã cùng với các tổ chức tôn giáo ký kết chương trình phối hợp phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu giữa Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tài nguyên - Môi trường và 40 tổ chức tôn giáo trong cả nước.

thương của mình và với trái đất. Tiền bạc, uy quyền và sự tiêu thụ không cho ta hạnh phúc, mà ta chỉ có hạnh phúc thực sự khi trong trái tim ta tràn đầy tình thương và sự hiểu biết...

Chúng ta phải tiêu thụ như thế nào để nuôi dưỡng lòng từ bi trong ta. Hiện nay, những khu rừng đang bị tàn phá để làm đồng cỏ nuôi gia súc lấy thịt hay để trồng ngũ cốc làm rượu, trong khi hàng triệu người trên thế giới đang chết đói. Nếu ta giảm ăn thịt và uống rượu xuống 50%, đó là một hành động thương yêu chính mình, thương yêu Trái Đất và những loài khác. Ăn với lòng từ bi có thể giúp thay đổi tình trạng mà hành tinh của ta đang lâm vào, thiết lập lại sự cân bằng cho chúng ta và Trái Đất”.

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Cố Đệ tam Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã gửi đi thông điệp về vấn nạn môi trường và gửi lời kêu gọi bảo vệ môi trường đối với tất cả Phật tử nhân ngày Phật đản năm 2011: “*Thế giới nói chung và đất nước ta nói riêng đang đứng trước nhiều khó khăn tác hại do ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu, môi trường, nguồn tài nguyên ngày một cạn kiệt, nhiệt độ trái đất gia tăng, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, sóng thần, động đất, nước biển dâng, ... đang là những thảm họa đe dọa đến sự an nguy của sự sống con người. Hơn lúc nào hết, tôi kêu gọi mỗi Tăng Ni, Phật tử chúng ta cần phải hiểu rõ bản chất của giáo lý Phật đà về luật vô thường, về tôn trọng sự sống và mối liên hệ hữu cơ giữa con người và thiên nhiên, để chung tay với cộng đồng xã hội bảo vệ môi trường xã hội và sự an nguy của trái*

đất, đó là việc làm thiết thực để kính dâng ngày đản sinh Đức Từ Phụ của chúng ta”.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, cần hoạch định phương thức giáo dục và giúp Phật tử hình thành thói quen tự giác với những hệ quả của hành vi bản thân đối với môi trường, coi đó như là cách thức để tích nghiệp thiện. Bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống cho chúng ta hôm nay và thế hệ mai sau. Do đó, việc tuyên truyền, vận động đông đảo Tăng Ni, Phật tử và nhân dân cả nước gắng sức, đồng lòng cùng Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Xem đây là nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa to lớn, nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, thực thi cam kết hiệp định Paris về biến đổi khí hậu và cổ súy những giá trị phổ quát của thế giới.

Chú thích:

* Thạc sĩ Hà Thị Xuyên - Chuyên viên chính, Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2015), Thông điệp tại Hội nghị toàn quốc “*Phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.*”
2. Thích Nhất Hạnh (2015), *Thông điệp gửi đến Liên Hiệp Quốc về vấn đề biến đổi khí hậu.*
3. Thích Phổ Tuệ (2011), *Thông điệp Phật đản 2011.*
4. Thích Trí Quảng (2011), *Phật giáo và môi trường sinh thái.*
5. Lê Văn Tâm (1995), *Đạo Phật đối với vấn đề phát triển lâu bền và bảo vệ môi trường.*
6. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (2021), *Báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện chương trình phối hợp phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.*

PHỔ HỆ TRUYỀN THỪA THIỀN PHÁI



ĐD. Thích Quảng Hiệp*

Tóm tắt: Thiền phái Lâm Tế du nhập Đàng trong nửa cuối thế kỷ XVII qua bước chân hoàng hóa của chư Tổ sư người Hán. Kế thừa truyền thống chư Tổ sư thiền phái Trúc Lâm, Thiền sư Liễu Quán (1667-1742) sau khi đắc pháp với Đại sư Minh Hoàng Tử Dung, đã mở ra một dòng thiền mới mang sắc thái riêng của người Việt, mà về sau chúng ta thường gọi với tên thiền phái Liễu Quán. Bài viết bước đầu khảo cứu thiết lập danh sách phổ hệ truyền thừa của thiền phái Liễu Quán tại Phú Yên với ba nhánh của chư Tổ sư Tế Căn Từ Chiếu, Tế Nhon Hữu Phi và Tế Hiển Bửu Dương.

Từ khóa: Thiền phái Liễu Quán, Phật giáo Phú Yên, phổ hệ truyền thừa.

CÁC VỊ ĐỆ TỬ CỦA THIỀN SƯ LIỄU QUÁN

Theo nội dung trên văn bia tháp, Thiền sư Liễu Quán có 49 vị đệ tử. Riêng tại Phú Yên, dựa theo thông tin sách *Lược sử chư tôn Phú Yên trong và ngoài tỉnh* của nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Chúc, *Nam độ Bảo Đàn kinh* (南土寶壇經), *Thích song tổ ấn tập* (釋窓祖印集) của Hòa thượng Trừng Diệu Tịnh Hạnh, cùng một số tư liệu thu thập được trong quá trình khảo sát điền dã, biết được có 11 vị đệ tử. Hòa thượng Trừng Diệu Tịnh Hạnh là người Phú Yên, nối dòng Lâm Tế đời thứ 42, thế hệ thứ 8 kệ phái Liễu Quán. Năm Duy Tân thứ năm Tân Hợi [1911] khai sơn chùa Thiền Lâm thuộc thôn Phú Lâm, tổng Đức Thắng (nay thuộc Phường Đức Long TP. Phan Thiết). Các vị đệ tử của Thiền sư Liễu Quán là các Ngài: Tế Hảo Khánh Liên

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI PHẬT GIÁO TOÀN QUỐC
NHIỆM KỲ 2022-2027

QUÁN

TẠI PHÚ YÊN

(kể thể trú trì chùa Bảo Tịnh, Tuy Hòa), Tế Căn Từ Chiếu (khai sơn chùa Hồ Sơn, Tuy Hòa), Tế Duyên Quảng Giác (khai sơn chùa Kim Cang, Tuy Hòa), Tế Đài Khánh Thủy (trú trì chùa Kim Long, Tuy Hòa), Tế Dũng (khai sơn chùa Bình Long, Tuy Hòa), Tế Hoảng Trừng Hưng (khai sơn chùa Dương Long, Tuy Hòa), Tế Ngạn Thanh Tùng (khai sơn chùa Long Sơn - Bầu Đục, Tuy Hòa), Tế Ý Hoảng Tuân (khai sơn chùa Long Sơn, An Mỹ, Tuy An), Tế Tín Pháp Vị, Tế Thường An Dưỡng (khai sơn chùa Vĩnh Xương - Tuy Hòa, chùa Vĩnh Phước, chùa Vĩnh Long - Tuy An). Hiện tại Phú Yên truyền thừa dòng Liễu Quán chủ yếu xoay quanh theo ba nhánh chính là nhánh Tổ sư Tế Căn Từ Chiếu, nhánh tổ Tế Nhơn Hữu Phi, nhánh tổ Tế Hiền Bửu Dương.

NHÁNH TRUYỀN TỔ SƯ TẾ CĂN TỪ CHIẾU

Đại sư Tế Căn hiệu Từ Chiếu nối dòng Lâm Tế đời thứ 36, thuộc thế hệ thứ 3 thiền phái Liễu Quán, là một trong những cao đồ của Thiền sư Thiệt Diệu. Sau khi đắc pháp với Bồn sư, ngài về thôn Ninh Tịnh, xã Bình Kiến (nay là phường 9, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) mở đất dựng ngôi giả lam lấy tên Hồ Sơn vào những năm đầu của thế kỷ XVIII. Sau khi tổ Tế Duyên viên tịch, tổ kiêm đảm nhận trú trì tổ đình Kim Cang. Từ đây, nhánh truyền thừa của ngài phát triển ngày càng lớn mạnh và nhanh chóng trở thành nhánh truyền tiêu biểu của dòng thiền Liễu Quán tại Phú Yên. Tuy Hòa, Tuy An được xem là thủ phủ của chi nhánh này.

Tại Tuy Hòa, theo *Thích song tổ ấn tập* (释憲祖印集), nhánh truyền đầu tiên của tổ Tế Căn Từ Chiếu là Đại sư Đại Đức (hiệu Vạn Phước) trú trì tổ đình Kim Cang thuộc Lâm Tế đời 37, thế hệ thứ 3 dòng truyền thừa Liễu Quán: *Đệ tam thập lục thế hỷ Tế Duyên hiệu Quảng Giác lão tổ trúc tích vu bảo tháp xã lập Kim Cang tự chi Vĩnh Hựu ngũ niên tứ nguyệt nhị thập bát nhật quốc chủ ngự đề sắc tứ Kim Cang Quan tự. Do tự Việt Nam ngự bút chi bảo lục tự chi Pháp đệ tam thập thất thế hỷ Đại Đức hiệu Vạn Phước Đại lão Hòa thượng.* [18,44]

Cũng thông qua tư liệu này, tác giả còn cung cấp thêm nhiều thông tin hữu ích về sự hình thành và phát triển nhánh tổ sư Tế Căn với sự truyền thừa liên tục qua các đời:

Lê thời khai tổ ngũ thập tứ niên Lâm Tế Thiên Thai sơn Thiền Tôn tự Tổ sư đệ tam thập ngũ thế hỷ Thiệt Diệu thượng Liễu hạ Quán tổ ông trúc tích vu

Phú Yên tỉnh Tuy Hòa phủ Năng Tịnh xã lập Bảo Tịnh tự, hồi kinh truyền vu đệ tử.

Đệ tam thập lục thế hỷ Tế Căn hiệu Từ Chiếu Đại lão Hòa thượng.

Đệ tam thập thất thế hỷ Đại Đức hiệu Vạn Phước Đại lão Hòa thượng.

Đệ tam thập bát thế hỷ Đạo Viên hiệu Trí Giác Đại lão Hòa thượng.

Đệ tam thập cửu đại hỷ Tánh Định hiệu Long Quang Đại lão Hòa thượng.

Đệ tứ thập đại hỷ Hải Nhiêu hiệu Thiên Ân Đại lão Hòa thượng.

Đệ tứ thập nhất thế hỷ Thanh Thắng hiệu Văn Chất Viên Thị Hòa thượng. [18,48a-49a]

Đối chiếu với *Chánh pháp nhãn tạng*, Hòa thượng Phước Tường phú chúc cho Hòa thượng Nhơn Hiền ngày 08 tháng 4 năm Quý Sửu (1913) hiện lưu tại chùa Hội Phước (Nha Trang), thông tin về nhánh truyền của tổ sư Từ Chiếu có đề cập trong Thích song tổ ấn tập là hoàn toàn trùng khớp.

Đệ tam thập ngũ thế hỷ Thiệt Diệu thượng Liễu hạ Quán Hòa thượng.

Đệ tam thập lục thế hỷ Tế Căn thượng Từ hạ Chiếu Hòa thượng.

Đệ tam thập thất thế hỷ Đại Đức thượng Vạn hạ Phước Hòa thượng.

Đệ tam thập bát thế hỷ Đạo Viên thượng Trí hạ Giác Hòa thượng.

Đệ tam thập cửu đại hỷ Tánh Định thượng Long hạ Quang Hòa thượng.

Đệ tứ thập đại hỷ Hải Nhiêu thượng Thiên hạ Ân Hòa thượng.

Đệ tứ thập nhất đại hỷ Thanh Minh thượng Phổ hạ Quang Hòa thượng.

Tự Lâm Tế chánh tông Kim Long đường thượng tứ thập nhị thế hỷ Trừng Chánh thượng Quảng Hạ Đạt Phước Tường Yết-ma Hòa thượng. [18, 46b-47a]

Đồng thời qua pháp quyền (tức Chánh pháp nhãn tạng) này, chúng ta biết được nhánh này còn truyền vào đất Ninh Hòa (Khánh Hòa) qua Hòa thượng Trừng Chánh Phước Tường. Theo thông tin từ Đại đức Thích Quảng Nhứt (chùa Long Quang) cung cấp, Hòa thượng Trừng Chánh Phước Tường vốn là pháp tử của Hòa thượng Hải Nhiêu Thiên Ân với pháp danh Thanh Chánh. Sau khi Bồn sư viên tịch, Hòa thượng cầu pháp với trưởng huynh Thanh Minh Phổ Quang và được phú pháp cho chánh pháp



本師釋迦牟尼佛

首傳

第一祖迦葉尊者

至

第二十七祖般若多尊者

至

東土初祖菩提達磨大師

第二祖慧可大師

第三祖僧璨大師

第四祖道信大師

第五祖弘忍大師

第六祖慧能大師

第七祖南岳懷讓大師

第八祖馬祖道一大師

第九祖百丈懷海大師

第十祖黃檗斷際大師

第十一祖臨濟義玄禪師

第十二祖興化存獎禪師

第十三祖院慧顥禪師

第十四祖風穴延沼禪師

第十五祖首山省念禪師

第十六祖汾陽善昭禪師

第十七祖慈明楚圓禪師

第八世楊岐方會禪師

第九世白雲奇瑞禪師

第十世五祖法演禪師

第十一世圓悟克勤禪師

第十二世虎丘隆紹禪師

第十三世慈庵曇華禪師

第十四世密雲咸傑禪師

第十五世破庵祖元禪師

第十六世無准師範禪師

第十七世雲巖祖殿禪師

第十八世高峰妙禪師

第十九世中風明本禪師

第二十世天巖元長禪師

第二十一世萬峰時蔚禪師

第二十二世寶藏普持禪師

第二十三世東明慧日山禪師

第二十四世海舟禾慈禪師

第二十五世寶峯明瑄禪師

第二十六世天奇本瑞禪師

第二十七世無問明通禪師

第二十八世笑巖德寶禪師

第二十九世幻有正傳禪師

第三十世密雲圓悟禪師

第三十一世木陳道忞禪師

第三十二世雪樵真樸禪師

第三十三世大車如長老祖和上

第三十四世子融明鑑老祖和上

第三十五世子觀實耀老祖和上

第三十六世寶楊際顯老祖和上

第三十七世正念大通老祖和上

第三十八世如臆道成老祖和上

第三十九世歸任性常老祖和上

第四十世禪尊上覺祖師和尚

第四十一世禪尊上覺祖師和尚

諸法門中之龍象也是將從上源流卷

子如是展轉及至正傳于今付囑

子法名澄明號書德大師

付法偈云

心同虛空真法界是等虛空法性空

法證得虛空法時無是法法無非

法示為人天眼目先期後爽葉流芳

手書

付囑

弟子法名澄明號書德大師以為

表信云



歲次壬午年肆月拾五日



Tổ đình Bảo Tịnh. (Ảnh: ST)

nhân tạng với pháp danh Trừng Chánh. Khi vào vùng Ninh Hòa hoằng hóa, Hòa thượng vẫn dùng pháp danh Thanh Chánh tự Quảng Đạt, hiệu Phước Tường để hành đạo.

Hòa thượng Thanh Chánh nổi dòng Lâm Tế đời 41, thế hệ thứ 7 dòng thiền Liễu Quán. Ngài sinh ngày 15 tháng 5 năm Đinh Mão, niên hiệu Tự Đức thứ 20 (1867), tại Phú Yên. Năm Ất Dậu (1885), Ngài cùng với tầng lớp thanh niên Nho sĩ tích cực hưởng ứng phong trào Cần Vương, sau đó đến quy y với tổ Hải Nhiều Thiên Ân tại chùa Khánh Long ở Phú Yên. Sau một thời gian, Ngài được Bổn sư gửi đến tham học với các bậc Thiền sư thạc đức đương thời ở Phú Yên, như ngài Pháp Hỷ ở chùa Từ Quang, ngài Hải Huệ Trí Giác ở chùa Thiên Thai Sơn Thạch. Hòa thượng vào Khánh Hòa năm Quý Sửu (1913), trú trì chùa Kim Long ở Ninh Quang, Ninh Hòa. Đến năm Đinh Tỵ (1917), Ngài vào Nha Trang trú trì chùa Hội Phước thay Hòa thượng Chơn Hương Thiên Quang. Trú trì được ba năm, Ngài giao lại cho Hòa thượng Nhơn Hiền rồi trở về trú trì chùa Thiên Bửu cho đến ngày viên tịch vào năm 1932.

Ngoài vùng Tuy Hòa, chúng tôi còn phát hiện thêm nhánh truyền mới của tổ Từ Chiếu mà từ trước đến nay chưa từng được khảo cứu, đó là nhánh truyền của Tổ

sư Đại Châu Trí Thuận tại chùa Quy Sơn thuộc huyện Tuy An. Từ những thông tin thu thập qua các nguồn tư liệu và điền dã, phổ hệ truyền thừa của Tổ sư Tế Căn Từ Chiếu tạm được hệ thống như sau:

Đời thứ 37, Đại Đức Vạn Phước khai sơn chùa An Thành, Đại Châu Trí Thuận khai sơn chùa Quy Sơn, Đại Thành Thanh Trạm.

Đời thứ 38, gồm chư vị pháp tử Đại sư Đại Đức Vạn Phước: Đạo Đạt Chơn Nguyên khai sơn am Từ Vân, Đạo Viên Trí Giác chùa Kim Cang, Đạo Quảng Trường Thọ chùa An Thành, Đạo Khánh Thanh Lương, Đạo Bảo Trí Giám chùa Hồ Sơn; pháp tử Đại sư Đại Châu: Đạo Thanh Chánh Bửu.

Đời thứ 39, gồm chư vị pháp tử Đại sư Đạo Viên Trí Giác: Tánh Lý Bảo Hương, Tánh Định Long Quang chùa Khánh Long, Tánh Quảng Bảo Hòa, Tánh Thủy Bảo An, Tánh Kiên Bảo Liên chùa Kim Cang; pháp tử Đại sư Đạo Bảo Trí Giám: Tánh Định Bảo Minh chùa Hồ Sơn; pháp tử Đại sư Đạo Chơn Nguyên: Tánh Phú Thiên Tiên cổ tích Long Sơn; pháp tử Đại sư Đạo Thanh Chánh Bửu: Tánh Tôn Huệ Ý chùa Quy Sơn.

Đời thứ 40, gồm chư vị pháp tử Đại sư Tánh Định Long Quang: Hải Lương Viên Thông, Hải Nhiều Thiên Ân chùa Thiên Sơn, Hải Phước Viên Trí; chư vị pháp tử Đại sư Tánh Kiên Bảo Liên: Hải Nghĩa Huệ Thanh chùa Kim Cang, Hải Thông Huệ Đạt chùa Kim



Tổ đình Hồ Sơn. (ảnh: ST)

Cang, Hải Đạt Từ Thanh chùa Khánh Lâm; pháp tử Đại sư Tánh Định Bảo Minh: Hải Trí Viên Thuận chùa Hồ Sơn; pháp tử Đại sư Tánh Phú Thiên Tiên: Hải Tình Bảo Châu chùa Long Sơn; pháp tử Đại sư Tánh Tồn Huệ Ý: Hải Từ Long Kế chùa Quy Sơn.

Đời thứ 41, chư vị pháp tử Hòa thượng Hải Nhiều Thiên Ân: Thanh Thắng Văn Chất chùa Thiền Sơn, Thanh Minh Phổ Quang chùa Quang Long, Thanh Khương Phổ Nhuận chùa An Thành, Thanh Y Phổ Quang chùa Quang Long; pháp tử Hòa thượng Hải Nghĩa Huệ Thanh: Thanh Minh Thiên Hòa chùa Kim Cang; chư vị pháp tử Hòa thượng Hải Trí Viên Thuận: Thanh Hải Thiên Phước chùa Phú Quang, Thanh Chơn Nguyên Đạt chùa Long Tường, Thanh Nghĩa Phổ Hiền chùa Hồ Sơn, Thanh Ngộ Phổ Nguyên chùa Long Quang; pháp tử Hòa thượng Hải Từ Long Kế: Thanh Đồng Huệ Thành chùa Quy Sơn.

Đời thứ 42, pháp tử Hòa thượng Thanh Đồng Huệ Thành: Trùng Chơn Phước Long chùa Quy Sơn; pháp tử Hòa thượng Thanh Minh Phổ Quang: Trùng Chánh Phước Tường; pháp tử Hòa thượng Thanh Khương Phổ Nhuận: Trùng Thành Hoằng Đạo chùa Bảo Tịnh, Trùng Diệu Tịnh Hạnh chùa Thiền Lâm, Trùng Trà Hoằng Khai chùa An Thành; pháp tử Hòa thượng Thanh Y Phổ Quang: Trùng Như Chí Tại, Trùng Ký Chí Thành; pháp tử Hòa thượng Thanh Hải Thiên Phước: Trùng Giác Hoằng Thọ, Trùng Thân Hoằng Nhơn chùa Phú Quang; pháp tử Hòa thượng Thanh Minh Thiên Hòa: Trùng Phước Vĩnh Lưu chùa Kim Cang, Trùng Vinh Vĩnh Thái; pháp tử Hòa thượng Thanh Chơn Nguyên Đạt: Trùng Thành Vạn Ân; pháp tử Hòa thượng Thanh Nghĩa Phổ Hiền: Trùng Chí Xuân Tường chùa Hồ Sơn.

Đời thứ 43, pháp tử Hòa thượng Trùng Chơn Phước Long: Tâm Hòa Minh Lý chùa Quy Sơn; pháp tử Hòa thượng Trùng Diệu Tịnh Hạnh: Tâm Huệ; pháp tử Hòa thượng Trùng Ký Chí Thành: Tâm Diệu; pháp tử Hòa thượng Trùng Phước Vĩnh Lưu: Tâm Trí Minh Tịnh chùa Kim Cang, pháp tử Hòa thượng Trùng Giác Hoằng Thọ: Tâm Quả Chơn Hạnh; pháp tử Hòa thượng Trùng Thân Hoằng Nhơn: Tâm Thủy chùa Minh Sơn, Tâm Thọ Diệu Lạc chùa Hòa Sơn; pháp tử Hòa thượng Trùng Chí Xuân Tường: Tâm Chuẩn Diệu Quang chùa Hồ Sơn.

Đời thứ 44, pháp tử Hòa thượng Tâm Hòa Minh Lý: Nguyên Hải Liên Tôn chùa Quy Sơn; pháp tử Hòa thượng Tâm Diệu: Nguyên Thành Diệu Từ; pháp tử Hòa thượng Tâm Quả Chơn Hạnh: Nguyên Hương Thiên Đạt.

Đời thứ 45, pháp tử Nguyên Hải Liên Tôn: Quảng Hương Bảo Châu - Thánh tử đạo chùa Khải Đoan; đệ tử Nguyên Thành Diệu Từ: Quảng Hội Thiện Hữu Thông Nghị.

NHÁNH TRUYỀN TỔ SƯ TẾ NHƠN HỮU PHÍ

Tổ sư húy Tế Nhơn hiệu Giác Viên họ Bùi, là trưởng tử đắc pháp của Tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán, nối dòng Lâm Tế thứ 36, thế hệ thứ 2 thiền phái Liễu Quán. Sau khi Bồn sư viên tịch (1742), Ngài kế thừa trú trì chùa Thiền Tôn. Năm Canh Hưng thứ 8 [1747], chúa Nguyễn Phúc Khoát cung thỉnh tổ kiêm trú trì chùa Báo Quốc. Những vị đệ tử của Ngài được biết đến nay có: Đại Triệt, Đại Trí Quảng Thông, Đại Nguyệt Linh Chiếu, Đại Quang Chí Thành Huệ Chiếu, Đại Bửu Kim Cang. Trong đó, ngài Đại Triệt được Tổ phú pháp cho bài kệ:

Tổ đình Long Sơn Bát Nhã.
(Ảnh: Nguyễn Văn Thịnh)



*Pháp phó bốn kể tôn
Chư tướng tổng thị không
Pháp pháp diệt phi pháp
Vạn pháp tại kỳ trung.*

Tổ viên tịch vào ngày 11 tháng Chạp năm Quý Dậu Cảnh Hưng thứ 14 (1753), bảo tháp dựng tại phía Đông khuôn viên chùa. [19,78b]
Nhánh của tổ Tế Nhơn Hữu Phi truyền vào Phú Yên không rõ từ giai đoạn nào, chỉ biết dưới triều Minh Mạng có Thiền sư Tánh Thông Giác Ngộ (1774-1842) nổi danh thiền Liễu Quán thế hệ thứ 5, khai sơn chùa Long Sơn Bát Nhã sau thời gian dài ẩn tu. Từ Tổ đình Bát Nhã, nhánh này không ngừng được truyền thừa trên đất Phú Yên và đến nay đã phát triển thêm ở các tỉnh khác như: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu....

Tại Phú Yên, trong *Thích song tổ án tập* Hòa thượng Tịnh Hạnh có chép lại:

Lê thời Thiên Thai sơn Thiên Tôn tự Lâm Tế chánh tông hiệu Liễu Quán Tổ sư truyền đạo vu Phú Yên Đồng Xuân huyện.

Đệ tam thập lục thế hỷ Tế Nhơn hiệu Hữu Bùi Tổ sư. Đệ tam thập thất thế hỷ Đại Nguyệt hiệu Linh Chiêu Lão tổ.

Đệ tam thập bát thế hỷ Thông Dụng hiệu Đức Quảng Lão tổ.

Đệ tam thập cửu thế hỷ Tánh Thông hiệu Giác Ngộ Tăng can Hòa thượng.

Đệ tứ thập thế hỷ Hải Lưu hiệu Mật Niệm Lão tổ.

Đệ tứ thập nhất thế hỷ Thanh Nhuận hiệu Phổ Quang Lão tổ.

Đệ tứ thập nhị thế hỷ Trừng Lâm hiệu Chơn Hương Hòa thượng.

Đệ tứ thập tam thế hỷ Tâm Đạt hiệu Bảo Quang Hòa thượng. [18,37b-38a]

Theo long vị được phụng thờ tại chùa Long Sơn Bát Nhã, ta có thể thiết lập phổ hệ chính truyền qua các đời từ Tăng cang Giác ngộ như sau:

Đệ tam thập cửu thế hỷ Tánh Thông hiệu Giác Ngộ Hòa thượng

Đệ tứ thập thế hỷ Hải Hội hiệu Phổ Chất Hòa thượng

Đệ tứ thập nhất thế hỷ Thanh Lâm hiệu Viên Thông Hòa thượng

Đệ tứ thập nhị thế hỷ Trừng Đức hiệu Tịnh Bảo Hòa thượng

Đệ tứ thập tam thế hỷ Tâm Đạo hiệu Từ Nhân Hòa thượng

Đệ tứ thập tứ thế hỷ Nguyên Chơn hiệu Khế Hội Hòa thượng

Đệ tứ thập ngũ thế hỷ Quảng Giác Hòa thượng.

Ngoài ra, đời 40 có Hòa thượng Bảo Tạng, Bảo Thanh, Bảo Chơn hoằng hóa các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai. Đời thứ 43 có Hòa thượng Tâm Đạt Bảo Quang hoằng hóa tỉnh Ninh Thuận. Đời thứ 45 có Hòa thượng Quảng Hiển hoằng hóa tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ nhiều nguồn tư liệu quý như đã trình bày, phổ hệ truyền thừa nhánh Tổ sư Tế Nhơn Hữu Phi tại



Tổ đình Kim Cang.
(Ảnh: Nguyễn Văn Thịnh)

Phú Yên được hình thành sơ lược như sau:

Đời thứ 39, Hòa thượng Tánh Thông Giác Ngộ.

Đời thứ 40, gồm chư vị Hòa thượng: Hải Hội Phổ Chất kế thừa chùa Bát Nhã, Hải Bình Bảo Tạng chùa Liên Trì, Thạch Sơn, Long Quang..., Hải Chánh Bảo Thanh chùa Long Bàn (Bà Rịa), Bảo Chơn chùa Bửu Quang (Đồng Nai), Hải Lưu Mật Niệm...

Đời thứ 41, pháp tử Hòa thượng Hải Bình Bảo Tạng: Thanh An Huệ Long; pháp tử Hòa thượng Hải Hội Phổ Chất: Thanh Lâm Viên Thông chùa Bát Nhã, Thanh Đăng Viên Nghĩa; pháp tử Hòa thượng Hải Lưu Mật Niệm: Thanh An Chí Đức chùa Vạn Phước, Thanh Nhuận Phổ Quang.

Đời thứ 42, pháp tử Hòa thượng Thanh Lâm Viên Thông: Trùng Đức Tịnh Bảo; pháp tử Hòa thượng Thanh An Chí Đức: Trùng Tánh Tường Thoại chùa Khánh An; pháp tử Hòa thượng Thanh Nhuận Phổ Quang: Trùng Lâm Chơn Hương.

Đời thứ 43, Pháp tử Hòa thượng Trùng Đức Tịnh Bảo: Tâm Đạo Từ Nhân chùa Bát Nhã, Tâm Thân Từ Thạnh chùa Thiền Sơn; pháp tử Hòa thượng Trùng Lâm Chơn Hương: Tâm Đạt Bảo Quang.

Đời thứ 44, pháp tử Hòa thượng Tâm Đạo Từ Nhân: Nguyên Chơn Khế Hội chùa Bát Nhã, Khế Tín chùa Giác Nguyên; pháp tử Hòa thượng Tâm Thân Từ Thạnh: Nguyên Thành Thiện Đạo Viên Bảo chùa Trúc Lâm (Bình Dương), Viên Quang tông lâm Vạn Thiện (Bình Thuận).

Đời thứ 45, pháp tử Hòa thượng Nguyên Chơn Khế Hội: Quảng Giải, Quảng Giác chùa Bát Nhã, Quảng Hiện chùa Hộ Pháp (Bà Rịa - Vũng Tàu), Quảng Đàm, Quảng Tĩnh, Quảng Định.

NHÁNH TRUYỀN TỔ SƯ TẾ HIỂN BỬU DƯƠNG

Dẫn theo một số tư liệu *Chánh pháp nhãn tạng* hiện lưu tại Tổ đình Hội Phước, Thiền sư Tế Hiển Bửu Dương chính là môn đệ đắc pháp của Tổ sư Thiết Diệu Liễu Quán, nối dòng Lâm Tế đời 36, thế hệ thứ 2 của thiền phái Liễu Quán. *Chánh Pháp nhãn tạng* do Hòa thượng Đạo An Phổ Nhuận phú chúc cho Hòa thượng Tánh Lý Trí Minh năm Thiệu Trị nguyên niên, ngày 5 tháng 5 năm Tân Sửu (1841) có nội dung:

Đệ tam thập ngũ thế Thiết Diệu Liễu Quán Hòa thượng
Đệ tam thập lục thế Tế Hiển Bửu Dương Hòa thượng
Đệ tam thập thất thế Đại Thông Chánh Niệm Hòa thượng

Đệ tam thập bát thế Đạo An Phổ Nhuận Hòa thượng...
Pháp danh Tánh lý thượng Trí hạ Minh Đại sư.

Năm Quý Tỵ (1653), sau khi mở rộng lãnh thổ đến sông Phan Rang và cho lập phủ Thái Khang, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần khuyến khích quần chúng nhân dân vào vùng đất mới khai hoang lập ấp. Phật giáo vốn luôn đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử, tâm thức người Việt hình ảnh Phật giáo chiếm vị trí rất thiêng liêng, người Việt đi đến đâu cũng không quên lập chùa lập nơi ấy để làm nơi nương tựa tinh thần. Hậu bán thế kỷ XVIII, Tổ sư Tế Hiển Bửu đến vùng đất Tân Định thuộc phủ Thái Khang (Ninh Hòa ngày nay) hoằng hóa, dựng ngôi già lam lấy tên là “*Thiên Bửu*”.

Tổ Tế Hiển Bửu Dương viên tịch ngày 20 tháng 2 nhưng không rõ năm nào. Bảo tháp bảy tầng được đồ chúng xây dựng trong khuôn viên chùa. Đệ tử Ngải



Tổ đình Thiên Thai Sơn Thạch. (Ảnh: ST)

độ rất đông, nhưng đến nay chỉ còn biết đến ba vị là tổ Đại Thông Chánh Niệm trú trì Tổ đình Hội Phước (Nha Trang), khai sơn chùa Linh Sơn Tân Long (Diên Khánh), khai sơn chùa Thiên Lộc (Diên Khánh); tổ Đại Trì Phước Thành kế thừa trú trì Tổ đình Thiên Bửu (Ninh Hòa); tổ Đại Bồ Thiện Đề khai sơn chùa Phước Long (nay là chùa Kim Cang ở huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An). Nhánh truyền thừa của tổ Tế Hiển Bửu Dương là nhánh truyền mạnh nhất của thiền phái Liễu Quán tại Khánh Hòa. Nhánh này không những phát triển mạnh trong phạm vi nội tỉnh mà còn rộng truyền các tỉnh lân cận, đặc biệt là Phú Yên.

Tại Phú Yên, căn cứ theo *Chánh pháp nhãn tạng* do Hòa thượng Thanh Phước Nguyên Long truyền cho đệ tử Trùng Minh Thọ Đức ngày 15 tháng 4 năm Nhâm Ngọ (1942), lưu giữ tại Tổ đình Long Quang (Sông Cầu), vị Tổ truyền nhánh Liễu Quán này ra Phú Yên là ngài Đạo Thành tự Phổ Tế hiệu Như Cảnh Tổ đình Long Sơn (Cây Giá, Tuy An). Nội dung Chánh pháp nhãn tạng có đoạn:

Đệ tam thập ngũ thế Liễu Quán Thiệt Diệu Lão tổ Hòa thượng

Đệ tam thập lục thế Bửu Dương Tế Hiển Lão tổ Hòa thượng

Đệ tam thập thất thế Chánh Niệm Đại Thông Lão tổ Hòa thượng

Đệ tam thập bát thế Như Cảnh Đạo Thành Lão tổ Hòa thượng

Đệ tam thập cửu Quy Trụ Tánh Thường Lão tổ Hòa thượng

Đệ tứ thập thế hỷ Hải Huệ thượng Trí hạ Giác Tổ sư Hòa thượng

Đệ tứ thập nhất thế hỷ Thanh Phước thượng Nguyên hạ Long Hòa thượng

Đệ tứ pháp danh Trùng Minh hiệu Thọ Đức Đại sư dĩ vi biểu tín vân.

Như vậy, nhánh truyền của tổ Tế Hiển Bửu Dương thuộc thiền phái Liễu Quán, phải đợi đến Hòa thượng Đạo Thành Như Cảnh thế hệ 38 mới truyền ra Phú Yên tại chùa Long Sơn (Cây Giá, Tuy An). Từ Tổ đình Long Sơn, nhánh truyền này không ngừng phát triển và đến nay đã truyền đến thế hệ thứ 47, tức hàng chữ “Đức” theo kệ phái Liễu Quán, qua các ngôi Tổ đình như: Thiên Thai Sơn Thạch, Thiên Phước, Thiên Tôn, Long Quang, Phước Long, Phước Điền... và chủ yếu tập trung tại huyện Tuy An và thị xã Sông Cầu. Dựa trên *Chánh pháp nhãn tạng* và một số tư liệu khảo sát tại một số ngôi cổ tự thuộc thiền phái, có thể khái quát phả hệ truyền thừa theo tuần tự như sau:

Đời thứ 38, Đại sư Đạo Thành Như Cảnh khai sơn chùa Long Sơn.

Đời thứ 39, có ngài Tánh Thường Quy Trụ trú trì chùa Long Sơn, chùa Thiên Sơn.

Đời thứ 40, gồm nhị vị Hòa thượng: Hải Huệ Trí Giác trú trì Tổ đình Thiên Thai Sơn Thạch, Hòa thượng Hải Thạnh Trí Nguyên trú trì chùa Thiên Tôn.

Đời thứ 41, gồm chư vị Hòa thượng pháp tử của tổ Trí Giác như: Thanh Luật Nguyên Giác trú trì Tổ đình Thiên Thai, Thanh Kim Nguyên Chí trú trì Tổ đình Long Quang, Thanh Chánh Hoằng Tuyên trú trì chùa Cảnh Phước, Thanh An Nguyên Phước trú trì chùa Thiên Tôn, Thanh Phước Nguyên Quế trú trì Tổ đình Long Sơn, Thanh Bình Nguyên Chơn trú trì chùa Phước Long.

Đời thứ 42, gồm pháp tử Hòa thượng Thanh Phước: Trùng Lực Vĩnh Vô Tổ đình Vạn An (Vũng tàu), Trùng Thông Quảng Phát trú trì Tổ đình Long Quang, Trùng Minh Thọ Đức trú trì chùa Bảo Sơn (Vũng Tàu); pháp tử Hòa thượng Thanh An: Trùng Đăng Từ Pháp trú trì chùa Thiên Tôn, chùa Long Quang; pháp tử Hòa thượng Thanh Luật: Trùng Hằng Công Đương Vĩnh Bảo trú trì chùa Phước Long, Trùng Chiêu Tĩnh Niệm trú trì chùa Thiên Thai; pháp tử Hòa thượng Thanh Bình: Trùng Tự Vĩnh Châu trú trì chùa Phước Điền, Trùng Thập Vĩnh Thông trú

trì chùa Thiên Phước, Trùng Long Vĩnh Đạo trú trì chùa Thiên Thai; pháp tử Hòa thượng Thanh Phước: Trùng Cang Quảng Đại; pháp tử Hòa thượng Thanh Kim: Trùng Thông Quảng Phát.

Đời thứ 43, gồm chư vị pháp tử Hòa thượng Trùng Hằng: Tâm Thông Truyền Hiền trú trì chùa Phước Long, Tâm Bồn Truyền Lai Trí Nghiêm trú trì chùa Thiên Tôn, Tâm Minh Truyền Chính Liên Châu trú trì tổ đình Long Quang, Tâm Hòa Truyền Kính Huyền Đạo trú trì chùa Cảnh Phước, Tâm Dung Truyền Diệu Liên Phước trú trì chùa Thiên Hưng, Tâm Quảng Truyền Độ trú trì chùa Châu Lâm.

Đời thứ 44, gồm chư vị pháp tử Hòa thượng Tâm Minh: Nguyên Thành trú trì chùa Long Quang, Nguyên Tồn Giác Nguyên trú trì chùa Long Quang, Nguyên Đạt trú trì chùa Bảo Thịnh (Hoa Kỳ), Nguyên An trú trì chùa Cổ Lâm (Hoa Kỳ), Nguyên Kim (Hoa Kỳ); Hòa thượng Tâm Quảng: Nguyên Đức trú trì chùa Hồ Sơn; Hòa thượng Tâm Dung: Nguyên Trực Trì Hành Thiện Đức trú trì chùa Từ Nhân (Bà Rịa - Vũng Tàu), Nguyên Trí trú trì chùa Bát Nhã (Hoa Kỳ).

Đời thứ 45, gồm chư vị pháp tử Hòa thượng Nguyên Tồn: Quảng Lực, Quảng Nhựt, Quảng Điền, Quảng Hạnh, Quảng Hiệp, Quảng Bình, Quảng Trí, Quảng Diện, Quảng Luật, pháp tử Hòa thượng Nguyên Trực: Quảng Phổ chùa Từ Nhân, Quảng Thường, Quảng Ngôn chùa Phổ Quang, Quảng Huệ chùa Long Thọ (Quảng Ngãi), Quảng Dũng.

Đời thứ 46, gồm chư vị pháp tử của Đại đức Quảng Bình: Nhuận Pháp, Nhuận Hoa, Nhuận Giác, Nhuận Bảo, Nhuận Tâm, Nhuận Thành, Nhuận Thắng, Nhuận Hiền, Nhuận Tín, Nhuận Thiện; pháp tử thượng tọa Quảng Ngôn: Nhuận Thành, Nhuận Hòa, Nhuận Toàn, Nhuận Chiếu.

KẾT LUẬN

Từ nội dung trên văn bia tháp Tổ, Thiền sư Liễu Quán có tất cả 49 đệ tử xuất gia, trong đó có 11 vị hành đạo tại quê hương của Ngài. Tuy nhiên, đến nay, truyền thừa dòng Liễu Quán tại Phú Yên chỉ còn truyền theo ba nhánh chính đó là nhánh tổ sư Tế Căn Từ Chiếu phát triển tại vùng Tuy Hòa, nhánh tổ Tế Nhơn Hữu Phi phát triển vùng Tuy An, nhánh tổ Tế Hiền Bửu Dương phát triển vùng Sông Cầu. Ba nhánh truyền thừa này của thiền phái Liễu Quán hiện nay phát triển rất mạnh, không chỉ trong phạm vi tỉnh Phú Yên mà còn lan rộng đến nhiều tỉnh thành khác tại miền Trung và miền Nam. Hiện tại, mạch truyền thừa của

thiền phái Liễu Quán tại Phú Yên đã truyền đến hàng chữ Nhuận, chữ Đức và chữ Bồn, tức thuộc các thế hệ thứ 12, 13 và 14 theo kế phái Liễu Quán. Vì thế, là hàng hậu bối kế thừa tông chỉ của Tổ sư Liễu Quán, chúng ta cần phải có trách nhiệm gìn giữ giá trị, ngõ hầu đầu dất cho những thế hệ tiếp theo, đáp đền ân đức Phật Tổ.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

* Đại đức - Thạc sĩ Thích Quảng Hiệp - Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

[1] Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2006), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

[2] Thích Hải Ấn (2022), “*Tôn danh của Hòa thượng Tế Nhơn là Hữu Phi hay Hữu Bửu*”, Tạp chí Liễu Quán, số 25, tr.52-54.

[3] Thích Thiện Chánh (2014), “*Phả hệ truyền thừa của Thiền phái Liễu Quán*”, Tạp chí Liễu Quán, số 01, tr.44-48.

[4] Nguyễn Đình Chúc (2015), *Lược sử chùa chư tôn Phú Yên trong và ngoài tỉnh*, Nxb. Tổng hợp TP HCM.

[5] Nguyễn Đình Chúc (2018), “*Tổng quan về Phật giáo Phú Yên*”, Tạp chí Liễu Quán, số 14, tr.38-45.

[6] Đặng Vinh Dự-Nguyễn Chí Ngàn (2018), “*Sắc tứ Kim Cang tự-ngôi cổ tự bên sông Đà Rằng*”, Tạp chí Liễu Quán, số 14, tr.67-71.

[7] Thích Đồng Dưỡng (2018), “*Bước đầu tìm hiểu phả hệ truyền thừa Thiền phái Liễu Quán tại Phú Yên*”, Tạp chí Liễu Quán, số 14, tr.57-66.

[8] Thích Kiên Định (2013), *Lịch sử chùa Thiền Tôn và Tổ Liễu Quán truyền thừa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

[9] Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật Giáo Đàng Trong*, Nxb. TP HCM.

[10] Hà Xuân Liêm (2014), “*Tổ sư Liễu Quán qua khảo cứu của các học giả B.A.V.H*”, Tạp chí Liễu Quán, số 01, tr.36-39.

[11] Thích Không Nhiên (2014), “*Từ dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử đến thiền phái Liễu Quán sự tiếp nối của mạch nguồn Phật giáo dân tộc*”, Tạp chí Liễu Quán, số 01, tr.62-67.

[12] Thích Không Nhiên (2018), “*Làng Bạc Má và cổ tự Hội Tôn*”, Tạp chí Liễu Quán, số 14, tr.49-56.

[13] Nguyễn Phổ-Phan Đức Thành Dũng (2018), “*Chùa Bát Nhã và Hòa thượng khai sơn qua sưu khảo tư liệu Triều Nguyễn*”, Tạp chí Liễu Quán, số 14, tr.77-84.

[14] Thích Thiện Siêu (2014), “*Bia minh tháp*”, Tạp chí Liễu Quán, số 01, tr.30-34.

[15] Trần Đình Sơn (2014), “*Những ngôi chùa do Tổ sư Liễu Quán khai sơn*”, Tạp chí Liễu Quán, số 01, tr.40-43.

[16] Trần Đình Sơn (2018), “*Sớ cầu an-chức thọ Vô vương Nguyên Phúc Khoát*”, Tạp chí Liễu Quán, số 14, tr.72-76.

[17] Thích Nhật Tấn (2022), “*Truyền thừa thiền phái Liễu Quán tại Khánh Hòa*”, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 174, tr.19-26.

[18] 釋澄妙淨行(1923),釋憲祖印集,禪林寺.

[19] 沙門道忞撰,歷傳祖圖,天童寺.

[20] 禪林淨室澄妙淨行. 丁巳 (1917),南土寶壇經.



HỌC THEO HÀNH PHẬT

SC. Thích Nữ Diệu Hoa

*Mỗi ngày lễ Phật
Con học Thế Tôn
Giữ lòng chân thật
Trong sạch tâm hồn.*

*Gối quỳ cung kính
Chiêm ngưỡng Như Lai
Cửa thiền thanh tịnh
An tĩnh bên Ngài.*

*Sen hồng tinh khiết
Nhụy ngát hương đưa
Ái tham cách triệt
Giác ngộ Tam thừa.*

Thiền môn là chốn thanh tịnh, hành giả thường phát nguyện một lòng rất ráo tinh tấn tu trì, không gì ngoài mục đích cầu đạo giải thoát. Giới luật, oai nghi tế hạnh của một tu sĩ khi đã được học qua, phải thực hành theo, tự ý thức phải giữ gìn và phòng hộ, khi sai phạm tùy mức độ mà tự biết xấu hổ để sám hối, sửa đổi. Có giới luật Phật chế ràng buộc hay nói cách khác là giữ điều lệ giới luật của Phật răn giúp ta thanh tịnh thân tâm, thoát khỏi vòng quây của nghiệp báo, sầu bi, tục lụy. An nhiên sống đời sống của nhà tu hành, nếp sống thanh tịnh của đời sống tịnh an sẽ đưa hành giả đến bến bờ an lạc của giải thoát, không sầu lo hay phiền muộn, u buồn.

*Hàng giờ giữ ý khẩu thân
Muốn không phiền muộn ta cần
lọc tâm
Chân như từ đó nảy mầm
Yên lành mỗi phút hờn thâm
chẳng vào.*

Phàm nhân sanh ra trên cõi đời, đâu ai hoàn thiện từ trong bụng mẹ. Người đang học và tu theo Đức Phật chưa thể đắc quả liền ngay, nếu vẫn còn giải đãi trong lộ trình tu tập. Người đang thực hành hạnh nguyện Bồ tát cũng đâu dễ đạt được ý nguyện khi tam độc chưa đoạn trừ.

*Thường luôn tinh tấn tu hành
Cách xa phóng dật ghét ganh chờ
quàng
Lòng thành chữ thiện hoài mang
Chân tâm rực sáng như vàng
trước gương.*

Đời sẽ không khổ nếu tu theo chánh pháp, vâng lời Đức Phật dạy. Phật tử thực hành giữ 5 giới không phạm một giới nào, Tỳ kheo giữ 250 giới và Tỳ kheo ni giữ 348 giới thì tự thân hành giả không khổ, đời cũng không có bóng dáng của khổ, đạo sẽ càng nhiệm mầu hơn. Khi giữ giới thanh tịnh, tâm ý trong sáng, không tạo nghiệp bất thiện, cuộc sống sẽ an vui, phước đức từ đó cũng vun đầy. Chân lý thứ 4 trong bài Kinh Tứ Diệu Đế là

Diệt đế, Đức Phật đã dạy cách diệt khổ, sống an vui ngay trên cõi đời này, chứ không phải đợi khi sang bên kia thế giới mới được hưởng nhân hoặc chờ thác sanh lên cõi Tây phương khi mãn phần. Đó là do ta không chịu chiêm nghiệm những gì Đức Phật đã nói trong kinh nên thường bị quan, chán nản, chê bai đời là chỉ có khổ chứ không có an vui.

Đời khổ là đúng, nhưng có biện pháp để khắc phục cái khổ, có pháp môn tu để đoạn trừ cái khổ. Đời không hoàn toàn khổ nếu biết chuyển hoá bằng sự lương thiện và từ tế. Đời không khổ nếu tâm ý trong thanh, thiện lành. Thuở xưa, Đức Thế Tôn cũng chứng quả vị Phật ngay trên cõi đời này, cũng an lạc và thanh tịnh ở ngay cõi đời, Ngài cũng đã từng sống ở cõi đời này để tu thành Phật. Thời đó, những tín đồ Phật tử cũng sống an vui và hạnh phúc, vì họ hiểu lời Phật dạy và có thực hành theo.

*Mỗi ngày gom lá
Quét dọn sân chùa
An lành bên Phật
Chẳng thiết hơn thua.*

*Vui cùng kinh kệ
Chánh niệm từng giây
Ngẩn ngira dục vọng*

*Hạnh phúc đang đây.
Nhân từ gieo cây
Phước đức uơm mầm
Sống đời thanh tịnh
Nhẹ nhàng thân tâm.*

Đạo không khổ, những nội quy Thiền môn, nề nếp trật tự trong đạo và giới luật nhà Phật giúp hành giả giữ mình không rơi vào hố sâu tội lỗi, khổ đau, bình yên và thanh tịnh, an lạc sống ở đời và an nhiên mà học đạo.

*Tập buông xả ngăn ngừa hung tợn
Nói lời ngay dù giỡn phải lành
Ôn hoà không được giành tranh
Ý trong tĩnh lặng tâm thành học tu.*

Đức Phật cũng có dạy sáu phép hòa kính gồm: “*Thân hòa cùng ở chung, Lời nói hoà nhã không tranh cãi, Ý hoà hợp cùng vui vẻ, Giới hoà cùng nhau tu, Thấy biết cùng giải bày cho nhau hiểu, Quyền lợi cùng chia đều nhau*”. Mỗi hành giả thường tự xem xét lại mình để sửa sai trong quá trình tu tập.

*Phải thường nhắc nhở bản thân
Đừng do phóng dật sinh bần với ai
Học theo Đức Phật thiền hoà
Ưu phiền khổ nạn trần ai không còn.*

Để đoạn trừ tham sân si, bỏ tật xấu hay hờn mát, hiềm khích, ganh tỵ, hơn thua, sửa tính nóng nảy nên quán tử thi thối rữa để thấy đời vô thường, mạng sống mong manh, không cần phải hơn thua, không làm tổn thương ai hay chấp nhặt ai làm tổn thương mình. Tĩnh khẩu cũng là một pháp môn tu. Nếu hạnh tu còn yếu kém, khó thực hành hạnh nhẫn nhục và khó nói lời từ ái lúc sân si khởi lên thì tịnh khẩu là cách tốt nhất. Đánh lễ Phật, cúi đầu sát đất rũ bỏ cái tôi, dẹp bản ngã sẽ giúp tâm an tĩnh và lương thiện.

Ở đời, thấy lỗi sai của người khác, lặng lẽ rút ra bài học kinh nghiệm cho mình, không nên sanh tâm khinh khi hoặc chê cười chế giễu, càng không nên dè bĩu, đàm tiếu thị phi, cũng đừng ghét bỏ. Những hành động và ý nghĩ của sự ngã mạn sẽ lôi kéo ta từ cái tâm Bồ tát trở lại tâm phàm tục chỉ trong nháy mắt. Vô tình ta đánh mất bản tâm thiện lành, thanh tịnh của mình.

*Người hướng Phật tĩnh tâm hành pháp
Chẳng do tiền hắt đập lương tri
Cơm rau đạm bạc tu trì
Tham vui hận bỏ cuồng si cách rời.*

Trong đạo, giúp bạn đồng tu sửa lỗi sai là tốt. Nhưng tự xét lỗi mình, không nhìn lỗi người, tự sửa mình trước khi chỉ lỗi người và soi mói người khác thì sẽ tốt hơn. Bởi không khéo, hành giả vướng vào nghiệp bất thiện, gieo rắc sâu ưu phiền muộn.

Thuở xưa, Bồ tát Tất Đạt Đa chứng quả vị Phật là Ngài tự thân tu tập với pháp môn thiền định. Ngày nay, chúng ta nên thực hành theo những gì Đức Phật đã trải nghiệm qua. Học theo hạnh Phật là phải đoạn trừ ái dục, ngăn ngừa tam độc tham sân si, buông bỏ và hỷ xả, tha thứ và yêu thương, nhường nhịn và chánh niệm, từ bi và bao dung để cuộc sống an lành, để đời tu thanh tịnh, đời sống bình an. Nên thường: *Siêng lễ Phật thành tâm
Học kinh và giữ giới
Khi nộ sân vừa khởi
Nên chặn đứng ngay liền.*

*Chẳng khích bác quàng xiên
Tránh buông lời xiểm nịnh
Điều bản đừng cho dính
Để thân được sáng ngời.*

*Gìn ý chẳng buông lơi
Mỗi giờ ta chánh niệm
Tĩnh thanh rời chuyện phiếm
Tĩnh thức hưởng yên bình.*

Và hãy luôn:

*Nhiếp tâm giữ giới tu thiền
Cho dù gặp phải oan khiên quấy rầy
Vẫn hoài lấy đức dựng xây
Xả buông ghét giận lòng đầy yêu thương.*

Học Phật, tu theo Phật, hành theo lời Phật, sống như Phật đã từng thì trong ta không có mầm mống của khổ, phiền não không có nơi để nương náu. Cũng giống như miền sông nước không có khói xe bụi đường và phố phường thành thị thì không có bờ để ghe xuồng cập bến.

*Biết dùng trí tuệ nhìn trông
Chặn ngay điều ác vun trồng thiện chân*

*Niềm đau nổi khổ tan dần
Ưu phiền sẽ dứt tham sân chẳng còn.*

Dù đời hay đạo, một ngày sống tĩnh thức sẽ giúp ta an vui và nửa buổi sống trong mê muội thì phiền não, đau khổ sẽ muôn trùng.

*Đừng vì danh lợi giàu sang
Rời xa phóng dật chớ màng phù hoa
Giữ tâm ngay thẳng thật thà
Tu hành nhẫn nại giúp ta nên người.*

Dù đạo hay đời, nếu hỷ xả, buông bỏ hận thù cố chấp tham lam, chánh niệm giữ giới thanh tịnh từ trong tâm lẫn thể xác bên ngoài, bao dung với mọi người, từ bi với mọi loài, tinh tấn thiền định, sẽ thấy trong ta một trạng thái an lạc, tĩnh lặng, bình yên và hạnh phúc vô cùng nhiều một khi đã chịu rời xa lối sống u mê, chịu sống đời tĩnh thức.



RU VỚI TUỔI MÌNH

Thạch Thị Tóc Tiên

Ta về ru với vùng trăng
Ru vời vợi tím băng lãng một thời.
Lắng sâu câu hát ru hời
Lời ru nhân nghĩa kiếp người trong ta.

Biết rằng năm tháng cỏ hoa
Chứa chan, chia sẻ gần xa cõi đời.
Thân thương khi gặp nụ cười
Ấm lòng khi gặp tình người có nhau.

Lời ru mây trắng ngang đầu
Mà nghe giọng hát xanh màu nghĩa nhân.
Bên chùa vọng tiếng chuông ngân
Tiếng ngàn xưa gọi thiết thân, vững lòng.

Lời ru khói tỏa bay vòng
Khói chiều quê, thuở cây trồng nắng mưa.
Một trời mây nhạt lưa thưa
Màu quê còn đậm nét xưa, diệu huyền.

Lời ru “chất chất, chuyền chuyền”
Trò chơi tuổi nhỏ chẳng quên bao giờ.
Dòng sông sóng vỗ đôi bờ
Chợt nghe câu hát bất ngờ biếc xanh...

CHÙA VIỆT NAM

Nguyễn Thánh Ngã

Tôi đã đi nhiều chùa thế giới
Tôi đã về nhiều chùa Việt Nam
Nhưng mái chùa hình trái tim Quảng Đức
Tôi chưa đến được bao giờ...

Tôi hình dung
Mái chùa rực rỡ
Được thấp bằng tuệ giác Như Lai
Soi sáng đức từ bi
Và năng lượng dũng cảm

Ôi đức dũng của Thánh Tăng
Đã làm trang nghiêm Giáo hội
Nhu hoa sen nở trong đêm tối
Hương pháp bay khắp trời...

Những mái chùa Việt Nam
Nét cong dáng rồng
Nét thanh dáng hạc
Mỗi sớm tối vang lên lời Phật
“Đừng làm các việc ác
Hãy làm mọi điều lành”!

Đó là gốc rễ
Mỗi loài cây cắm xuống đất sâu
Huống chi tôi
Kẻ đứng dậy làm người...



A squirrel with reddish-brown fur and a white belly is climbing a tree trunk. The squirrel is looking up and to the left. The tree trunk is covered in rough bark and some moss. The background is a blurred forest with green foliage and sunlight filtering through the trees.

PHẬT GIÁO
**VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG**



Tùng, Trúc, Mai Yên Tử

Vũ Xuân Hồng

Mùa xuân về Yên Tử, chiêm bái lễ Phật, đi dưới bóng tùng đại thụ hàng trăm năm tuổi, ngắm hoa mai vàng khoe sắc, nghe tiếng trúc reo trong gió đại ngàn, trong tiết trời mờ sương, du khách có cảm giác như đang đi giữa chốn bồng lai tiên cảnh...

TÙNG YÊN TỬ

Tùng là loại thực vật lá kim, thân gỗ hạt trần, rễ bám sâu vào lòng đất, dáng vươn thẳng lên trời xanh. Tùng có sức sống dẻo dai trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, địa hình núi cao, vách đá cheo leo, cây quanh năm xanh tốt, có tuổi thọ lên tới ngàn năm. Trong văn hóa Á Đông, cây tùng là hình ảnh của bậc đại trượng phu, thể hiện ý chí vươn lên và sự hiên ngang chính trực. Những bậc tu hành rất yêu quý cây tùng nên thường trồng ở nơi cửa thiền để gửi thông điệp chính đại, quang minh đầy ấp vũ trụ cùng sự tôn nghiêm linh thiêng cho ngôi chùa!

Những “lão tùng” Yên Tử có tuổi đời hàng trăm năm trăm mặc giữa núi rừng hùng vĩ. Những cây tùng được trồng công phu thành hàng lối. Ngày xưa, khoảng trống giữa

các cây tùng thường đặt những phiến đá hoặc dựng các thảo am tu thiền. Cảm thọ an lạc khi tọa thiền giữa những gốc tùng giúp Thiền sư thư thái. Theo sử sách, dưới thời Nhị tổ Pháp Loa, giai đoạn cực thịnh của Thiền phái Trúc Lâm có tới hàng vạn Tăng chúng tu tập trên danh sơn Yên Tử. Những cây tùng đã trở thành bầu bạn của các Tăng sĩ trong tu thiền và cũng là những dấu mốc giúp việc quan sát đi lại giữa chốn thâm sơn cùng cốc ban ngày cũng như trong đêm tối. Đường xích tùng từ chùa Hoa Yên nối xuống chùa Quỳnh Lâm, chùa Hồ Thiên, chùa Ngọa Vân. Những cây tùng cổ thụ có tán xanh, tùng con gió thổi làm cho tán lá rì rào giống như tiếng đàn cho nên được người dân gọi là thông đàn. Dưới bóng thông đàn là những bậc đá tạo thành con đường kết nối giữa chốn rừng già, in dấu chân Sơ tổ Trần Nhân Tông, Nhị tổ Pháp Loa cùng Tam tổ Huyền Quang kinh đàn nơi Thiền viện Quỳnh Lâm.

Trải qua sự khắc nghiệt của thời gian, nhiều cây tùng đã bị gãy đổ, ngày nay còn lại những cây tùng cổ tập trung ở các khu vực: chùa Hoa Yên, Vân Tiêu, Bảo Sái, tháp Tổ, thác Vàng, thác Bạc, am Dược

với số lượng khoảng gần 300 cây. Điểm ấn tượng nhất là đường tùng dài hơn 100m nằm trên trục đường chính hành hương lên chùa Đồng. Những gốc tùng già, rễ trôi lên mặt đất và bò lan sang cả hai bên đường đi tạo nên những bậc thang nâng bước chân du khách. Hiện nay, núi rừng Yên Tử có ba loại tùng: thủy tùng là loại gỗ màu trắng, thanh tùng là loại gỗ màu xanh, xích tùng là loại quý hiếm, ruột cây sống lâu năm có vân gỗ rất đẹp giống như hình hoa mẫu đơn. Tương truyền, xích tùng là loại cây di thực theo chân các bậc cao tăng Hòa thượng truyền đạo vào nước ta, thủy tùng và thanh tùng là loại cây hoang dã bản địa... Sau hàng trăm năm, những cây tùng Yên Tử trầm mặc trong bóng dáng của các tu sĩ, hoan hỷ dẫn đường chỉ lối cho du khách về nơi cửa Thiền.

TRÚC YÊN TỬ

Trúc Yên Tử thuộc họ tre, có rất nhiều loại, nhưng đều có nét đặc trưng: thân cây dáng thẳng, chia nhiều đốt, sống quần tụ thành khóm, nhiều khóm kết nối với nhau tạo nên rừng. Trúc là loài cây có sức sống dẻo dai trong điều kiện đất đai khô cằn, thiên nhiên khắc

Những “lão rừng” Yên Tử có tuổi
đời hàng trăm năm trăm mặc giữa
núi rừng hùng vĩ. (Ảnh: sưu tầm)



Trong Phật giáo, trúc thể hiện sự an nhiên tự tại, không mê đắm địa vị, vật chất. Bởi tất cả những ưu thế trên của cây trúc, nên đạo hiệu của vua Trần Nhân Tông mang tên “Trúc Lâm Đại sĩ” và rừng trúc Yên Tử Sơn cũng là nơi Ngài tu thiền. (Ảnh bức họa Trúc Lâm Đại sĩ xuất sơn đồ - Sưu tầm)



Cây hoa mai cổ tuổi đời hơn 700 tuổi được gọi là Đại lão mai vàng tại chân núi Yên Tử (Ảnh: danviet.vn)

nghiệt. Trong quan niệm văn hóa Á Đông, trúc cùng với tùng, cúc, mai là bốn loại cây cao quý đại diện bốn mùa trong năm. Trúc tượng trưng cho phẩm chất người quân tử. Trúc cứng cáp hiên ngang, nhưng rất uyển chuyển mềm mại trước gió bão, thể hiện sự linh hoạt thích ứng với biến động của cuộc sống. Ngọn cây trúc uốn cong tựa chiếc đầu rồng bay bổng linh thiêng. Cây trúc dầu bị cháy thành than thì tro vẫn giữ được hình dáng thẳng không bị uốn cong, biểu hiện cho sự chuẩn mực khí tiết. Với văn nhân mặc khách, trúc là nơi gửi gắm tâm hồn, biểu trưng cho sự thanh tao, tư tưởng nhân dật. Trong Phật giáo, trúc thể hiện sự an nhiên tự tại, không mê đắm địa vị, vật chất. Bởi tất cả những ưu thế trên của cây trúc, nên đạo hiệu của vua Trần Nhân Tông mang tên “*Trúc Lâm Đại sĩ*” và rừng trúc Yên Tử Sơn cũng là nơi Ngài tu thiền...

Trong giai đoạn tu thiền tại Yên Tử, Trúc Lâm Đại sĩ luôn xem những cây trúc như người bạn. Trong núi cao, rừng sâu, không có lầu đài cung điện, Ngài chỉ có chiếc thảo am dựng bằng những khóm trúc, đan ngọn vào nhau làm cột, kết cỏ xung quanh. Chiếc giường Ngài nằm được tạo bởi những thân cây trúc thẳng ghép lại. Tiếng trúc reo hòa cùng tiếng suối ngàn tạo nên khúc thiên ca giữa núi rừng. Chiếc gậy trúc đã giúp Trúc Lâm Đại sĩ vững vàng vượt dốc núi, băng qua suối đi giáo hóa khắp nơi. Măng trúc cùng rau rừng là thức ăn chay tịnh quanh năm của Ngài và các thiền sư. Vị thuốc trúc điệp (lá trúc tươi) dân dã thay cho những thần dược do thái y thường dâng khi Ngài còn ở trong cung vàng, điện ngọc, góp phần giải cảm giữa chốn rừng thiêng nước độc. Trong đêm đông lạnh giá, ngọn lửa từ bó đuốc kết bằng thân trúc khô đã giúp Ngài

vượt qua những mùa đông nơi núi rừng Yên Tử. Hình ảnh những cây trúc sát cánh bên nhau là hình ảnh thần dân trăm họ, luôn mong chờ Ngài tìm con đường giải thoát khỏi lâm than, giúp đất nước thái bình muôn thuở. Ngài đã đặt tên cho dòng thiền thuần Việt: “*Thiền phái Trúc Lâm*”. Thật kỳ lạ trong lịch sử Phật giáo, tên gọi “*Trúc Lâm*” đã xuất hiện rất sớm, tịnh xá Trúc Lâm là nơi Đức Phật Thích Ca từng đến thuyết pháp. Sau khi hoàn thiện giáo lý Thiền phái Trúc Lâm, Ngài đã trao y bát cho người kế nhiệm Pháp Loa, rời Yên Tử xuống núi Ngọa Vân tiếp tục những tháng ngày tu thiền. Giữa ngọn núi cao quanh năm mây trắng bao phủ, Ngài đã tu thiền trong một chiếc am được kết bằng những khóm trúc cùng cỏ tranh. Trước giờ viên tịch, Trúc Lâm Đại sĩ nằm nghiêng tựa dáng sư tử, về mặt thanh thân, thân cây trúc nâng đỡ và ôm trọn

ơ thể Ngài. Hình ảnh đẹp về một vị vua oai hùng đã từng khiến quân Nguyên khiếp đảm, bình thần sống những giây phút cuối cùng giữa rừng trúc thanh cao...

Du khách về đây chiêm bái lễ Phật, đi giữa tiếng trúc reo, ngỡ như đang nghe câu chuyện về những năm tháng tu thiền của Trúc Lâm Đại sĩ tại danh sơn Yên Tử. Đường lên chùa Đồng, thảnh thơi du khách bắt gặp những cây trúc với hình dáng kỳ thú “*trúc hóa rồng*”, thân cây màu vàng đậm, các đốt sát gốc hơi nhẵn nhéo, rễ trôi lên uốn cong tựa chiếc râu con rồng tạo lên nét kỳ thú, huyền bí nơi vườn thiền Trúc Lâm...

MAI VÀNG YÊN TỬ

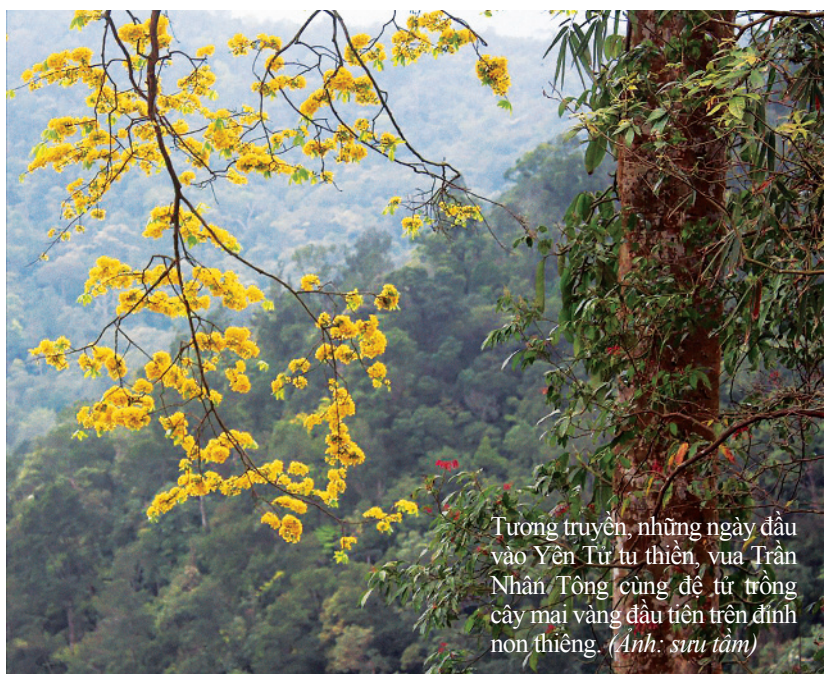
Tương truyền, những ngày đầu vào Yên Tử tu thiền, vua Trần Nhân Tông cùng đệ tử trồng cây mai vàng đầu tiên trên đỉnh non thiêng. Theo quan niệm người xưa, hoa mai đứng đầu “*tuế hàn tam hữu*” (ba người bạn trong tiết lạnh) là mai, tùng và trúc. Hoa mai được người xưa ưu ái tôn là chúa muôn loài hoa. Cây mai có sức sống mãnh liệt, bộ rễ bám sâu vào lòng đất, vách đá núi cao, kiêu hãnh vươn mình trước gió táp mưa sa, vượt qua những ngày đông khắc nghiệt để nở hoa đúng vào dịp xuân. Mùa hoa đầu tiên, giữa chốn núi rừng hoang vắng, vua Trần Nhân Tông băng khuâng trước vẻ đẹp thoát tục hiển hiện trong tiết xuân của mai vàng. Ngắm hoa mai nở, Ngài nhận ra trong mỗi cánh hoa chứa đựng tâm thiền: Hoa mai vàng rụng cánh khi đang còn hương sắc rực rỡ, thể hiện tính thiền và sự buông bỏ tất cả. Ngài luôn tâm niệm hạnh phúc thật sự của đời người chính là sống với tâm chân thật, không vướng bận bởi những cảm dỗ, danh

lợi cuộc đời. Đứng trước mai vàng, tâm hồn Trúc Lâm Đại sĩ lắng đọng trong niềm cô tịch. Ngài ngồi lặng lẽ trên nệm cỏ trong thảo am, nhìn hoa mai nở, cánh hoa rơi rụng trong sự an nhiên tự tại. Ngài hiểu vạn vật được tạo bởi nhân duyên và đều có chung quy luật: “*thành, trụ, hoại, không*”. Tâm hồn Ngài hòa cùng tiếng suối reo, tiếng gió đùa trên thông đàn ngàn cột. Nơi núi cao, rừng sâu, hoa mai vàng cùng với trúc, tùng trở thành tri kỷ trong suốt thời gian Ngài tu thiền tại Yên Tử. Hoa mai vàng có 5 cánh tượng trưng cho ngũ phúc (Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh). Đối diện trước hoa mai vàng là Trúc Lâm Đại sĩ đang đối diện với “*bản lai diện mục*” của chính mình...

Hiểu được thâm ý của Trần Nhân Tông, Tăng chúng cùng nhau trồng thêm nhiều cây mai vàng khắp chốn Yên Sơn, thông qua cốt cách hoa mai để cùng gửi gắm thông điệp “*Tâm Thiền*”. Noi gương sáng của Ngài, Nhị tổ Pháp Loa và Tam tổ Huyền

Quang cùng các vị Tăng đã chung tay góp sức trồng thêm nhiều cây mai vàng từ đỉnh Yên Sơn xuống tới khu vực chùa Hồ Thiên, chùa Ngọa Vân, chùa Quỳnh Lâm. Vượt qua sự khắc nghiệt của thời gian, những “*đại lão*” mai vàng ở khu vực thác Vàng, thác Bạc, chùa Một Mái, chùa Vân Tiêu vẫn sừng sững tỏa bóng nơi non cao và nở hoa rực rỡ đúng vào mùa lễ hội xuân Yên Tử.

Những hoa mai vàng đua nhau khoe sắc bên những búp lộc, lá xanh non căng tràn nhựa sống. Trời càng lạnh, hoa càng tỏa hương thơm. Hoa nở phủ trên cây, tạo nên vẻ đẹp muôn hình vạn trạng. Những cây mai trong dáng nghiêng từ vách núi tỏa xuống tựa như dòng thác vàng. Thế cây đứng thẳng được phủ lên lớp hoa vàng tựa chiếc lông vàng sang trọng. Triệu triệu hoa mai vàng thành kính kết thành tấm hoàng bào phủ lên non thiêng Yên Tử, góp phần tạo nên vẻ đẹp thuần khiết cùng sự linh thiêng huyền bí chốn phù vân.



Tương truyền, những ngày đầu vào Yên Tử tu thiền, vua Trần Nhân Tông cùng đệ tử trồng cây mai vàng đầu tiên trên đỉnh non thiêng. (Ảnh: sưu tầm)



Những ngôi chùa góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo của nước ta trên quần đảo Trường Sa

Đinh Thị Duyên*

Từ bao đời nay, ngôi chùa gắn liền với biểu tượng tâm linh trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt, là chốn thanh tịnh để con người tìm về nơi chiều sâu tâm thức, gửi gắm niềm tin vào sự chở che, cầu mong cuộc sống bình yên, an lạc. Trên khắp mọi miền đất nước, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi hay vùng hải đảo xa xôi, không đâu trên lãnh thổ dải đất hình chữ S này lại thiếu vắng bóng dáng của những ngôi chùa. Hình ảnh những ngôi chùa uy nghiêm, sừng sững giữa biển cả Trường Sa - quần đảo tiền tiêu của Tổ quốc, không chỉ minh chứng cho truyền thống văn hóa tín ngưỡng ngàn đời của người Việt hiện diện nơi trùng khơi, mà còn là biểu tượng hồn thiêng sông núi, là cột mốc văn hóa nơi hải đảo, khẳng định và củng cố vững chắc chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

TỪ AM THỜ ĐẦU TIÊN

Hàng ngàn năm qua, người Việt đã gắn bó với sông nước và biển khơi. Theo sử sách ghi lại, từ xưa, trên các đảo giữa biển Đông, trong đó có quần đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa), những ngư dân đánh cá xa bờ quen với cuộc sống lênh đênh trên sóng nước, luôn phải đối mặt với nhiều hiểm nguy rình rập, khi đặt chân lên đảo đã lập các am, miếu thờ nhỏ. Ban đầu, những am thờ này dựng lên khá đơn giản, có khi chỉ là những viên đá xếp tầng và có mái che chắn để thấp nhang cầu trời, khấn Phật cho những chuyến ra khơi thuận buồm xuôi gió. Sau này, dựa vào dấu vết của những am thờ đó, các ngôi chùa dần dần được định hình và phát triển.

Nhờ sự phát tâm, ủng hộ của nhiều địa phương, đơn vị, tổ chức, cá nhân, Phật tử trong và ngoài nước cùng chung tay hướng về Trường Sa với tình cảm sâu sắc và thiêng liêng nhất, chỉ trong vòng 6 năm, từ 2008 đến 2014, Quân chủng Hải quân, Giáo hội Phật giáo Việt Nam và tỉnh Khánh Hòa đã phối hợp trùng tu, tôn tạo, xây



Chùa trên đảo Song Tử Tây. (Ảnh Lê Khanh)



Ngôi chùa trên đảo Sinh Tồn. (Ảnh sưu tầm)

dựng khang trang, bề thế 6 ngôi chùa trên các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, gồm: chùa Song Tử Tây (đảo Song Tử Tây), chùa Trường Sa Lớn (đảo Trường Sa Lớn), chùa Sinh Tồn (đảo Sinh Tồn), chùa Nam Huyền (đảo Nam Yết), chùa Vinh Phúc (đảo Phan Vinh) và chùa Sơn Linh (đảo Sơn Ca). Năm 2022 đã hoàn thành việc khôi phục, xây dựng thêm 3 ngôi chùa tại các đảo Trường Sa Đông, Sinh Tồn Đông và Đá Tây A. Giữa sóng gió và khắc nghiệt của thiên nhiên, sự hiện diện của những công trình tôn giáo nơi đây không chỉ thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đến quân dân Trường Sa, đáp ứng nguyện vọng đời sống tâm linh của quân dân trên đảo mà còn là sự khẳng định chủ quyền thiêng liêng trên mảnh đất máu thịt của Tổ quốc nơi đầu sóng ngọn gió. Đồng thời chứng minh Phật giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, phát huy truyền thống “*Hộ quốc an dân*”, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kể từ khi được xây dựng đến nay, những ngôi chùa đã trở thành địa điểm tâm linh giúp ngư dân vươn khơi bám biển, là điểm sinh hoạt văn hóa và gắn kết tình quân dân đang sinh sống trên quần đảo Trường Sa.

ĐẾN NHỮNG NGÔI CHÙA UY NGHIÊM GIỮA BIỂN KHƠI

Trước nắng gió Trường Sa, vẻ đẹp uy nghi, trầm mặc của những ngôi chùa nổi bật giữa không gian bao la đất trời và biển cả. Mỗi ngôi chùa mang một vẻ đẹp riêng với quy mô khác nhau, nhưng tất cả đều tọa lạc ở địa thế đặc biệt - trên thềm biển Đông, nơi hải đảo xa xôi, bao quanh bởi

bốn bề sóng nước. Hầu hết các ngôi chùa trên quần đảo Trường Sa đều được thiết kế mang đậm nét kiến trúc thuần Việt giống như các ngôi chùa truyền thống. Trong khuôn viên đẹp, hài hòa, bên cạnh bóng dáng cây đa, cây Bồ đề quen thuộc, hình ảnh cây phong ba, cây bàng vuông tạo thành không gian đan xen hài hòa giữa vẻ thâm nghiêm của ngôi chùa truyền thống với sự kiên cường của ngôi chùa nơi hải đảo, tượng trưng cho sức sống mãnh liệt luôn hiện diện nơi quần đảo giữa trùng khơi.

Chùa Trường Sa Lớn tọa lạc ở vị trí trung tâm thị trấn Trường Sa, trên đảo Trường Sa Lớn, khuôn viên chùa khá rộng và đẹp. Còn chùa trên đảo Song Tử Tây là ngôi chùa lớn nhất ở Trường Sa, có quy mô khá lớn với cảnh quan thoáng đãng. Chùa Vinh Phúc trên đảo Phan Vinh, nằm sát bờ biển, mang nét đẹp bình dị mà thâm trầm, tựa hồ như bức tranh pha trộn nhiều sắc thái. Riêng chùa Nam Huyền trên đảo Nam Yết được xây dựng kiên cố với hàng cột và bậc tam cấp bằng đá nguyên khối. Mệnh danh là “*đảo dừa*” nên ngôi chùa nơi đây được bao quanh bởi một màu xanh ngắt của những rừng dừa hiên ngang cùng gió bão nắng mưa. Nằm ở đảo Sơn Ca, chùa Sơn Linh xây dựng trên triền cát trắng và san hô, cổng chùa tọa sát mép sóng hướng ra vùng biển rộng.

Điểm chung của những ngôi chùa trên quần đảo Trường Sa là đều được xây dựng theo phong cách Phật tự Bắc bộ truyền thống với kiến trúc số gian lẻ, thường là một gian hai chái, hay ba gian hai chái, mái cong có đầu đao và sử dụng

nhiều loại gỗ quý, chịu được độ mặn của nước biển. Chánh điện uy nghi với những pho tượng Phật nặng hàng chục tấn được làm từ đá quý; hoành phi, câu đối đều sơn son thếp vàng, chạm trổ cầu kỳ. Điều này vừa nói lên sức cảm hóa to lớn của đạo Phật với ý nghĩa là chỗ dựa tinh thần cho con người, đồng thời khẳng định chủ quyền bền vững của dân tộc trên vùng lãnh thổ thiêng liêng.

Cùng với điện thờ Phật, các ngôi chùa ở Trường Sa đều có bia tưởng niệm ghi danh các anh hùng, liệt sĩ đã anh dũng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo. Đảo Song Tử Tây và Nam Yết còn có tượng đài Quốc công tiết chế Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn - vị danh tướng vĩ đại thời Trần. Đảo Trường Sa Lớn có nhà tưởng niệm Bác Hồ; đảo Sơn Ca với tượng đài và công viên Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tất cả những công trình đó đã trở thành một quần thể kiến trúc văn hóa, lịch sử, tâm linh tiêu biểu thuần túy Việt Nam trên biển Đông, góp phần khơi gợi truyền thống anh hùng, kiên cường giữ đất, giữ đảo của cha ông, tiếp thêm ý chí và sức mạnh cho quân dân trên đảo.

Trên bình diện tổng thể, những ngôi chùa ở Trường Sa có nhiều nét đặc trưng, mỗi sự khác biệt đều gắn với thông điệp về hòa bình và chủ quyền đất nước. Điều đặc biệt nhất của những ngôi chùa ở đây là cổng chùa và gian chính điện đều quay mặt ra biển Đông theo hướng nhìn về thủ đô Hà Nội - trái tim của cả nước với ý nghĩa thiêng liêng là hướng về nơi cội nguồn tinh hoa văn hiến dân tộc. Tất cả các viên gạch xây chùa



Chùa Vinh Phúc trên đảo Phan Vinh. (Ảnh sưu tầm)

đều in hình quốc huy nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam như một sự khẳng định giá trị tâm thức và chủ quyền có tính lịch sử bền vững muôn đời của dân tộc Việt Nam. Ngoài ra, sự khác biệt là hoa văn, họa tiết trang trí mái chùa không giống với các biểu tượng long, ly, quy, phụng như những ngôi chùa truyền thống mà trang trí vạch nét cong vút biểu tượng hình sóng biển in trên nền trời xanh thẳm, mang đậm dấu ấn đặc trưng của ngôi chùa giữa đại dương. Mỗi ngôi chùa nơi đây không đơn thuần mang ý nghĩa tâm linh, mà còn là những ngôi

chùa “chủ quyền”. Hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng - biểu tượng quốc gia là lời khẳng định danh thép cho chủ quyền hợp pháp, không thể tranh chấp trên biển Đông. Cũng như những cột mốc quốc giới ở đất liền, những cột mốc chủ quyền trên các đảo được xây dựng bằng mồ hôi, xương máu, sự hy sinh của biết bao thế hệ người Việt Nam.

Khác biệt với những ngôi chùa trong đất liền thường được viết bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm, tất cả các ngôi chùa ở Trường Sa từ cổng chùa tới hoành phi, câu đối

trong chùa đều được viết hoàn toàn bằng chữ Quốc ngữ. Đó cũng là sự khẳng định một chân lý: chủ quyền quốc gia luôn song hành với văn hóa dân tộc, người Việt giữ gìn tiếng Việt như giữ gìn từng tấc đất mà tiền nhân đã để lại. Và ở bất cứ nơi đâu trên quê hương Việt Nam, bản sắc văn hóa Việt Nam luôn hiện hữu, trường tồn và phát triển. Tất cả những dòng chữ trên câu đối trong các chùa đều mang hàm ý sâu sắc, không chỉ thấm đẫm triết lý đạo Phật, ca ngợi cảnh sắc kỳ vĩ của đất trời biển đảo Trường Sa mà còn là tuyên ngôn về chủ



Chùa Trường Sa Lớn. (Ảnh sưu tầm)

quyền bất khả xâm phạm của dân tộc đã có tự ngàn xưa trên mảnh đất tiền tiêu của Tổ quốc:

*“Uy thần biển đảo cổ vẫn truyền
Chùa Phật Trường Sa nay còn tỏ”.*

*“Cá đọc kệ được thành tiên
Rồng nghe kinh mà mộ đạo”.*

*“Mây lành che Đông Hải, một
trời cam lộ tưới Trường Sa
Thắng tích ánh đảo xa, vạn cổ
danh lam truyền Song Tử”.*

*“Chùa chiến sừng sững nguy nga
đất Việt nổi danh lam
Quần đảo huy hoàng chất ngất
biển Đông ngời thắng cảnh...”.*

Cùng với điện thờ Phật, các ngôi chùa ở Trường Sa đều có các ban

thờ anh hùng, liệt sĩ đã anh dũng hy sinh trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Những hoạt động cầu siêu cho các anh hùng liệt sĩ vì quốc vong thân và các đồng bào tử nạn trên vùng biển thuộc quần đảo Trường Sa được các chùa tổ chức hàng năm để tưởng nhớ những người con đã hiến trọn tuổi xuân, nằm lại giữa biển khơi để cờ Tổ quốc được tung bay trên đảo.

Giữa sóng gió và sự khắc nghiệt của thiên nhiên, những ngôi chùa ở Trường Sa vẫn đang là điểm tựa tâm linh vững chắc cho những ngư dân quanh năm vươn khơi bám biển, san sẻ bớt sự cô đơn xa gia đình, người thân, lênh đênh trên hành trình mưu sinh

giữa vùng biển nhiều bất trắc này. Do đó, những ngôi chùa là điểm đến không thể thiếu, dù ngày rằm, mừng một hay dịp lễ Tết, ngư dân trên các ngư trường quanh đảo trong những chuyến đánh bắt xa bờ với hải trình dài ngày, mỗi khi có dịp cũng thường ghé lên đảo thăm viếng chùa lễ Phật, thành kính cầu nguyện cho những chuyến đi trời yên biển lặng. Đối với cán bộ, chiến sĩ và người dân trên đảo, dù ngày thường hay các dịp lễ đều đến chùa dâng hương, cúng Phật, cầu sức khỏe, bình an cho bản thân và gia đình. Trong đời sống tâm linh của quân dân quần đảo Trường Sa, chùa trở thành ngôi nhà chung, mang đến sự bình an, thanh tịnh, hướng niềm tin con

người nơi cửa Phật, đoàn kết cùng nhau xây dựng cuộc sống trên đảo, bảo vệ chủ quyền, lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc.

PHẬT GIÁO ĐỒNG HÀNH CÙNG BIỂN ĐẢO TỔ QUỐC

Lịch sử đã chứng minh, Phật giáo luôn đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc. Thời Trần, vua Trần Nhân Tông được tôn xưng là Phật hoàng, sáng lập nên dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, đã từng lãnh đạo quân dân đánh tan quân Mông - Nguyên. Nổi tiếp truyền thống đó, có những thời điểm, tu sĩ Phật giáo đã phải “*Cởi áo cà sa khoác chiến bào*” để giữ gìn bờ cõi trước khi tiếp tục đời tu. Tinh thần tùy duyên của Phật giáo trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc đã được biểu hiện đến hôm nay. Những ngôi chùa ở đảo và cuộc dân thân hành đạo của chư Tăng đã cho thấy rõ điều đó. Phật huy truyền thống Phật giáo Việt Nam “*Hộ quốc an dân*” theo tinh thần “*Đạo pháp gắn liền với dân tộc*”, hình ảnh các sư thầy có mặt ở nơi lãnh hải xa xôi của Tổ quốc đã chứng minh Phật giáo luôn đồng hành cùng biển đảo và dân tộc. Sự hiện diện vững chãi của những ngôi chùa nơi đảo xa với hình ảnh chiếc áo cà sa kiên cường nơi đầu sóng ngọn gió là cầu nối gửi gắm bao tình cảm, sự sẻ chia của những người con Phật nơi đất liền nói riêng và toàn thể người dân Việt Nam nói chung. Phật giáo đã làm tròn nhiệm vụ phụng sự chúng sinh, cúng dường chư Phật, xóa nhòa khoảng cách giữa đất liền và hải đảo.

Các chùa trên quần đảo Trường Sa đều có sư trụ trì. Hàng năm, Giáo hội Phật giáo tỉnh Khánh Hòa đều bổ nhiệm chư Tăng ra

các chùa trên đảo phụng sự Phật pháp. Các Ngài đều phát nguyện ra đảo bằng tình yêu người tu sĩ đối với mảnh đất máu thịt của Tổ quốc. Họ đã thề nguyện xin ra các chùa trên quần đảo để hành đạo, mang tâm nguyện tu dưỡng đạo tâm, góp sức truyền bá, lan tỏa Phật pháp, làm phong phú đời sống tâm linh, đem đến môi trường sống thân thiện, giúp quân dân trên đảo sống hướng thiện, đoàn kết. Đặc biệt ở nơi quần đảo tiền tiêu này, các nhà sư trụ trì tựa như những chiến sĩ ngày đêm thầm lặng canh giữ đất trời, vùng biển chủ quyền, luôn gắn gũi với cán bộ quân dân trên đảo. Qua đó, không chỉ phục vụ tốt đời sống tâm linh, mà còn đóng góp xây dựng cuộc sống, mang lời kinh tiếng kệ để truyền bá tâm lành ý Phật, giảng pháp cho những người dân yêu nước, cho các chiến sĩ vững tâm, bền chí, nguyện cầu quốc thái dân an, biển đảo yên bình. Các sư trụ trì đã thực hiện đúng tinh thần của triết lý nhà Phật, đem tấm lòng từ bi, hỷ xả của Đức Phật phổ độ và che chở cho cuộc sống của con dân Việt ngoài đảo xa, khi các Ngài không quản ngại xa xôi, khắc nghiệt, vượt mọi khó khăn, gian khổ, vững tâm tu hành, cống hiến hết mình để chăm lo công tác Phật sự, gìn giữ truyền thống văn hóa, phát triển mạch nguồn đạo pháp, khẳng định tinh thần yêu nước, yêu biển đảo của con người Việt Nam.

Ở Trường Sa, mỗi ngôi chùa không chỉ thể hiện chiều sâu văn hóa tâm linh, mà còn là những cột mốc chủ quyền trên biển. Hình ảnh lá cờ Tổ quốc và cờ Phật giáo cùng tung bay trên các đảo là sự khẳng định, ở nơi đâu có người Việt sinh

sống, nơi đó có mái chùa; nơi nào thuộc lãnh thổ chủ quyền của đất nước, ở đó có hình bóng của người tu sĩ. Phật giáo thịnh phát ngay trên mảnh đất Trường Sa thân yêu, nhà sư - chiến sĩ - ngư dân cùng chung một tấm lòng, phụng sự Tổ quốc, nguyện cầu cho đất nước thái bình, nhân dân an lạc, cho các thế hệ hôm nay và mai sau được sống trong tình yêu thương. Hoảng pháp tại Trường Sa thể hiện rõ nét tinh thần đạo Phật đồng hành cùng dân tộc, để ánh dương Phật pháp ngày càng tỏa rạng, chiếu soi khắp từng tấc đất nơi biển đảo quê nhà.

Có thể nói, những ngôi chùa trên quần đảo Trường Sa đã trở thành biểu tượng hội tụ truyền thống văn hóa tâm linh người Việt. Vượt qua bão táp phong ba, những ngôi chùa thâm nghiêm trước biển luôn vững vàng vượt qua mọi sóng gió như minh chứng cho tình yêu biển đảo, lòng yêu nước và niềm tự hào của mỗi người con đất Việt nơi đảo xa luôn hướng về Tổ quốc. Không chỉ là chứng nhân cho sự chuyển mình với nhiều khởi sắc của Trường Sa, những ngôi chùa nơi đây còn là sự khẳng định đầy thuyết phục, tiếp nối liên tục quá trình thực thi chủ quyền dân tộc trên vùng quần đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Chú thích:

* Thạc sĩ Đinh Thị Duyên, Giảng viên Khoa Công tác Đảng, Công tác chính trị, Học viện Hải quân.

Tài liệu tham khảo:

1. Bùi Chiến, *Ngàn khơi vẳng tiếng chuông chùa*, <https://baolaichau.vn>.
2. Lữ Mai - Trần Thành, *Chuông chiều trên biển Trường Sa*, <https://giacngo.vn>.
3. Nguyễn Thành Trung, *Phật dân nơi huyện đảo Trường Sa*, <https://www.phattuvietnam.net>.



SC. Thích Nữ Diệu Hoa

Tập mà tha thứ dễ thương
 Tập buông cổ chấp dễ thường được an
 Tập vui để khỏi phàn nàn
 Tập cười để hết thở than cuộc đời

Tập làm cho trí thành thời
 Tập gieo tử tế cho trời thêm xanh
 Tập uơm hạt giống thiện lành
 Tập nhìn vạn vật tâm thanh hải hòa

Tập dùng tất xấu ba hoa
 Tập chăm quán tưởng thân già từ thi
 Tập siêng thiền định tu trì
 Tập rời chấp nhặt sân si muộn phiền

Tập hoài như trẻ hồn nhiên
 Tập luôn giống Phật tính hiền bao dung
 Tập bao lời ác không dùng
 Tập ngừng vọng khởi ung dung khổ trừ

Tập gìn chánh niệm nhân thư
 Tập soi xét lại nhân từ dày thưa
 Tập ngăn tội lỗi tham ngừa
 Tập mình như lúc thuở xưa vào chùa

Tập lia ganh tị hơn thua
 Tập gom sầu não gió lửa cuốn bay
 Tập thôi gườm liếc cau mày
 Tập tìm gốc rễ đắng cay ưu sầu

Tập ngồi vắng bóng lo âu
 Tập nghe nhịp thở nhiệm màu trong tim.



Kim Loan

Chợt thơm thoang thoang sân thiền
 Hương trầm phảng phất giữa miền chân tu

Bồ đề sương khói mây mù
 Lặng yên góp nhặt trầm tư Ta bà

Hoa từ đạo ấy xuất gia
 Phật môn trau chuốt ngọc ngà thân tâm

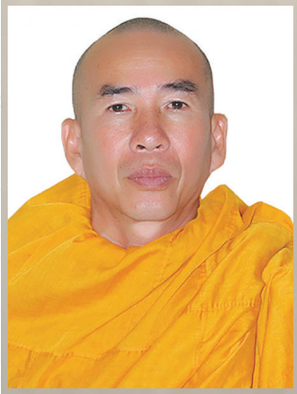
Lời kinh phổ độ thâm trầm
 Tuyết, sương, phong, nguyệt bao lần mãn khai

Tàn trắng ướt dầm Phật đài
 Thiên hoa soi bóng canh dài vô biên

Chén trà ôn chuyện tiền duyên
 Trăm năm tựa cánh hoa huyền hoặc rơi.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hun phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hồng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn



Những chương trình

Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẠP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẮM HOA



CHUYỆN CỬA THIỀN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT
TRÁNG THẮNG TƯ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ Live và đăng tin tức

Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802

Email: PSOMiennam@phatsuonline.com

A full-page background image of a forest in autumn. Sunlight filters through the trees, creating a warm, golden glow. The leaves are mostly yellow and orange, with some green still visible. The trees are tall and thin, with their trunks visible in the foreground and background. The ground is covered in fallen leaves and some green grass.

PHẬT GIÁO
**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**



Từ Kinh DEVADAHĀ đến quan điểm về nghề nghiệp trong đạo Phật

ĐD. Thích Đức Kiên*

Tóm tắt: Trong bài Kinh Devadaha, Đức Phật đã luận giải chi tiết về nghề nghiệp. Trái ngược với quan điểm cho rằng nghề nghiệp là định mệnh luận, chỉ có thể khổ hạnh để tiêu trừ, Ngài phê bình những quan điểm không đúng đắn về nghề nghiệp như thế và dạy con đường ưu thắng dẫn đến sự giải thoát thực sự.

Từ khóa: Nghề nghiệp, Kinh Devadaha, Ni-kiền-tử.

DẪN NHẬP

Thế kỷ thứ VI trước Tây lịch là thời kỳ hết sức sôi động trong lịch sử tư tưởng của Ấn Độ bởi phong trào tự do tư tưởng đã làm sinh khởi, phát triển rất nhiều các học thuyết triết học và tôn giáo. Sự ra đời như “nấm mọc sau mưa” của hàng loạt hệ thống tư tưởng mới trong giai đoạn này đã tạo nên một bức tranh đa sắc về niềm tin trong dân chúng. Trước sự suy yếu của tôn giáo Veda, các học thuyết mới đã không ngừng ra đời, nhằm đáp ứng lại nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng khi tín đồ đã quá chán ngán với hệ tư tưởng mang nặng tính thần bí, độc đoán, cổ hủ của kinh điển Veda. Và “nghề nghiệp” là một trong những triết lý xuất hiện trong hoàn cảnh đó khi nhận được sự quan tâm rất lớn từ các tôn giáo lúc bấy giờ.



Đức Phật tuyên bố rằng yếu tố chính trong việc tạo nên nghiệp là ý chí hay ý định (*Cetanā*), hay là một sự chú tâm, một ý định, một ý muốn trong tâm thức. Sau đó nghiệp tác ý này mới sinh ra trên hành động gọi là thân nghiệp (*Kayākarma*), trên ngôn từ gọi là khẩu nghiệp (*Vākkhakarma*) và trên tâm ý gọi là ý nghiệp (*Manokarma*).

Thân và Miệng chỉ là kẻ thừa hành của tác ý. Do có tác ý, mỗi hành động đều dẫn đến một kết quả mà con người chịu trách nhiệm nhận lãnh hậu quả.

Tuy nhiên, cách lý giải của các trường phái tôn giáo lại có phần rất khác nhau. Đạo Jain (đạo Kỳ-na) tuy cũng phủ nhận uy quyền của tôn giáo Veda khi không chấp nhận có một đấng Thượng đế nào đó chi phối, quyết định vận mệnh, cuộc sống của con người nhưng vấn đề nghiệp dưới góc nhìn của các giáo sĩ thuộc đạo Kỳ-na lại rất khác biệt so với Phật giáo. Sự khác nhau này được ghi nhận rất nhiều thông qua các cuộc đối thoại tôn giáo trong rất nhiều bản kinh Phật giáo, điển hình nhất là *Kinh Devadaha* (kinh số 101) thuộc *Kinh Trung Bộ*. Bài kinh được Đức Phật giảng cho các vị Tỷ kheo tại thị trấn Devadaha của bộ tộc Sakya (Thích Ca) nói về cuộc bàn luận của Ngài với ngoại đạo Nigantha về giáo lý nghiệp.

KHÁI NIỆM VỀ NGHIỆP

Nghiệp (*Kamma*) được định nghĩa là một hành động có Tác ý hay là Tư tâm sở (*Cetanā*); là những tác động về Thân, Miệng, Ý tạo thành nên sức mạnh chi phối tự thân và hoàn cảnh. Trong *Kinh Pháp Cú*, Đức Phật đã nói: “*Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo, Nếu với ý thanh tịnh, Nói lên hay hành động, An lạc bước theo sau, Như bóng, không rời hình*” [1].

Vì vậy, Thân và Miệng chỉ là kẻ thừa hành của tác ý. Do có tác ý, mỗi hành động đều dẫn đến một kết quả mà con người chịu trách nhiệm nhận lãnh hậu quả. Nếu việc làm không có tác ý sẽ không đưa đến nghiệp. Nghiệp được vận hành chính bởi sự vận hành của Ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đây là năm yếu tố tạo nên con người vật chất lẫn



Đức Phật đã trình bày sự tinh tấn như thế nào mới đem lại lợi ích cho việc tu tập, đó chính là “*tinh tấn chống nguyên nhân đau khổ mà không có tham dục, mà xả đối với nguyên nhân gây đau khổ*”.

tinh thần của mỗi chúng ta. Trong đó, Hành vẫn giữ chức năng tổng kết và diễn đạt các giác cảm. Tác ý ấy liên quan đến các thói quen và phản ứng có sẵn trong “*tiềm thức*” của một cá thể, nhằm kích động hay xui khiến cá thể ấy thực thi một hành động nào đó thuộc một thể loại chung, có cùng bản chất, mang tính tích cực, tiêu cực hay trung hòa. Năng lực thúc đẩy hay kích động ấy liên hệ mật thiết với nghiệp trong quá khứ, đồng thời cũng nhất thiết phù hợp với tác ý của cá thể ấy.

Từ bài *Kinh Devadaha* có thể thấy phái Kỳ-na đã trình bày hai điểm chủ chốt về nghiệp như sau: Thứ nhất, họ cho rằng: “*Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ: lạc thọ, khổ thọ, hay bất lạc bất khổ thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ*” [2].

Thứ hai, Nigantha cho rằng các nghiệp từ kiếp trước đều do chính thân này tạo ra, vì thế để loại bỏ đi các nghiệp quá khứ thì phải hành hạ thân này bằng cách thực hành khổ hạnh ép xác. Và chính phương pháp này giúp họ không tạo ra các nghiệp trong hiện tại, nên sẽ không dẫn đến quả khổ trong tương lai: “*Nếu xưa kia các ông có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh thống khổ này. Chính do họ trì thân, họ trì lời nói, họ trì ý ở đây, ngay trong hiện tại nên không làm các nghiệp trong tương lai. Với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được*

đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được đoạn tận” [3].

ĐỨC PHẬT PHÊ BÌNH HỌC THUYẾT VỀ NGHIỆP *Nghiệp hiện tại không chỉ là do Nhân ở quá khứ*

Học thuyết nghiệp của Ni-kiền-tử có một điểm rất đáng ghi nhận, khi đã cho rằng chính nghiệp báo là nguyên nhân lèo lái vũ trụ, con người chứ chẳng phải do một đấng thần linh nào cả. Nghĩa là họ đã phủ nhận vai trò quyền định thưởng phạt dưới bàn tay của Thượng đế và cho rằng con người mới là chủ nhân tạo nên những hành vi thiện ác - gọi là nghiệp. Tuy nhiên, về vấn đề nhận thức tiếp theo về nguồn gốc của nghiệp, họ lại vướng phải nhiều điều sai lạc. Những điểm sai lạc ấy, đã được Đức Phật chỉ ra như sau, bằng cách đặt những câu hỏi cho các Nigantha rằng: “*Các ông có biết: ‘Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu?... Có tạo ác nghiệp hay không tạo ác nghiệp... có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia?... Khổ mức độ như thế này đã được đoạn tận hay khổ mức độ như thế này cần phải được đoạn tận, hay với sự đoạn tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được đoạn tận?... Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp?’*” [4]. Và câu trả lời mà Đức Phật nhận lại được từ các Nigantha đều là “*Không*”.

Như vậy, chính câu trả lời của họ đã tự dẫn họ đi tới sự vô lý trong chính học thuyết của mình. Bởi họ hoàn toàn chẳng biết gì về quá khứ rằng mình ở đâu, làm gì, là ai? Nhưng lại cho rằng những gì mình đón nhận trong hiện tại là

từ quá khứ. Và làm sao biết rằng làm thế nào mà nhận lãnh hết, đủ hay chưa đủ. Mặt khác, họ cũng chẳng biết gì về tương lai đời sau mình là ai, đi về đâu, đến lại cuộc đời này như thế nào? Nhưng lại quan điểm những gì hiện tại mình làm là để hưởng vào đời sau. Nếu hiện tại tự hành khổ mà cho rằng để đoạn diệt các nghiệp quá khứ, vậy thì nghiệp mà mình tự hành khổ trong hiện tại sẽ dẫn con người đi về đâu theo quy luật vận hành của nghiệp? Những Nigantha đều không biết về việc này. Thêm vào đấy, quan điểm của các Nigantha, còn cho thấy một lối sống xa rời cuộc sống thực tại, vì chỉ hướng về quá khứ và vọng ước tới tương lai. Việc đặt ra những câu hỏi như vậy, Đức Phật nhằm vạch rõ chủ trương về nghiệp của Nigantha chỉ là do sự tưởng tượng của chính họ, không dựa vào cơ sở tự mình thấy, tự mình biết, tự mình chứng nghiệm; và quan điểm như vậy được gọi là Định nghiệp.

Nghiệp quan trọng không phải là nghiệp nơi thân

Tiếp theo, vì nhận thức sai lầm như trên đã dẫn đến việc các Nigantha tu tập sai lạc, khi cho rằng hành hạ thân mình qua phép tu khổ hạnh ép xác mới có thể tiêu trừ đi nghiệp cũ và không tạo ra nghiệp mới: “*Này các Nigantha, nếu xưa kia các ông có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh thống khổ này*”. Các đệ tử của Nigantha khi nghe như vậy, đều hoan hỷ tin nhận và thực hành.

Rồi Thế Tôn khai mở tâm cho các Nigantha về điểm không hợp lý của họ bằng những câu hỏi có phải họ tinh tấn thực hành khổ hạnh thì lãnh thọ cảm giác đau

đón, thông khổ và ngược lại khi từ bỏ sự tu tập ấy thì các cảm thọ khổ kia không xuất hiện nữa đúng không? Các Nigantha đều đồng ý là đúng. Như vậy, một lần nữa, chính câu trả lời của họ, lại dẫn họ đi đến chỗ phủ nhận chính quan điểm mà mình đang tu tập. Vì lẽ, họ tu hành khổ hạnh để đốt cháy đi các nghiệp quá khứ, đồng thời không còn nghiệp hiện tại có khổ ở tương lai. Nhưng càng tinh tấn bao nhiêu càng khổ bấy nhiêu và rõ ràng cảm giác khổ hay lạc, nó đều đến từ ngay hành động trong hiện tại, chứ không liên quan gì tới quá khứ cả.

QUAN ĐIỂM VỀ NGHIỆP CỦA ĐẠO PHẬT

Ý nghiệp là quan trọng nhất

Đi ngược lại với quan điểm của các Nigantha khi cho rằng trong ba loại nghiệp thì thân nghiệp là nặng nhất nên phải tu tập khổ hạnh ép xác, Đức Phật dạy rằng ý nghiệp đóng vai trò quyết định. Điều này được Đức Phật khẳng định trong bài *Kinh Ưu-ba-ly* (Upāli sutta) thông qua sự đối thoại giữa Đức Phật với các Nigantha như sau: “*Nigantha Dīgha Tapassī hỏi: Hiền giả Gotama, ba loại nghiệp này, được chia sẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Hiền giả chủ trương loại nghiệp nào tối trọng để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp? Thân nghiệp chăng, khẩu nghiệp chăng, ý nghiệp chăng?*”

- *Này Tapassī, ba loại nghiệp này, được chia sẻ như vậy, được phân biệt như vậy, Ta chủ trương ý nghiệp là tối trọng, để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân nghiệp không bằng được, khẩu nghiệp không bằng được*” [5].

Những người thuộc phái Kỳ-na

không có tập quán về “*ngiệp*”, mà chỉ có tập quán nói về “*phạt*”. Trong đó, thân phạt được xem là nghiêm trọng nhất. Ngược lại, Đức Phật không nói là “*phạt*” mà nói về “*ngiệp*”; và trong ba nghiệp thì ý nghiệp quan trọng nhất: “*Này các Tỳ kheo, Ta bảo rằng tác ý đây là nghiệp. Với ý muốn người ta hành động bằng thân xác, bằng ngôn từ và bằng cơ quan tâm thần của mình*” [6].

Trong đoạn kinh, Đức Phật tuyên bố rằng yếu tố chính trong việc tạo nên nghiệp là ý chí hay ý định (*Cetanā*), hay là một sự chủ tâm, một ý định, một ý muốn trong tâm thức. Sau đó nghiệp tác ý này mới sinh ra trên hành động gọi là thân nghiệp (*Kayākarma*), trên ngôn từ gọi là khẩu nghiệp (*Vakḥhakarma*) và trên tâm ý gọi là ý nghiệp (*Manokarma*). Trong ba nghiệp này, chỉ có thân - khẩu là có sự biểu hiện ra bên ngoài và có thể quan sát được. Ý chí tự do, trong liên hệ với nghiệp phải được hiểu là quyết định lựa chọn một cách tự do và ý thức trách nhiệm về điều mình sẽ làm. Nó sẽ là tiền đề của đạo đức theo nghĩa rộng nhất và cũng là động lực của mọi hành vi thiện ác.

Không dừng lại ở đó, Đức Phật đã trình bày sự tinh tấn như thế nào mới đem lại lợi ích cho việc tu tập, đó chính là “*tinh tấn chống nguyên nhân đau khổ mà không có tham dục, mà xả đối với nguyên nhân gây đau khổ*”. Vì vậy biết cách diệt trừ đi tham dục thông qua tinh tấn và xả. Vì khi tinh tấn thì không có tham dục xảy ra và tu tập xả cũng thế. Sự tinh cần chống lại ái dục đó là tinh tấn hợp pháp. Lại nữa, nếu thấy lạc thọ làm bất thiện tăng,

thiện giảm, ngược lại tinh tấn làm thiện tăng, bất thiện giảm thì vị tỷ kheo sẽ khổ hạnh vừa đủ để nhiếp phục tự ngã. Hay nói cách khác, Đức Phật vẫn cho đệ tử của mình thực hành phép tu khổ hạnh, nhưng ở một mức độ vừa phải để vượt qua những nhiễm ô. Thực chất phép tu khổ hạnh trong đạo Phật không phải để tiêu mòn nghiệp cũ và thanh luyện tâm hồn như ngoại đạo chủ trương.

Và cuối cùng, Phật kết luận có mười trường hợp Như Lai đáng được tán thán. Đó là nếu lạc khổ do nghiệp quá khứ, Như Lai đã làm thiện hành nên nay được tối thắng lạc; nếu do tạo hóa, Như Lai đã được sinh bởi một tạo hóa toàn thiện; nếu do duyên hợp, Như Lai đã kết thiện duyên; nếu do sinh loại, Như Lai đã được thiện sinh; do tinh cần hiện tại, Như Lai đã thiện tinh tấn. Với năm giả thuyết ngược lại, Như Lai cũng đáng được tán thán.

Nghiệp có thể thay đổi được

Không đồng tình về quan điểm định nghiệp của các Ni-kiền-tử, Đức Phật đã trình bày quan điểm của riêng mình khi cho rằng nghiệp hoàn toàn có thể thay đổi. Theo đạo Phật, nghiệp không phải là nguyên nhân duy nhất, nhưng là nguyên nhân chủ yếu của mọi sự sai biệt trên cõi đời này. Nếu đời sống hiện tại hoàn toàn do nghiệp quá khứ của chúng ta quy định chi phối, ta sẽ không có chút thẩm quyền gì can dự thay đổi. Tuy nhiên, chúng ta không phải luôn luôn bị một định nghiệp khắt khe như thế chi phối. Đức Phật nói rằng chính do ý chí của ta mà ta có thể thay đổi được nghiệp, từ đó thay đổi đời sống

của mình. Một người dù xấu ác, nhưng nếu phát tâm giác ngộ, tu tập hành trì miên mật theo lộ trình có tám chi phần thì hoàn vẫn có thể chứng được quả Thánh, như lời Đức Phật đã nói như sau: “Ai nói như sau: “Người này làm nghiệp như thế nào, như thế nào nó cảm thọ quả như vậy, như vậy. Nếu sự kiện là vậy, này các Tỷ kheo, thời không có đời sống phạm hạnh, không có cơ hội để nêu rõ đâu khổ được chân chính đoạn trừ” [7].

Theo Đức Phật, hạng người không tu tập nơi thân, tâm, tuệ, hạn hẹp, tự ngã nhỏ nhen, sống chịu khổ ít ỏi thì làm nghiệp ác nhỏ mọn sẽ đưa vào địa ngục. Còn hạng người thân được tu tập, giới, tâm, tuệ được tu tập, không có hạn hẹp, tự ngã to lớn, sống đời vô lượng; người như vậy làm việc ác tương tự đưa đến cảm thọ ngay trong hiện tại. Nên muốn thay đổi nghiệp báo, chúng ta phải có một phương pháp tu tập đúng đắn và đây chính là con đường của Bát chánh đạo.

Ái là cội nguồn của Khổ và Bát chánh đạo là con đường đoạn trừ nghiệp

Trái ngược lại với quan điểm của các Nigantha khi cho rằng thực hành khổ hạnh là phương pháp để đoạn trừ nghiệp, Đức Phật dạy thuyết Trung đạo mới là phương pháp rốt ráo để đoạn trừ nghiệp: “Có hai cực đoạn này, này các Tỷ kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai? Một là đắm say trong các dục, hạ liệt, dễ tiện, phạm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ

đến mục đích. Tránh xa hai cực đoạn này, này các Tỷ kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn” [8].

Rõ ràng Đức Phật trước khi thành đạo, Ngài có tận 6 năm thực hành phép tu khổ hạnh. Nhưng rồi, Đức Phật đã từ bỏ lối tu này, bởi Ngài nhận ra pháp tu ấy không đưa lại được sự an lạc, giải thoát, mà chỉ là sự khổ đau về thể xác. Còn hưởng thụ dục lạc, càng làm chúng ta tô bồi thêm cho tập nhân ái nhiễm, chấp trước, dẫn đến luân hồi sanh tử.

Đức Phật cũng có đề cập đến phương pháp tu khổ hạnh như thế nào mới thật là rốt ráo, đó là: “Không có tự sát sanh, không có bảo người khác sát sanh, không có tùy hỷ sát sanh; không có lấy của không cho, không có khiến người khác lấy của không cho, không có tùy hỷ lấy của không cho, không có nói láo, không có khiến người khác nói láo, không có tán thán nói láo; không có tham vọng dục tình, không có khiến người khác có tham vọng dục tình, không có tán thán tham vọng dục tình”. Nghĩa là tu tập với bốn phép chế ngự, tiếp đến là lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như ngôi rừng, gốc cây, trên khe núi, trong hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, hay đồng rơm; sau khi ăn xong đi khát thực về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Ngoài ra còn phải “từ bỏ tham ái ở đời, an trú với tâm thoát ly tham ái, gột sạch tâm hết tham ái,... sân tâm, khởi lòng thương tưởng mọi loài chúng sanh, gột sạch tâm hết sân hận... hôn trầm thùy miên,

tưởng niệm đến ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác, gột sạch tâm hết hôn trầm thùy miên”. Tương tự như vậy với trạo hối, nghi hoặc đối với các thiện pháp, đây là bỏ năm triền cái. Tiếp đến “trí tuệ làm cho tâm cấu uế giảm thiểu, vị ấy an trú với tâm cấu hữu với từ... Vị ấy an trú biến mãn với tâm cấu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân”[9]. Như thế, mới gọi là “khổ hạnh đạt đến tối thượng, đạt đến căn bản” theo Phật giáo.

BÁT CHÁNH ĐẠO - CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Nghiệp không thể tự hoạt động một mình để tạo sinh một đời sống mới. Nghiệp mới được tích lũy phải nằm tiềm ẩn trong dòng tâm thức, đợi đến khi chín muồi mới trở ra quả. Và chúng ta biết rằng, cuộc sống con người là một chuỗi những sự tiếp nối. Chuỗi tiếp nối đó biểu hiện qua những hành động (nghiệp) của chúng ta trong quá khứ và hiện tại. Đồng thời tạo ra các nguyên nhân mới đưa đến sự hiện hữu của chúng ta trong tương lai, gọi là luân hồi. Việc tu tập để thoát khỏi vòng trôi buộc của nghiệp bằng con đường Trung Đạo được giải thích rất rõ qua giáo lý Duyên khởi đã được Đức Phật giảng dạy cho hàng đệ tử. Chuỗi dài tiếp nối của mười hai “nút thắt” hay mối dây nhân - quả gọi là Thập nhị nhân duyên. Trong đó, mỗi chi phần nhân duyên vừa là Nhân, vừa là Quả, vừa tùy thuộc hay bị định đoạt, vừa làm điều kiện cho những chi phần sau sinh khởi. Trong 12 chi phần Nhân duyên theo thuyết Duyên khởi của vòng luân hồi sanh tử được giải thích qua bốn tiết đoạn, gồm quá khứ, hiện tại, vị lai như sau:

- Nghiệp quá khứ gồm những hành động trong quá khứ và thuộc về Vô minh và Hành. Sự thật Vô minh và Hành này bao trùm cả Ái, Thủ và Hữu.

- Quả hiện tại gồm những quả hiện tại do nghiệp đời trước phát sinh, tức là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc và Thọ.

- Nghiệp hiện tại gồm những hành động trong hiện tại và những hành động này sẽ phát sinh Quả trong đời sau. Nghiệp hiện tại gồm Ái, Thủ và Hữu. Sự thật chúng bao gồm cả Vô minh và Hành.

- Quả vị lai kết quả trong đời sau do những nghiệp hiện tại. Những kết quả này tức là Sanh và Già - Chết. Sự thật Sanh - Già - Chết này bao trùm cả, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc và Thọ.

Bốn tiết đoạn này, một thuộc Quá khứ, hai thuộc Hiện tại và một thuộc Tương lai. Trong đó, Vô minh (*Avijjā*) và Ái (*Taṇhā*) được xem là gốc rễ, giúp cho nghiệp được trở thành Quả. Tham ái là thứ tạo nên sự hiện hữu. Bản chất của tham ái là sự tận hưởng, thỏa thích và bị dính mắc. Tham ái cần phải có sự “*giúp sức*” của Vô minh nhằm che giấu đi bản chất thật của đối tượng dục trần. Trong cặp này, có khi Tham ái chỉ đạo và có khi Vô minh chỉ đạo cho nghiệp hoạt động, nên chúng ta tạo ra rất nhiều nghiệp thông qua ba cánh cửa là Thân, Miệng, Ý. Theo thời gian, nghiệp càng tích lũy nhiều hơn trong tâm thức và sự tồn trữ đó sẽ tạo sinh ra sự hiện hữu của chúng ta trong tương lai. Và chỉ khi nào hai gốc rễ này được trừ diệt, bánh xe luân hồi mới có thể dừng lại, nghĩa là nghiệp được chấm dứt.

Đức Phật từng khẳng định cuộc

đời này là đau khổ (Khổ đế). Ngài cũng đã chỉ ra cho chúng ta nguyên nhân của đau khổ là tham ái (Tập đế), trạng thái chấm dứt đau khổ (Diệt đế) và hướng dẫn ta cách vượt qua đau khổ (Đạo đế). Đối chiếu theo giáo lý 12 nhân duyên, ta thấy rằng nguyên nhân của khổ trong quá khứ là “*Vô minh - Hành*” và trong hiện tại là “*Thức - Ái - Thủ - Hữu*”. Vì vậy, để chấm dứt khổ đau chỉ có thể loại trừ nguyên nhân gốc rễ của Khổ mà thôi. Điều đó có nghĩa là chấm dứt “*Ái*” và “*Vô minh*”. Con đường chấm dứt đau khổ đó được Đức Phật chỉ ra chính là con đường Trung đạo, vượt ra ngoài hai khuynh hướng: Hưởng thụ dục lạc và thực hành khổ hạnh mà các giáo sĩ ngoại đạo chủ trương. Vì hưởng thụ dục lạc chỉ là vun bồi thêm nguyên nhân, chồng chất thêm nghiệp nhân sanh tử (Tham ái); còn khổ hạnh ép xác như các Nigantha chỉ là đang hành hạ hệ quả của nhân quá khứ (Danh sắc), nên cũng không có ý nghĩa gì trong việc vượt tiêu trừ đi các nghiệp để mong cầu giải thoát sinh tử.

Và phương cách để có thể cắt đứt nguồn cơn của Khổ đau do nghiệp gây nên không gì khác hơn đó chính là con đường tám ngành Bát chánh đạo (*Ariya Atthaṅgika - magga*), như lời đức Phật đã nói: “*Thế nào là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt? Đây là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây gọi là con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt*” [10].

Hay nói cách khác, đó chính là

ba môn học vô lậu “*Giới - Định - Tuệ*”. Giới (*Sīla*) ở đây chính là Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Định (*Samādhi*) là Chánh niệm và Chánh định. Tuệ (*Pañña*) chính là Chánh kiến và Chánh tư duy. Và Chánh tinh tấn có mặt trong tất cả Giới, Định, Tuệ. Thực hành Giới và Định sẽ đưa tới Tuệ giải thoát, giúp chúng ta thoát khỏi màn Vô minh mê muội. Chính Vô minh dẫn đến Tham ái, chấp thủ mà hậu quả của nó là khổ đau. Vì vậy, có Giới - Định - Tuệ, chúng ta sẽ vén được bức màn của Vô minh, chặt đứt sợi dây Tham ái, thoát ra vòng dây của luân hồi, tiêu diệt được nghiệp và hướng tới giải thoát.

Vì vậy, trong *Kinh Tăng Chi*, Đức Phật đã nói: “*Này các Tỷ kheo, khi một vị thánh đệ tử hiểu rõ nghiệp như vậy, nguồn gốc của nghiệp tính đa dạng của nghiệp, quả báo của nghiệp, sự chấm dứt nghiệp, và con đường đưa đến chấm dứt nghiệp, vị ấy hiểu rằng đời sống phạm hạnh thể nhập thâm sâu này chính là con đường chấm dứt nghiệp*”. Trong *Kinh Tăng Chi*, phẩm Triền Cái, Đức Phật cũng dạy hàng đệ tử của mình rằng: “*Ta là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy*” [11]. Như vậy, đã tạo nghiệp thì ắt phải chịu quả. Tuy nhiên, cứu cánh của đạo Phật là giải thoát con người khỏi vòng luân hồi bằng chính nghị lực tinh tiến của mình. Nên quan điểm nghiệp báo của đạo Phật không phải là định mệnh mù quáng máy móc, mà là một sự nỗ lực, tinh tấn không ngừng để thực hành Tam vô lậu

Đức Phật đã nói rằng:
“Không trên trời, giữa biển
Không lánh vào động núi
Không chỗ nào trên trời
Trốn được quả ác nghiệp”.

học để có thể thoát khỏi khổ đau luân hồi, mang lại lợi ích cho chính mình và cộng đồng.

Hơn nữa, giáo lý nghiệp của Phật giáo đã giải phóng con người khỏi sự lệ thuộc của thần linh, vượt qua chủ nghĩa ngẫu nhiên luận, thần ý luận và định mệnh luận, đề cao vai trò của tự do ý chí trong những hành vi đạo đức. Thông qua giáo lý nghiệp chúng ta mới thấy cuộc đấu tranh để toàn thiện đạo đức, tiêu trừ nghiệp cũ là một hành trình tự lực và được xây dựng trên nền tảng của Giới - Định - Tuệ.

Đức Phật đã nói rằng:
“Không trên trời, giữa biển
Không lánh vào động núi
Không chỗ nào trên trời
Trốn được quả ác nghiệp” [12].

Nghĩa là không ai có thể trốn tránh được nghiệp quả của

mình mỗi khi nghiệp nhân đã tạo ra. Tuy nhiên, Đức Phật dạy chúng ta có thể chuyển hoá được nghiệp, chuyển hoá nỗi khổ, niềm đau thành an lạc giải thoát, từ phạm phu trở thành bậc thánh nhờ vào sự xả bỏ Tham - Sân - Si và tinh tấn tu tập Giới - Định - Tuệ. Vì vậy, hiểu về giáo lý nghiệp theo quan điểm của đạo Phật sẽ giúp chúng ta sống có trách nhiệm hơn với chính cuộc sống của mình, cam đảm nhận lãnh khi bị những khó khăn thử thách không thể kham nổi vì hiểu rằng đó là kết quả của những hành động mình đã gây ra trong quá khứ và nỗ lực ngay từ bây giờ trong tu tập để chuyển hoá nghiệp xấu; nỗ lực ngay từ bây giờ, ngay từ hôm nay trong việc tịnh hoá thân, khẩu, ý trong mỗi sát na chánh niệm, tỉnh thức.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

* Tỷ kheo Thích Đức Kiên, Tăng sinh hệ

Cử nhân Phật học - Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh.

[1] Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Kinh Tiểu Bộ - tập 1: Pháp Cú*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.32.

[2] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 2, 101. Kinh Devadaha*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.271.

[3] *Sđd 2*, tr.275.

[4] *Sđd 2*, tr.272.

[5] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1, 56. Kinh Ưu-Ba-Ly*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.455.

[6] Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Kinh Tăng Chi Bộ - Tập II, VI. Đại Phẩm*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.141.

[7] Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Kinh Tăng Chi Bộ - Tập I, X. Phẩm Hạt Muối*; Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.279.

[8] Thích Minh Châu (dịch, 2013), *Kinh Tương Ưng Bộ - Tập II, II. Phẩm Chuyển Pháp Luân*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.783.

[9] Thích Minh Châu (dịch, 2013), *Kinh Trường Bộ, 25. Kinh Ưu-Đàm-Bà-La Sư Tử Hống*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.520 - 522.

[10] Thích Minh Châu (dịch, 2013), *Kinh Tương Ưng Bộ - Tập II, V. Phẩm Mối Và Cũ*; Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.219.

[11] *Sđd 7*, tr.673.

[12] *Sđd 1*, tr.59.

BÀN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA TINH THẦN PHẬT GIÁO TRONG TƯ TƯỞNG

VUA LÊ THÁNH



Võ Thị Xuân Hương*

Tóm tắt: *Vua Lê Thánh Tông là vị minh quân lỗi lạc trong lịch sử dân tộc. Triều đại của ông nổi tiếng với việc tôn sùng Nho giáo như hệ tư tưởng chính thức của nhà nước. Tuy vậy, khi nghiên cứu kỹ chính sách và pháp luật của thời Hồng Đức, chúng ta vẫn nhận thấy ảnh hưởng đậm đà của tinh thần Phật giáo thời Lê Thánh Tông. Điều đó cho thấy Phật giáo vẫn luôn hiện diện và có ảnh hưởng nhất định đến chính sách của nhà Hậu Lê.*

Từ khóa: *Lê Thánh Tông, tam giáo đồng nguyên, Quốc triều hình luật.*

1. VUA LÊ THÁNH TÔNG VÀ PHẬT GIÁO

Lịch sử Việt Nam ở giai đoạn thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV xuất hiện những biến chuyển xã hội đặc biệt, tác động đến hầu khắp các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Quá trình này tạo điều kiện xuất hiện nhiều nhà tư tưởng lớn như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Mộng Tuân, Lý Tử Tấn, Phan Phu Tiên... Trong đó, vua Lê Thánh Tông đã nổi bật lên với tư cách là nhà văn hóa, tư tưởng lỗi lạc, nhà thơ lớn và trên hết là nhà chính trị - tư tưởng xuất sắc.

Lê sơ là triều đại khởi đầu với nền tảng của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, từ đó tiến lên xây dựng, phát triển nhà nước phong kiến trung ương tập quyền. Trong quá trình đó, vua Lê Thánh Tông đã xuất hiện với tư cách là một nhà chính trị và một nhà tư tưởng lớn.

Trong suốt thời gian trị vì của mình (1460-1497), vua Lê Thánh Tông đã giải quyết các nhiệm vụ lịch sử đặt ra ở thế kỷ XV-XVI. Ông lên ngôi trong thời điểm nhà Lê xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong triều đình cũng như nhiều vấn đề xã hội còn chưa ổn định. Trong nội triều, những mối hiểm họa từ việc Lê Thái Tông phế truất lập thứ đã gieo mầm nội loạn. Thái tử Nghi Dân bị phế thành Lạng Sơn Vương giữ lòng oán hận và đã tiến hành cuộc tranh đoạt ngôi vị với vua Lê Nhân Tông. Nạn tham quan, hối lộ, những nhiễu dân lành, nạn lao dịch thuế khóa mỗi ngày một nặng nề, nông nghiệp mất mùa liên miên do sự thiếu chăm sóc đề điều của các cấp địa phương đã gây nên cảnh lầm than trong dân chúng. Các án oan của dân, việc xét xử không công bằng diễn ra mỗi ngày một chồng chất. Vì vậy ngay khi mới lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã thấy: “*Trước mắt trông đầy việc rối to*” [1].

TÔNG

Trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ cốt lõi của chính trị - xã hội thời bấy giờ và kế thừa sự phát triển có tính lịch sử về tư tưởng chính trị Đại Việt, chuyển đổi vai trò từ Phật giáo sang Nho giáo trong sứ mệnh trị nước an dân, vua Lê Thánh Tông đã chủ trương xây dựng một nhà nước vừa có khả năng bao quát, điều hành được đời sống xã hội trong trật tự, nghiêm minh vừa tiếp nối tinh thần “*khoan thư sức dân*” của các triều đại trước. Những nền tảng tư tưởng kết tinh từ Nho giáo và Phật giáo ở thế kỷ XV đã được vua Lê Thánh Tông vận dụng làm cơ sở vững chắc để xác lập sự thống trị của vương triều và thực thi sứ mệnh của mình.

Thực tế, dù lấy Nho học làm nền tảng, nhưng không vì thế mà vua Lê Thánh Tông không quan tâm đến những nền tảng của các tư tưởng, học thuyết khác. Tư tưởng của vua luôn là

Trong quyền lực tuyệt đối của mình, vua Lê Thánh Tông đã góp phần “chấn hưng” Phật giáo Việt Nam trong sự phát triển của chánh đạo, chánh niệm.

sự kết hợp và tích hợp của nhiều yếu tố như: những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam và sự chọn lọc, dung hợp quan điểm của Phật giáo, Nho giáo, Pháp gia trong việc trị nước, an dân. Đặc biệt nổi bật của tinh thần này là quan điểm “đức trị” và tính nhân văn trong tư tưởng của vua. Các tinh thần này có thể tìm thấy trong hệ thống các tác phẩm chủ yếu của Lê Thánh Tông như: *Anh hoa hiếu trị, Châu cơ thắng thưởng thi tập, Chinh tây kỷ hành, Hồng Đức quốc âm thi tập, Minh Lương cảm tú, Quỳnh uyển cửu ca, Thiên nam dư hạ tập, Văn minh cổ súy, Xuân vân thi tập...* và cả bộ luật Hồng Đức - *Quốc triều hình luật*.

Đặc biệt, tác phẩm *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn* của vua Lê Thánh Tông mang đậm dấu ấn nhà Phật. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Tài Thư, “*Thập giới cô hồn quốc ngữ văn* của Lê Thánh Tông không phải nguồn cảm hứng độc sáng của một ông vua. Đó là kết quả của sự gặp gỡ của các yếu tố chủ quan, khách quan và hoàn cảnh chính trị xã hội. Yếu tố chủ quan là lòng nhân từ của nhà vua, gặp gỡ tinh thần từ bi của đạo Phật. Yếu tố khách quan là tác phẩm Khoa Mông Sơn thí thực của Phật giáo-một khoa cúng chầu tế cô hồn thường cử hành vào tiết Trung nguyên rằm tháng bảy” [3]. Thông qua những nghiên cứu so sánh của mình, chúng tôi cho rằng, nhiều giá trị tích cực trong tư tưởng của vua Lê Thánh Tông rất gần gũi và có thể đã chịu ảnh hưởng của các giá trị tiền bộ trong tinh thần Phật giáo.

2. YẾU TỐ PHẬT GIÁO TRONG TƯ TƯỞNG CỦA VUA LÊ THÁNH TÔNG

2.1. Các giá trị mang tinh thần Phật giáo sâu sắc Từ bi, nền tảng của tinh thần nhân văn của Lê Thánh Tông

Về phương diện chính trị-đạo đức, có thể thấy, tinh thần Phật giáo rất gần gũi và phù hợp với các giá trị trong truyền thống văn hóa, lịch sử, phong tục, tập quán của người Việt. Những tinh thần cao quý như từ bi hỷ xả, sự tu dưỡng về *Thập thiện* và *Ngũ giới* mà đạo Phật đặt ra cho mỗi Phật tử đã được vận dụng, trở thành nền tảng của tinh thần nhân văn trong nội dung tư tưởng của Lê Thánh Tông. Tình cảm xót thương với những nỗi khổ đau và cực nhọc của dân chúng đã góp phần hình thành những khái niệm chính trị thân dân của Lê Thánh Tông như: khoan hòa, nhân từ, phúc huệ “*từ nay về sau, phủ nào có bệnh dịch thì cho phép các quan địa phương đó dùng tiền thuế mua thuốc chữa cho dân*” [4].



Về phương diện chính trị - đạo đức, có thể thấy, tinh thần Phật giáo rất gần gũi và phù hợp với các giá trị trong truyền thống văn hóa, lịch sử, phong tục, tập quán của người Việt. Những tinh thần cao quý như từ bi hỷ xả, sự tu dưỡng về *Thập thiện* và *Ngũ giới* mà đạo Phật đặt ra cho mỗi Phật tử đã được vận dụng, trở thành nền tảng của tinh thần nhân văn trong nội dung tư tưởng của Lê Thánh Tông. (Ảnh tượng Lê Thánh Tông tại Văn Miếu Quốc Tử Giám - ngoisao.vn)

Trong suốt thời gian trị vì, Lê Thánh Tông đã thông qua một loạt các chính sách về bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người. Vua rất quan tâm đến đời sống dân chúng. Vua quan niệm rằng tất cả sự quan tâm đến dân là bổn phận của vua, bổn phận kẻ làm quan. Làm vua, làm quan phải thương yêu dân và phải biết thương xuyên “*đi thăm hỏi, điều tra nỗi khổ của dân sinh, giảm bớt thuế, miễn binh dịch cho dân*”, “*ngừng xây thành khi mất mùa*”. Ông ngày đêm trăn trở suy nghĩ, làm sao cho dân chúng được ấm no, hạnh phúc; đất nước được yên bình, thịnh trị: “*Dân chúng ấm no điềm thịnh trị*”.



Không chỉ có thế, vua Lê Thánh Tông còn kế thừa và kết hợp quan điểm thân dân của Nho giáo với tinh thần bình đẳng của Phật giáo. Từ đó, ông nhận thấy rõ vai trò của dân chúng đối với nước, đối với sự tồn vong cũng như phát triển của một vương triều. Lê Thánh Tông đã viết: “*Thương yêu dân chúng kính trời xanh*”.

Tính nhân văn của Phật giáo không chỉ được vua Lê Thánh Tông kế thừa, thể hiện sâu sắc trong *Quốc triều hình luật* qua những điều luật khoan giảm hình phạt cho dân khi phạm tội, cứu đói cho dân khi thiên tai, mất mùa và khoan dung với cả kẻ thù của mình. Khi đánh bại Trà Toàn, Lê Thánh Tông nói: “*Trong đám giuom giáo, ta sợ người bị hại, nay may còn sống đến đây, ta thực yên lòng*” [5].

Luật pháp của vua Lê Thánh Tông cũng nhân đạo với người phạm tội. Vì như chiếu cổ về độ tuổi khi điều 16 quy định những người phạm tội mà 70 tuổi trở lên hay 15 tuổi trở xuống và những kẻ có phế tật (như: câm, què quặt, tay chân gãy...) nếu phạm phải tội lưu, đồ trở xuống thì được chuộc bằng tiền. Nếu 80 tuổi trở lên hay 10 tuổi trở xuống và hoặc là kẻ bị bệnh nặng (có ác tật như điên cuồng, bại liệt, mù hai mắt) mà phạm tội phản nghịch, giết người thì đáng lẽ phải xử tử nhưng trong trường hợp này được quy

định phải tâu lên để nhà vua quyết định. Khi đó, vua có thể xem xét để chiếu giảm án. Nếu họ phạm tội trộm, đánh người bị thương thì cho chuộc tội. Trường hợp người 90 tuổi trở lên hay 7 tuổi trở xuống thì dù phạm phải tội tử cũng có thể được tha miễn, không áp dụng hình phạt. Ở điều 17 có quy định một nội dung khá thú vị là đã đề cập đến thời điểm phạm tội của người vi phạm và luật xem đó là một trong những yếu tố để định án. Theo đó “*khi phạm tội chưa già, tàn tật. Khi già, tàn tật mới phát giác tội thì xử tội theo luật già, tàn tật... Khi còn nhỏ mà phạm tội, khi lớn mới phát giác tội thì xử tội theo luật tuổi nhỏ*”. Điều 665, quy định những người được xem xét giảm tội như 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, người bị phế tật thì không được tra khảo họ, chỉ cần căn cứ lời khai của nhân chứng mà định tội. Đối với người xét án nếu làm trái quy định này coi như là bất tuân pháp luật mà cố ý buộc tội cho người khác và có thể bị xử phạt. Ngoài ra, đối với người 80 tuổi trở lên

hay 10 tuổi trở xuống hay có bệnh nặng, họ có quyền không phải chịu trách nhiệm ra làm chứng cho người khác. Quan lại xét án không được yêu cầu bắt buộc đối với họ. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, pháp luật của vua Lê Thánh Tông nghiêm cấm các hành vi đối xử bạo ngược với tù nhân. Nếu người tù mà bị mắc bệnh, thậm chí quan lại không được tiến hành tra khảo. Ví dụ như điều 669, quy định: “...Nếu tù có bệnh ung nhọt, không chờ lành lại tra khảo thì người ra lệnh bị xử biếm. Nếu tù bệnh ấy mà đánh roi, trượng thì phạt 30 quan tiền, nhân đó tù chết thì bị biếm 2 tư...”. Theo điều 697, trường hợp phải nộp tiền ứng với tang vật bị tịch thu nhưng với hoàn cảnh của tội nhân nghèo khổ cùng cực không nộp nổi thì thuộc lại được phép trình bản ty, để nơi đây tâu lên vua quyết định.

Luật quy định, đối với những người gặp hoàn cảnh khó khăn, không có người để nương tựa, quan chức địa phương phải có trách nhiệm giúp đỡ họ. Điều 294 quy định: “Ở những phường hẻm hay trong kinh thành hoặc ở hương thôn, xã có người bệnh tật không ai nuôi nấng, nằm ở dọc đường xá, cầu, điểm, chùa, quán thì cho phép quan bản phường xã đó dựng lều cho họ ở, chăm sóc che chở, cấp cơm cháo, thuốc men cứu sống họ, không được bỏ mặc họ rên rỉ, khổ khổ. Không may kẻ ấy chết thì trình quan trên, liệu bề chôn cất, không được để hài cốt phơi bày ra đó. Nếu trái lệnh này thì quan phường xã bị biếm hay bị bãi chức...”. Một số đối tượng cũng cần được giúp đỡ, luật quy định rõ như: “Những người góa vợ, góa chồng cô độc và người tàn phế nặng, nghèo khổ không người thân nương tựa, không khả năng tự kiếm sống thì quan sở tại phải nuôi dưỡng họ, nếu bỏ rơi họ thì bị đánh 50 roi biếm một tư. Nếu họ được cấp cơm áo mà thuộc lại ăn bớt thì xử theo luật người giữ kho ăn trộm của công”.

Không chỉ có thế, vua Lê Thánh Tông còn kế thừa và kết hợp quan điểm thân dân của Nho giáo với tinh thần bình đẳng của Phật giáo. Từ đó, ông nhận thấy rõ vai trò của dân chúng đối với nước, đối với sự tồn vong cũng như phát triển của một vương triều. Lê Thánh Tông đã viết: “*Thương yêu dân chúng kính trời xanh*” [6]. Ngoài ra, vua đề cao tinh thần, bổn phận của mình. Vua phải cần mẫn, siêng năng, cần kiệm. Vua trong quan điểm của Lê Thánh Tông phải có trách nhiệm với dân, phải là người mang lại cuộc sống ấm no yên bình cho dân: “*Bỏ hẳn chơi bời giữ*



Trong suốt thời gian trị vì, Lê Thánh Tông đã thông qua một loạt các chính sách về bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người. Vua rất quan tâm đến đời sống dân chúng. Vua quan niệm rằng tất cả sự quan tâm đến dân là bổn phận của vua, bổn phận kẻ làm quan. Làm vua, làm quan phải thương yêu dân và phải biết thường xuyên “*đi thăm hỏi, điều tra nỗi khổ của dân sinh, giảm bớt thuế, miễn binh dịch cho dân*”, “*ngừng xây thành khi mất mùa*”.

nếp thanh” (đối với bản thân thì chạy lòng ít dục, bỏ hẳn việc ham chơi săn bắn). Đối với số quan lại rơi vào các tệ nạn xa hoa, hoang phí và biếng nhác, không làm tròn chức phận, vua lên án, phê phán và thậm chí trừng phạt nặng để thể hiện tinh thần vì dân, vì xã tắc. Một trong những yêu cầu mà vua đặt ra cho bá quan là luôn yêu cầu quan lại không được hà lạm, những nhiễu hoặc vô trách nhiệm, sơ sài, vô tâm để dẫn đến dân phải chịu cảnh đói khổ. Quốc triều hình luật khẳng định: “Các quan đang tại chức mà trễ nhác việc công thì bị phạt 70 trượng, biếm ba tư và bãi chức” [7].

Trong quá trình tố tụng, việc áp dụng pháp luật tương tự, xét xử theo lương tâm cũng đã được ghi nhận: *“Khi định tội mà không có điều luật như đáng giảm tội thì dù tội nặng cũng có thể cho là tội nhẹ (như cho phạm tội vì lầm lỡ, nếu đáng thêm tội thì dù tội nhẹ cũng có thể cho là tội nặng) như cổ ý”* (Điều 41, Quốc triều hình luật). Quy định cho thấy, pháp luật thời kỳ này đã chú trọng đến lương tâm bên cạnh kỹ năng xét xử của các quan án. Họ đã có những *“khoảng không”* hợp pháp để đảm bảo tính khách quan của vụ việc, bảo vệ công lý, công bằng. Đồng thời, khoảng không đó cũng chính là sự ràng buộc đối với bản thân mỗi thẩm phán, để họ không thể lạm dụng quyền lực, không tùy tiện giải quyết vụ việc trong khi pháp luật còn có khoảng trống chưa kịp bổ sung, hoàn thiện.

Tư tưởng về nhà nước và pháp luật của Lê Thánh Tông còn là sự tiếp thu có chọn lọc tư tưởng triết lý nhân sinh, thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc, như quan điểm đề cao tấm lòng từ, bi, hi xả, Phật tính của Phật giáo, được thể hiện trong các quan điểm và những điều luật nhân văn sâu sắc, không chỉ khoan giảm hình phạt cho dân khi phạm tội, cứu đói cho dân khi mất mùa, thiên tai mà còn khoan dung với cả kẻ thù. Như đã nói, những điều đó góp phần thêm vào các thuật ngữ, khái niệm chính trị thân dân của Việt Nam trong thời Lê sơ như: khoan hòa, nhân từ, phúc huệ.

Tư tưởng trị quốc an dân lấy công bằng-bình đẳng làm căn bản

Trong chính sách và tư tưởng trị quốc của mình, vua Lê Thánh Tông đặc biệt coi trọng tinh thần bình đẳng của các hạng người trong xã hội, kể cả quan lại và chúng dân.

Trong việc sử dụng đội ngũ quan lại, Lê Thánh Tông còn đặc biệt đề cao quan điểm trọng dụng những viên quan phù hợp với tài năng và đức độ của họ. Đó là quan điểm dùng người tài một cách bình đẳng dù khác tư tưởng. Có thể kể đến trường hợp của Trạng nguyên Lương Thế Vinh, người có tư tưởng chịu ảnh hưởng lớn từ Phật giáo, vẫn được Lê Thánh Tông bổ nhiệm vào những địa vị rất cao. Đó còn là thuật dùng người trước đã mắc lỗi, như trường hợp của Nguyễn Đình Mỹ. Ông từng giữ nhiều chức quan lớn, đi sứ sang Trung Hoa, song cũng có tiếng là tiểu nhân xu nịnh. Có lần nhà vua đã biếm ông từ trọng quyền Binh bộ thượng thư xuống giữ chức Tả thị lang cùng bộ. Sau đó, vua vẫn tạo cơ hội và trọng dụng ông, còn Đình Mỹ về sau cũng biết hối cải, sửa các lỗi lầm của mình và chuyên cần gắng sức trong công việc.

Vua thường bảo: *“Triều thần phải công bằng mà lựa chọn hoặc sa thải hình quan và quan thừa hiến phủ huyện các xứ để đều được người giỏi, xét xử đúng lẽ”*. Ngay đối với mình, vua cũng đòi hỏi và thực tập sự tự răn mình có tính quán chiếu. Lê Thánh Tông thường khuyến dụ trong triều rằng các quan cần mạnh dạn trước vua trình bày ý kiến, quan điểm của mình, thậm chí vua còn cho phép quan lại nói lên những thiếu sót của vua. Vua từng khen Chương sử Hình bộ Lê Cảnh Huy: *“Người nhiều lần giữ chức then máy của triều đình, công tích đáng ghi, đã hết lòng can ngăn nói thẳng, chỉ ra lỗi lầm của trẫm”*. Vua cũng từng sắc dụ cho Hình bộ tả thị lang Nguyễn Mậu: *“Ta có lỗi lầm gì hãy thẳng thắn chỉ ra, hãy cứng cỏi như Đổng Tuyền chớ như Tô Uy quen thói giấu giếm”* (Hoàng Văn Lâu (dịch 1998), tr.402); *“Cấm bản tâu không được nói mập mờ”* [8].

2.2. Sự kết hợp tư tưởng trên nền tảng tam giáo đồng nguyên

Thuộc kiến trúc thượng tầng trong hình thái ý thức xã hội, tư tưởng của Lê Thánh Tông ra đời, phát triển trên cơ sở những đặc điểm và yêu cầu khách quan của điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị-xã hội và văn hóa Đại Việt thế kỷ XIV-XV. Sau đó, nó còn là sự kế thừa và phát triển những tiền đề lý luận đương thời như: giá trị của những quan điểm, tư tưởng và văn hóa truyền thống Việt Nam mà tiêu biểu nhất là tinh thần yêu nước, là ý chí độc lập dân tộc cũng như ý thức cố kết cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất. Bên cạnh đó, sự tiếp thu sáng tạo các tư tưởng tiến bộ

của Nho giáo, Phật giáo, Pháp gia đã tạo nên một thể thống nhất trong tư tưởng Lê Thánh Tông. Điều này cũng là đặc điểm độc đáo của văn hóa Việt Nam với tinh thần hòa hợp tư tưởng, tam giáo đồng nguyên.

Các triều Lý - Trần để xây dựng và ổn định đất nước, bảo vệ vương triều ít nhiều đã tiếp biến các yếu tố Nho - Phật - Đạo trên nền tảng tinh thần dân tộc yêu nước thương dân để đề ra đường lối cai trị dựa trên tình thương đạo đức kết hợp với hình pháp nhưng ảnh hưởng của Phật giáo còn rất rõ nét đậm đà. Sang thời Lê sơ, bằng cách gia tăng vai trò vua và triều đình, đề cao vai trò học thuyết Nho giáo, kết hợp giữa “*đức trị*” với “*pháp trị*”, sự kết hợp hài hòa này theo vua Lê Thánh Tông là giúp dân chúng “*hình thành thói quen giữ đạo lý, theo pháp luật mà dứt bỏ tội lỗi khinh nhân nghĩa, phạm ngục hình*” [9]. Trong đó, có thể nói, “*đức trị*” trong tư tưởng Lê Thánh Tông không chỉ có riêng các yếu tố tư tưởng Nho gia mà còn mang những dấu ấn từ trong tinh thần từ bi, bình đẳng của Phật giáo.

3. Ý NGHĨA VÀ NHỮNG BÀI HỌC THỰC TIỄN

Trên cơ sở của yêu cầu xây dựng một thể chế trung ương tập quyền để cai trị đất nước, vua Lê Thánh Tông đã lấy Nho giáo làm trụ cột tư tưởng. Nhưng có thể thấy, không phải vì thế mà trong tư tưởng vua Lê Thánh Tông thiếu vắng những giá trị của tinh thần nhân đạo, thân dân, từ bi, bình đẳng. Những giá trị này, trong một mức độ nào đó đã tham gia vào tư tưởng của vua Lê Thánh Tông để tạo nên hệ giá trị độc đáo. Từ đó, khi tìm hiểu về đường lối trị nước an dân của vua, ta thấy bên cạnh những chính sách cương quyết, sáng suốt còn là tinh thần coi trọng sự bình đẳng trong xã hội, luôn chiếu cố đến các đối tượng “*thấp cổ bé họng*” để có thể tạo nên một xã hội thịnh vượng, ấm no, yên bình đối với tất cả người dân lúc bấy giờ. Trong quyền lực tuyệt đối của mình, vua Lê Thánh Tông đã góp phần “*chấn hưng*” Phật giáo Việt Nam trong sự phát triển của chánh đạo, chánh niệm.

Một đặc điểm nổi bật trong tư tưởng của Lê Thánh Tông là đã thể hiện tính kế thừa những tinh hoa trong tư tưởng văn hóa đương thời. Trên cơ sở đó, Lê Thánh Tông bằng sự độc lập và sáng tạo của mình đã tiếp thu có chọn lọc và tiếp nhận những yếu tố tích cực, tiến bộ quan điểm của thể hệ trước đặt được để tạo nên thành tựu lớn trong sự nghiệp

trị vì. Lê Thánh Tông đã viết: “*Muốn hiểu biết thêm điều mới thì cần phải siêng năng lượm lặt, trao đổi nghiên ngẫm trí thức xưa, Tri tân bồi dưỡng cần thu thập, ôn cố thương lương trọng trách ma*” [10].

Tinh thần học tập, kết hợp các giá trị nền tảng của những học thuyết nhân sinh, đạo đức tốt đẹp như Nho giáo, Phật giáo đã để lại cho hậu thế những bài học lớn lao cần phải học tập. Phật giáo, với tư cách là một tôn giáo có tính cộng đồng cao, có nền tảng nhân sinh quan rộng mở và những giá trị của lòng từ bi luôn là sự bổ sung cần thiết trong các chính sách trị nước, an dân của mỗi thời kỳ.

Chú thích:

- Tiến sĩ Võ Thị Xuân Hương, Khoa Lịch sử-Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM.
- [1] Mai Xuân Hải (2003), *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông (Tổng tập)*, Nxb. Văn học, tr.145.
- [2] Nguyễn Tài Thư (chủ biên, 2022), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm, tr.244.
- [3] Nguyễn Tài Thư (chủ biên, 2022), *Sđđ*, tr.252.
- [4] Đại Việt sử ký toàn thư, Hoàng Văn Lâu dịch theo Bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, t.2, tr.414.
- [5] Đại Việt sử ký toàn thư, Hoàng Văn Lâu dịch theo Bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, t.2, tr.450.
- [6] Mai Xuân Hải (2003), *Sđđ*, tr.300.
- [7] Nguyễn Ngọc Nhuận (2011), *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, tr.95.
- [8] Các đoạn trích lấy từ Đại Việt sử ký toàn thư, tập 2, Bản khắc in năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Hoàng Văn Lâu (dịch 1998), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.480-481.
- [9] Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, t. 2, tr.454.
- [10] Mai Xuân Hải (2003), *Sđđ*, tr.217.

Tài liệu tham khảo:

- [1] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Hoàng Văn Lâu dịch theo Bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tập 2.
- [2] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 1991), *Hoàng đế Lê Thánh Tông-nhà chính trị tài năng, nhà văn hóa lỗi lạc, nhà thơ lớn*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [3] Mai Xuân Hải (2003), *Thơ chữ Hán Lê Thánh Tông (Tổng tập)*, Nxb. Văn học.
- [4] Phan Quốc Khánh (2003), *Tìm hiểu tư tưởng trị nước của vua Lê Thánh Tông*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 61.
- [5] Nguyễn Ngọc Nhuận (2011), *Điện chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại (tập 1)*, Nxb. Khoa học xã hội.
- [6] *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức). (2002). Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- [7] Nguyễn Tài Thư (chủ biên, 2022), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Đại học Sư phạm.

CHUÔNG CHÙA VỌNG NGÂN



Nhật Quang

Chuông ngân giữa cõi ta bà
Chiều buông lắng tiếng Di Đà huyền linh
Khoan thai nhịp mõ cầu kinh
Phật soi độ lượng chúng sinh u trầm

Lạc hoan thanh thần thân tâm
Lời kinh Bát nhã lòng thâm kính yêu
Đài sen ngồi ánh huyền siêu
Chắp tay khấn nguyện muôn điều an yên

Chuông ngân vang vọng cửa thiền
Ngạt ngào hương tỏa thấm miền chân như
Tâm lòng nhẹ dịu ưu tư
Sân si buông bỏ phù du hồng trần

Chuông chùa thánh thót vọng ngân
Hương kinh màu nhiệm vang ngân thiết tha
Tâm thành trí ngẫm Pháp Hoa
Ôn người Tịnh độ chan hòa chúng nhân.

ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO qua ngũ giới



SC. Thích Nữ Huệ Nhật*

DẪN NHẬP

Đứng trước biến động khó khăn của cuộc đời, Phật giáo với tinh thần từ bi và trí tuệ, lấy tôn chỉ *Phật pháp bất ly thế gian pháp* đã luôn đồng hành cùng những thăng trầm của cuộc sống con người. Điều đó thể hiện qua việc Phật giáo truyền tải nguồn năng lượng yêu thương, giáo hóa chúng sanh bằng con đường đạo đức trí tuệ, tự tìm lại chân tâm Phật tánh nơi mỗi người. Và dù ở thời đại nào, Phật giáo vẫn luôn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng nền tảng đạo đức con người thông qua ngũ giới căn bản nhằm giúp hàng Phật tử thọ trì.

KHÁI NIỆM ĐẠO ĐỨC

Đạo đức có thể hiểu theo nhiều nghĩa. Thuật ngữ đạo đức (moral) được đề xuất trong triết học khoảng thế kỷ IV TCN và gắn liền với tên tuổi Aristotle, là thời kỳ người ta quan niệm đạo đức là những chuẩn mực chung chung nhằm điều chỉnh hành vi con người, để tạo nên mối quan hệ hài hòa giữa con người với nhau, giữa con người với xã hội.

Theo từ điển Bách khoa: “Đạo đức học hay triết học đạo đức là một nhánh của triết học liên quan đến việc hệ thống hóa, bảo vệ và khuyến nghị các khái niệm về hành vi đúng và sai. Lĩnh vực đạo đức học cùng với mỹ học, liên quan đến các vấn đề giá trị và do đó bao gồm nhánh triết học được gọi là tiên đề học” [1]. Đạo đức học tìm cách giải quyết các câu hỏi về đạo đức con người bằng cách định nghĩa những khái niệm, như: thiện và ác, đúng và sai, đức hạnh và tệ nạn, công lý và tội phạm. Là một lĩnh vực nghiên cứu trí tuệ, triết học đạo đức cũng liên quan đến các lĩnh vực tâm lý học đạo đức, đạo đức học mô tả và lý thuyết giá trị.



Đạo đức học Phật giáo có khả năng đóng góp, tạo dựng đời sống tốt đẹp cho xã hội và đáp ứng nguyện vọng con người. Xây dựng một xã hội nhân bản, con người được tôn trọng, bình đẳng và hưởng những quyền lợi căn bản. Giữ năm giới sẽ tạo nên một xã hội văn minh, biết coi trọng, phát huy mọi giá trị văn hóa của dân tộc và thế giới, bảo vệ môi trường sống. Các tệ nạn như: giết người, trộm cắp, tham nhũng, buôn lậu... được giảm bớt và đoạn trừ.

Theo từ điển Tiếng Việt, đạo đức là: *“Những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận, xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội”* [2]. Và từ điển Bách khoa Phật giáo nêu lên định nghĩa: *“Đạo đức được hiểu một cách tổng quát như là sự thẩm định giá trị về phẩm hạnh, cách cư xử, khuynh hướng, những mục tiêu, ý định, lối sống con người và những tổ chức xã hội”* [3].

Qua những định nghĩa tiêu biểu trên, có thể thấy, đạo đức là tập hợp những tiêu chuẩn được số đông thừa nhận, những quy tắc điều chỉnh hành vi ứng xử giữa người với người, với tự nhiên và được áp dụng chung cho cộng đồng, nhằm thiết lập một xã hội ổn định theo hướng tốt đẹp, lành mạnh. Ngoài ra, đạo đức thường được hiểu là những gì cao quý tạo nên văn hóa cộng đồng và xã hội.

BẢN CHẤT CỦA ĐẠO ĐỨC

Đạo đức tôn giáo lấy việc xa lìa ngã chấp, ngã dục làm điều kiện trọng yếu. Đạo đức gồm đức hạnh và phẩm chất (hạnh kiểm) được sử dụng theo hai nghĩa khác nhau. Đức hạnh là phẩm chất của cá nhân, là phẩm chất bẩm sinh về trí tuệ và tính cách hay thiên hướng muốn làm những việc đúng đắn trong một định lý. Hạnh kiểm cũng là một thói quen tương ứng với phẩm chất hay thiên hướng. Đạo đức có ba loại phẩm chất là phẩm chất chính trực, phẩm chất do hoàn cảnh và phẩm chất rộng lượng hay đầu giá. Trong ba loại này, đức hạnh của phẩm chất chính trực là quan trọng nhất trong đời sống đạo đức. Đức hạnh về phẩm chất do hoàn cảnh là phụ thuộc vào loại vừa nêu và loại

này chỉ có giá trị khi đồng hành với phẩm chất chính trực.

Đạo đức còn có sáu nguyên lý: Thứ nhất là khoa học đạo đức khách quan (diễn tả những tiêu chuẩn đạo đức trong những đất nước khác nhau. Thứ hai là khoa học chuẩn hóa về hạnh kiểm (những tiêu chuẩn đạo đức có giá trị). Thứ ba là triết lý đạo đức (kiểm định giá trị của những tiêu chuẩn đạo đức bằng cách xác quyết vị trí của chúng trong toàn bộ cuộc sống con người). Thứ tư là ứng dụng những tiêu chuẩn có giá trị trong những trường hợp cụ thể đặc biệt. Thứ năm là những nguyên tắc có sự cải tiến hạnh kiểm như mục tiêu đã được xác định của nó. Thứ sáu là nghệ thuật sống. Các nguyên lý này được xem là tiêu chuẩn cho nét đẹp cuộc đời, người có đạo đức là người đáng được quý trọng, xây dựng nên xã hội tốt đẹp, gương mẫu cho nhân loại.

Đạo đức là một vấn đề vô cùng phức tạp, đã được nhiều triết gia cũng như các nhà tư tưởng lớn trên thế giới bàn luận nhiều và đưa ra nhiều quan điểm khác nhau theo từng thời đại. Chẳng hạn, theo quan điểm phương Tây, điển hình như triết gia Socrate thời Hy Lạp cổ đại cho rằng đạo đức thực tiễn không căn cứ vào giáo lý hệ thống mơ hồ hay lệ thuộc thần học mà có thể tạo dựng một nền đạo đức phù hợp cho những người có tôn giáo hay không tôn giáo, con người có thể nắm bắt tinh hoa cuộc sống cũng như ý nghĩa sự sống. Vì bản chất con người là thiện, nếu biết làm thiện sẽ là điều có lợi và đem lại sự dễ chịu, thoải mái và ông cũng đưa ra những điều kiện của hạnh phúc.

Triết gia Platon lại cho rằng nghệ thuật sống, ý nghĩa sống và đạo đức con người không ở đâu xa mà ở trong sự thể hiện hòa điệu của một cá nhân. Khi hỏi về luân lý đạo đức, về sự công bằng, *“ông còn nhấn mạnh lẽ công bằng là một sự quan hệ giữa cá nhân tùy thuộc vào tổ chức xã hội và do đó cần phải được nghiên cứu song song với cơ cấu xã hội chứ không thể nghiên cứu như một thái độ cá nhân”* [4]. Còn Aristote đưa ra nhận định đạo đức tùy thuộc vào sự suy luận chính xác, sự kiểm soát tinh thần, sự quân bình của lòng ham muốn và con đường đi đến mục đích đó là ý niệm trung dung. Theo Karl Marx, đạo đức chính là lực lượng bản chất của con người trong sự phát triển của nó theo hướng ngày càng đạt tới giá trị đích thực của cái thiện.

Ở Ấn Độ cổ đại, giới triết gia Bà-la-môn lấy Dharma làm chuẩn mực đạo đức. Họ xem bốn phận hành đạo của mỗi người trong đẳng cấp của mình (Dharma) là tư cách đạo đức của con người trong cuộc sống, chấp nhận bốn phận của mình trong đẳng cấp. Và Ấn Độ xem đạo đức chính là sự thể nhập hiện hữu, hòa điệu giữa người với thần linh, tự thân với vũ trụ [5].

Ở Trung Hoa cũng có các bậc hiền triết cho tư tưởng đạo đức như: Lão Tử, Khổng Tử,... Trong *Đạo Đức Kinh* có nói, muốn hạnh phúc lâu dài, mọi người phải sống theo tiêu chuẩn đạo đức: *“Tri túc bất nhục, tri chí bất đãi, trường cửu”*; nghĩa là biết đủ thì không bị nhục, biết dừng thì không bị hại, như vậy mới tồn tại. Và trong phong cách làm việc thì *“vô vi nhi bất vi”* làm tất cả mọi công việc nhưng không



Đạo đức Phật giáo là những phẩm hạnh rất cụ thể, không xa rời truyền thống dân tộc và luôn thích nghi trong mọi thời đại, mọi điều kiện.

chấp vào việc làm của mình. Theo Lão Tử, sống phải làm việc nhưng không tham, không tự đắc, không tự phụ và không kể công thì đó là con người đạo đức.

Giá trị đạo đức của triết học Khổng giáo là sự biểu hiện tình người trên cương lĩnh *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*; đó là đạo làm người trong thiên hạ. Còn ba đặc tính trí, nhân, dũng là đức của con người trong thiên hạ. “*Chính danh*” là nguyên lý cơ bản để thiết lập trật tự luân lý đạo đức trong xã hội, nghĩa là vua tôi, cha con, ... phải làm trọn đạo của mình. Những ai toàn vẹn đầy đủ những điều nêu trên là người có đạo đức.

Qua những khái niệm, quan điểm về đạo đức kể trên, chúng ta nhận thấy giữa Tây phương và Đông phương có một nền đạo đức tương giao và điểm gặp gỡ cơ bản về đạo đức. Ngoài ra, còn một nền đạo đức có sự gặp gỡ những yếu tố trên và vượt lên những yếu tố đó nữa là đạo đức học Phật giáo.

ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO

Đạo đức Phật giáo là những phẩm hạnh rất cụ thể, không xa rời truyền thống dân tộc và luôn thích nghi trong mọi thời đại, mọi điều kiện. Phật giáo quan niệm trí tuệ được giới hạnh (đạo đức) làm cho thanh tịnh. Giới hạnh được trí

tuệ làm cho thanh tịnh. Ở đâu có giới, ở đó có trí tuệ, ở đâu có trí tuệ, ở đó có giới! Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh [6]. Theo Hòa thượng Thích Minh Châu: “*Đạo đức Phật giáo là một nếp sống đem lại hạnh phúc và an lạc cho mọi loài chúng sanh, đặc biệt là loài người chúng ta (...). Và nếp sống ấy phải được đem ra hành trì, thực hiện, không phải để lễ bái cầu xin. Có thực hiện, người hành trì mới hưởng được hạnh phúc, an lạc, thiết thực hiện tại và ngay trong đời này*” [7].

Đạo đức học Phật giáo là một hệ thống đạo đức lấy tinh thần Vô ngã làm nền tảng, thể hiện nếp sống bình đẳng và chánh hạnh, trong đó con người biết tự chủ kiềm chế chính mình và khước từ những dục vọng thế gian. Nhắc đến đạo đức Phật giáo là nói đến tính nhân bản nghĩa là tất cả vì con người, vì hạnh phúc con người. Đạo đức đồng nghĩa với hạnh phúc, hạnh phúc đồng nghĩa với giải thoát. Đạo đức Phật giáo là đạo đức nhân bản, là đạo đức con người, nền tảng đưa đến giải thoát [8]. Vì vậy, đạo đức Phật giáo vượt lên trên các hệ tư tưởng khác, không những xây dựng một con người đức hạnh trong xã hội mà còn nâng con người lên vị trí thánh hiền. Những yếu tố căn bản và đặc điểm của đạo đức học Phật giáo là đạo đức Phật giáo dựa trên tinh thần tự lực, tự cường, ý thức tự nguyện, tự giác, không phải cầu xin hay cầu nguyện mà có được. Đó là nền đạo đức dựa trên hành động thiết thực, không phải trên lý thuyết, dựa trên thân khẩu ý thanh tịnh, dựa trên nguyên lý Duyên sinh, Vô ngã. Ngoài ra, đây còn là nền đạo đức tích cực, không

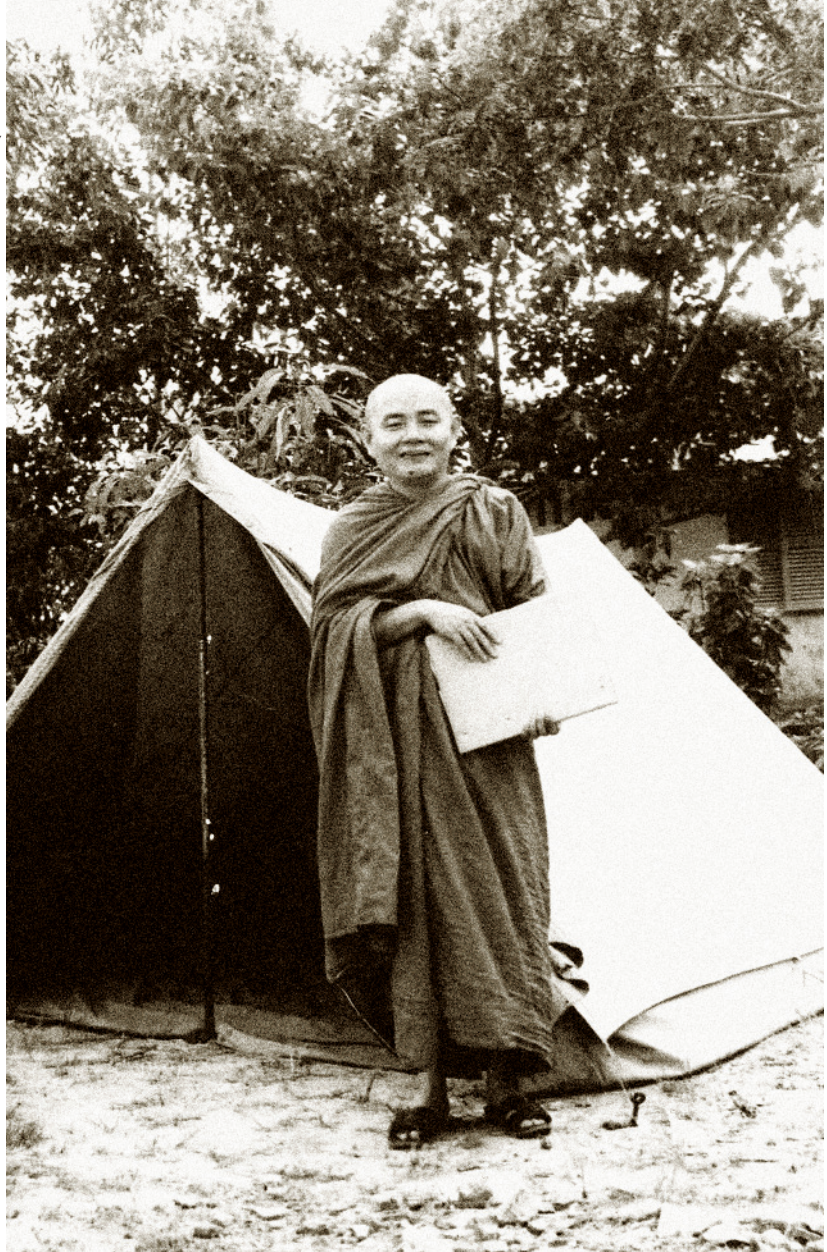
phụ thuộc thần thánh, hướng nội và bình đẳng, giải thoát, nhập thế. Qua những đặc điểm này, chúng ta có thể nhận định đạo đức đồng nghĩa với hạnh phúc và hạnh phúc đồng nghĩa với giải thoát. Đạo đức Phật giáo vượt lên trên các hệ tư tưởng, không những xây dựng nên một con người đức hạnh trong xã hội mà còn là nấc thang đưa hành giả tu tập tiến gần đến cánh cửa Niết Bàn an vui.

NGŨ GIỚI - NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI XUẤT GIA VÀ TẠI GIA

Khái niệm Ngũ giới

Sila là chữ Pàli, được phiên âm là Thi-la, dịch nghĩa là Giới. Như vậy, Giới là những điều răn cấm do Đức Phật chế định cho hàng đệ tử xuất gia và tại gia dùng để ngăn ngừa tội lỗi của tam nghiệp. Do vậy, Giới được định nghĩa là phòng phi chỉ ác, biệt biệt giải thoát, xúr xúr giải thoát, tùy thuận giải thoát, thanh lương, chế ngự [9]. Giới là những điều răn cấm, không nên phạm [10]. Giới bao gồm giới tự nhiên và giới xã hội. Giới tự nhiên nghĩa là các quy luật tự nhiên trong đời sống người xuất gia như làm thiện, lánh ác, giữ gìn thân khẩu ý, ... mà không bó buộc. Giới xã hội là giới luật mang tính tập thể, mang tính xã hội.

Ngũ giới là năm điều răn cấm của Đức Phật chế ra dành cho hàng xuất gia và tại gia. Ngũ giới gồm: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Theo S. Tachibana phát biểu: “Năm giới này được gọi là kho báu của đạo hạnh. Thực hành trọn vẹn năm giới này được gọi là hoàn thiện về đạo đức” [11]. Ngũ giới là nền tảng cơ bản, là chuẩn mực đạo



Theo Hòa thượng Thích Minh Châu: “Đạo đức Phật giáo là một nếp sống đem lại hạnh phúc và an lạc cho mọi loài chúng sanh, đặc biệt là loài người chúng ta (...). Và nếp sống ấy phải được đem ra hành trì, thực hiện, không phải để lễ bái cầu xin. Có thực hiện, người hành trì mới hưởng được hạnh phúc, an lạc, thiết thực hiện tại và ngay trong đời này”. (Ảnh: suu tâm)

đức cho một con người có nhân cách và nhân phẩm toàn diện. Trong Phật giáo, một đời sống đạo đức là một đời sống hạnh phúc, Đức Phật luôn dạy các đệ tử phải tôn trọng và giữ gìn giới luật để đảm bảo một đời sống an lạc cho chính mình.

Đầu tiên là giới không sát sanh: Không tự giết, không bảo người giết và không vui vẻ khi thấy người giết. Phạm là loài có tánh mạng không nên cố giết nhằm

nêu cao đức hiếu sinh. Ngoài ra, không sát sanh đồng nghĩa với việc bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Thay vào đó, luôn nuôi dưỡng lòng từ bi, con người sẽ không còn lòng thù hận, không còn chiến tranh. Từ đó, con người đến với nhau bằng lòng yêu thương và tôn trọng lẫn nhau: “Này các Tỷ kheo! Nếu có người ý thích sát sanh liền dọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh trong loài Người thọ mạng rất ngắn. Vì sao thế? Vì đoạn dứt

mạng kẻ khác vậy. Thế nên, hãy học chớ sát sanh. Như thế, các Tỷ kheo, hãy học điều này!” [12].

Giới thứ hai là không trộm cắp: Của người không cho thì không được lấy để tạo sự công bằng cho xã hội. Tôn trọng tài sản người khác, sống theo lương tâm và lẽ phải. Một khi lòng tham con người nổi lên, chỉ muốn lấy công sức và đồ vật người khác làm ra để hưởng thụ mà quên đi những nỗi lo và đau khổ của kẻ bị mất tài sản. Đây cũng gọi là hành động trái pháp luật, không có nhân đạo. Bên cạnh hành vi trộm cắp, những hành vi tham nhũng, trốn thuế, buôn lậu, mua bán chiếm đoạt và kiếm lời một cách bất chính... thậm chí khai thác tài nguyên bừa bãi cũng xem là trộm cắp.

Giới thứ ba là tà dâm: Giới này được Phật chế nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình của chính chúng ta và tôn trọng hạnh phúc kẻ khác. Bởi lẽ, sự thiếu chung thủy là nguyên nhân căn bản nhất dẫn đến ngoại tình, quan hệ bừa bãi và đưa đến đổ vỡ gia đình. Đây cũng chính là lý do pháp luật về luật hôn nhân gia đình của Nhà nước chỉ cho phép mỗi quan hệ một vợ một chồng và cổ vũ yêu thương chung thủy với nhau. Đối với người tại gia thì không được tà dâm nhưng với người xuất gia thì tuyệt đối không được dâm dục, vì nó là nguyên nhân của đau khổ sinh tử, người xuất gia phải đoạn trừ hẳn.

Giới thứ tư là không nói dối: Chúng ta phải tôn trọng sự thật và giữ lòng thành tín với mọi người, gồm cả việc không được nói lời thù hận, nói lưỡi đôi chiều hay nói lời hung ác. Lời nói dối luôn đi với tâm niệm ác, đánh

lừa người khác, nguy hiểm hầu thu lợi về cho bản thân và gây đau khổ cho kẻ khác. Như trong *Kinh Giáo giới La-hầu-la ở rừng Ambala*, Đức Phật đã dạy La-hầu-la hiểu nói dối rất nguy hại vì khi ý thức không biết xấu hổ, các việc ác đều làm ví như con voi xông trận không biết bảo vệ cái vòi của mình thì chắc chắn nó không sợ gì nữa [13]. Vì vậy chúng ta phải luôn nói lời chân thật, mỗi lời nói thốt ra đều đem đến lợi ích và an vui cho mọi người.

Cuối cùng là giới không uống rượu (các chất kích thích gây nghiện): Rượu cũng là một trong số nguyên nhân sanh ra các tội lỗi nguy hại, tâm trí mê mờ và là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội, đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Không uống rượu sẽ giữ được sức khỏe tốt và tâm trí sáng suốt. Không chỉ rượu mà còn không được tiêu thụ các sản phẩm ma túy, phim ảnh, sách báo đồi trụy vì chúng là những độc tố nguy hại [14].

Năm giới chính là năm nền tảng đạo đức cơ bản mà Đức Phật đã đặt ra cho các hàng tạo gia lần xuất gia thực hành, nhằm đem lại hạnh phúc tự thân và an vui cho kẻ khác, ngay đời hiện tại lẫn tương lai. “*Khi một người giữ gìn năm giới này được thanh tịnh thì tâm người ấy được an ổn, tự tại vì biết rằng mình đang trú trong đạo đức, nghĩa là đang ở xa vực thẳm phi đạo đức. Từ sự an ổn đó người ta sẽ cảm nhận được hạnh phúc và an lạc ngay trong hiện tại chính trong cuộc sống của mình ngay tại đây*” [15]. Giá trị này đã cân bằng tâm sinh lý con người hài hòa với cuộc sống thời đại mà không mất đi chất truyền thống. Đây cũng chính là thước đo hệ quả tinh thần, là phương thuốc

hữu hiệu và điều kiện thiết yếu làm nên một con người đúng nghĩa.

Nền tảng đạo đức của con người và xã hội

Có thể thấy, tầm quan trọng của việc thực hành năm điều răn dạy cơ bản của đạo đức làm người là chuẩn mực mang lại giá trị thiết thực cho toàn nhân loại, được các nhà triết học, xã hội học trên thế giới công nhận và biểu dương. Nếu thế giới, quốc gia hay xã hội nào cũng thực hiện nghiêm túc năm giới này thì “*không ai chối cãi rằng cõi đời sẽ là một đất sống nhiều hạnh phúc và an lạc hơn*” [16].

Thực tế năm giới này được Đức Phật chế ra nhằm ngăn chặn những tật xấu. Chỉ khi nào, chúng ta biết quý trọng sinh mạng mình thì cũng phải tôn trọng sinh mạng người, bản thân chúng ta được an ổn mà sinh mệnh các loài được bảo toàn, các giống động vật quý hiếm cũng tránh khỏi thảm họa diệt vong. Chúng ta yêu quý tài sản mình thì phải tôn trọng tài sản người khác, muốn gia đình hạnh phúc thì phải tôn trọng hạnh phúc gia đình người khác. Không muốn ai lừa đảo chiếm đoạt của mình thì mình phải là người luôn tôn trọng sự thật. Muốn được thông minh và sáng suốt thì không gì hơn là từ bỏ việc uống rượu cũng như các chất kích thích vì chúng là những sản phẩm có độc tố nguy hại. Đó chính là lẽ sống của nhân loại mà không ai có thể chối bỏ được.

Người làm cha làm mẹ khi giữ được năm điều răn cấm này sẽ là gương sáng cho con cái noi theo. Sự giáo dục con cái có được kết quả tốt là do tư cách, hành động

của cha mẹ. Cha mẹ vì hy sinh cho con cái nên phải hạn chế những vui thích riêng tư có ảnh hưởng không tốt cho hạnh phúc gia đình. Từ đó, con cái thương yêu, hiếu thuận và hết lòng phụng dưỡng cha mẹ khi già yếu. Vì thế khi muốn dạy con trẻ, chính người lớn phải là tấm gương đạo đức tạo nên truyền thống tốt đẹp cần duy trì, phát triển và kế thừa.

Trường học cũng là một yếu tố quan trọng góp phần vào công cuộc đào tạo đạo đức cho học sinh viên. Chẳng những truyền trao những kiến thức nền tảng về cách “đối nhân xử thế” và thực hành ngay trong thực tế thông qua các buổi văn nghệ, diễn tập... Cho nên, trường học cũng là nền tảng cốt tủy, từ đó đào tạo nên những thế hệ sau trở thành người đạo đức trong xã hội, giúp ích cho bản thân và cộng đồng.

Tinh thần giữ gìn ngũ giới là bước đầu trong đạo đức học Phật giáo. Người có đạo đức, sống giữ giới thì mọi người đều yêu thương, tôn trọng và kính nể. Không chỉ có uy tín trong cộng đồng, tiếng tốt đồn xa, người sống có giới đức luôn thanh thản, tự tin với chính mình và mọi người. Con người biết tôn trọng giới luật là biết tôn trọng luật pháp Nhà nước, điều kiện tiên quyết của một con người trong xã hội.

Sự quan trọng của giới đối với người xuất gia và tại gia

Năm giới là căn bản đạo đức, là bậc thang đầu tiên bước vào Thánh đạo, đoạn trừ các tâm bất thiện và giúp các pháp lành tăng trưởng. Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, nếu hành giả nào nghiêm trì giới luật nghiêm mật sẽ

đạt được nhiều lợi ích không thể nghĩ bàn, có được cuộc sống an lạc và thanh tịnh, tiến đến lộ trình giải thoát. “*Tỳ kheo các ông! Sau khi ta nhập diệt, phải tôn trọng quý kính Ba la đề mộc xoa (giới luật), như đêm tối gặp ánh sáng, như người nghèo gặp của báu. Phải biết pháp này là Thầy của các ông, dù ta có trụ ở đời cũng không khác pháp này vậy*” [17]. Đây chính những lời dạy của Đức Thế Tôn trước khi nhập diệt, xem giới luật như vị thầy hướng dẫn tu tập và tìm ra con đường đến bến bờ giác ngộ, chỉ cho chúng ta con đường nào nên đi và con đường nào phải tránh xa vì chúng chỉ đưa đến tội lỗi, tổn hại rừng công đức. Là người đệ tử Phật phải thành tâm giữ gìn năm giới, đó chính là sự củng cố đạo đức cao quý vì giới luật giúp chúng ta trở thành người có đức hạnh và gương mẫu [18].

Muốn xây dựng con người và xã hội đạo đức qua việc thọ trì năm giới thì trước tiên phải có những bậc mô phạm, sống đúng pháp và hành trì giới luật tinh nghiêm theo lời Đức Phật dạy. Hình ảnh bậc tu sĩ có đạo hạnh chính là bài pháp sống cho hàng tại gia noi theo và thực hành theo những giới đã lãnh thọ, vì đây chính là đời sống phạm hạnh. Hạnh phúc của người xuất gia là loại hạnh phúc chân thật, thanh tịnh không còn những ô nhiễm của thế gian, giác ngộ và giải thoát. Muốn được như vậy, hành giả phải tu Giới, Định, Tuệ vì đó là con đường đưa đến vô sinh, làm lợi ích cho mình và người.

Người tại gia thọ tam quy và tiếp theo là năm giới vì đây chính là giềng mối đưa đến hạnh phúc gia đình, trật tự và hòa bình cho cộng

đồng xã hội [19]. Họ sẽ không hề phân vân, hồ thẹn và sợ hãi khi gặp gỡ bà con, bạn bè hay đi vào những chốn đông người. Quan trọng hơn khi lâm chung sẽ ra đi trong tỉnh giác, không mê loạn, không hối hận ăn năn những việc ác đã tạo ra trong đời nên dễ tái sinh vào cõi lành. Người tại gia khi đã thọ trì giới điều này phải cố gắng hành trì: “*Kết quả của năm giới là công năng của một cuộc sống đúng giới luật của hàng cư sĩ, đệ tử tại gia của Đức Phật*” [20]. Công đức của việc trì giới rất lớn, nâng cao phẩm giá con người và tiến đến con đường cao thượng.

ỨNG DỤNG ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO QUA NGŨ GIỚI ***Xây dựng đời sống đạo đức cho con người và xã hội***

Đạo đức học Phật giáo có khả năng đóng góp, tạo dựng đời sống tốt đẹp cho xã hội và đáp ứng nguyện vọng con người. Xây dựng một xã hội nhân bản, con người được tôn trọng, bình đẳng và hưởng những quyền lợi căn bản. Giữ năm giới sẽ tạo nên một xã hội văn minh, biết coi trọng, phát huy mọi giá trị văn hóa của dân tộc và thế giới, bảo vệ môi trường sống. Các tệ nạn như: giết người, trộm cắp, tham nhũng, buôn lậu... được giảm bớt và đoạn trừ.

Nhờ thực hành giữ năm điều răn dạy của Đức Phật, chúng ta sẽ không còn lo lắng và bất an về việc bảo toàn sinh mệnh, về chiến tranh hay lo sợ mất tài sản, gia đình ấm êm bởi không còn những việc đi ngược đạo đức. Nguồn gốc sâu xa của những tệ nạn xã hội xảy ra khắp nơi là do chính con người đã đánh mất đi tam quý, không còn hồ thẹn với những hành vi sai trái của chính



Sila là chữ Pàli, được phiên âm là Thi-la, dịch nghĩa là Giới. Như vậy, Giới là những điều răn cấm do Đức Phật chế định cho hàng đệ tử xuất gia và tại gia dùng để ngăn ngừa tội lỗi của tam nghiệp.

mình [21]. Học giả người Đức Max Miller đã viết: “Đức Phật là hiện thân của tất cả các đức hạnh mà Ngài thuyết giảng. Trong thành quả của suốt 45 năm dài hoằng pháp, Ngài đã chuyển tất cả những lời nói của Ngài thành hành động; không nơi nào Ngài buông thả cái yếu đuối của con người hay dục vọng thấp hèn. Luân lý, đạo đức căn bản của Đức Phật là toàn hảo nhất mà thế giới chưa bao giờ biết đến” [22].

Dù là Phật tử hay không phải Phật tử, chúng ta vẫn có thể thực hành theo năm giới hay cũng chính là năm tiêu chuẩn luân lý đạo đức để có được cuộc sống tốt đẹp hơn, nuôi dạy con cái tốt hơn. Năm giữ ngũ giới chính là nắm chìa khóa mở toang cánh cửa hạnh phúc, đưa chính mình hướng đến chân thiện mỹ và sống một cuộc đời tràn đầy ý nghĩa.

Giá trị thiết thực của năm giới trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay
Trong thời buổi hiện đại hóa, mức sống con người ngày càng

được nâng cao nên những điều mới lạ, không tốt cho đạo đức giới trẻ cũng xuất hiện rất nhiều. Từ phim, ảnh đồi trụy đến những cách thức tàn sát sinh vật độc ác, tuyên truyền những hành vi đi ngược lại thuần phong, mỹ tục, thậm chí phản tiên bộ, đều tiềm ẩn những nguy cơ cho người trẻ. Khi giữ ngũ giới, chúng ta sẽ không giết hại vì tôn trọng mạng sống muôn loài, ý thức được khổ đau do giết hại gây ra. Do vậy, người giữ năm giới sẽ luôn sống an ổn, khỏe mạnh và không bị ai thù oán hay giết hại. Cũng từ đó, môi sinh được giữ gìn, xã hội và quốc gia, thế giới được an lành. Vì theo góc độ nhà Phật, không có loài nào chẳng tham luyến sự sinh tồn bởi niềm vui tương đối của chúng đều lấy sự sinh tồn làm điều kiện tiên quyết [23]. Khi chúng ta khởi tâm giết hại, bất chợt trong đầu nhớ nghĩ đến việc phạm tội luật pháp của Nhà nước, chỉ vì chút nông nổi mà sẽ phải chịu cảnh tù đày, thậm chí không còn cơ hội làm người thì sẽ không dám sai phạm nữa.

Của cải vật chất là ngoại mạng của con người, khi đương sự bị trộm cướp sẽ cảm thấy điều đứng, khổ não và thậm chí có những suy nghĩ tiêu cực mang đến những hệ lụy đáng tiếc xảy ra. Khi giữ được tâm không tham, không lấy vật của người thì chúng ta sẽ được bình an, tạo niềm tin cho chính mình, cho gia đình và xã hội khiến nhân cách ngày một thăng hoa, luôn được sự tín nhiệm của mọi người và có công ăn việc làm ổn định. Không có tâm tham thì của người không sanh tâm, của mình không bị lấy, không còn lo âu và sợ hãi, tránh được sự nghi ngờ của người khác.

Khi tuân thủ giới tà dâm, gia đình sẽ hạnh phúc, không có những chuyện cãi vã, ghen tuông hay oán ghét thù hận. Vì khi không chung thủy, đời sống hôn nhân lục đục, những cuộc cãi nhau hay ly dị làm ảnh hưởng đến con cái. Tình trạng đổ vỡ hạnh phúc lại phát sinh việc tìm kiếm những mối quan hệ mập mờ, không an toàn. Khi giữ được giới này, cuộc sống sẽ ngày càng ổn định, vợ chồng hòa hợp, yêu thương và nuôi dạy con cái chu toàn, làm tấm gương tốt cho thế hệ sau duy trì truyền thống đạo đức tốt đẹp đó. Đây cũng chính là bảo vệ danh dự, phẩm cách trên tinh thần thuần phong mỹ tục của đạo đức dân tộc. Qua đó không bị lãng phí tuổi đời vào những cuộc vui đam mê nguy hại, đánh mất tương lai và hạnh phúc gia đình.

Nói lời không thật là nguyên nhân của mọi rối rắm, bất an trong cuộc sống. Bởi chúng chia rẽ, làm đau khổ cho người và tự hạ thấp giá trị của chính bản thân. Nhất là thời buổi công nghệ thông tin,

nếu chúng ta đưa những thông tin sai sự thật, gây hoang mang quần chúng cũng là điều phi đạo đức. Đạo đức Phật giáo hay cũng chính là ngũ giới về việc phải nói lời chân thật là lời nói chân thành, nhã nhặn, đem niềm tin đến cho mọi người khiến con người đến gần nhau hơn. Có niềm tin, có hy vọng và có chân thật thì sẽ được tín dụng, thành công trong mọi lĩnh vực. Nhất là trong việc làm ăn kinh doanh, tinh thần hợp tác đầu tư chân thật sẽ mang đến những đối tác chân thật, sự nghiệp vững bền, phát đạt.

Trí tuệ là điểm quan trọng, nếu người không trí tuệ thì mọi sự ngưng trệ và đi sai lệch, còn với người có trí tuệ thì mọi sự hanh thông và đưa đến những thành công rạng rỡ, như trong ngôn ngữ Nga có câu: “*Người thông minh thì không làm việc gì mà không suy nghĩ*” hoặc Benjamin Franklin từng nói: “*Cánh cửa của trí tuệ không bao giờ đóng lại*”. *Kinh Pháp Cú* số 279 cũng có dạy các pháp đều vô ngã, khi đem trí tuệ soi xét được như thế thì sẽ nhàm lìa thống khổ, đó là đạo thanh tịnh [24].

KẾT LUẬN

Tóm lại, trong cuộc sống tương thuộc này, nếu chúng ta biết sống vì mọi người, giữ vững đạo đức hay thọ trì ngũ giới một cách nghiêm túc và xem đó là hàng rào vững chắc không để vi phạm thì xã hội luôn tốt đẹp, thế giới hòa bình. Đây chính là cuộc sống đạo đức cao quý, đem tình thương yêu đi vào cuộc đời và sống trọn vẹn trong từng phút giây. Chúng ta hãy tận dụng thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa để nâng cao sự hiểu biết, tiết kiệm thời gian và

nâng cao đời sống, đừng vì những thú vui và lối sống lai căng mà đánh mất đi những giá trị đạo đức tốt đẹp vốn có. Ở bối cảnh hiện đại, đời sống vật chất tiến bộ hơn ngày xưa rất nhiều, Ngũ giới trong Phật giáo được xem là linh được tinh thần giúp thiết lập một nếp sống quân bình và an vui cho con người trước những giông tố thời đại. Giữ được năm điều răn dạy ấy, mỗi chúng ta sẽ luôn hạnh phúc, gia đình ấm êm, xã hội thái bình và đất nước văn minh.

Toàn bộ giáo lý Phật giáo hầu như đều liên hệ đến đạo đức (hạnh phúc): “*Chư Tỳ kheo, xưa và nay ta chỉ nói lên sự khổ và con đường diệt khổ... Đức Phật ra đời là vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người*” [25]. Người thế tục nhờ tu dưỡng đạo đức mà hoàn thiện, Ngài tu tập đạo đức mà trở thành bậc đại giác ngộ, đem những lời dạy thiết thực vào đời cứu giúp chúng sanh được an vui và tìm lại bản tâm sau bao ngày lầm đường lạc lối. Đạo đức học Phật giáo qua Ngũ giới là thước đo tiêu chuẩn về đức hạnh con người, sự tiến bộ tâm linh của hành giả tu tập giải thoát. Đó là tiếng chuông thức tỉnh con người trở về tìm lại bản tâm thanh tịnh vốn có của chính mình, xây dựng nền đạo đức chung cho toàn nhân loại. “*Hương các loài hoa thơm Không thể bay ngược gió Hương của người đức hạnh Ngược gió khắp tung bay*”.

Chú thích:

* SC. Thích Nữ Huệ Nhật, Thạc sĩ Phật học (Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh).

[1] https://vi.wikipedia.org/wiki/Đạo_đức_học.

[2] Việt Tân và nhóm cộng tác (2013), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa,

Hà Nội, tr.200.

[3] Theo The Department of Buddhist Affairs (2000), *Ministry of Buddhasasana, Encyclopedia of Buddhism, Vol. V*, Tharanjee Prints, New Delhi, India, p. 144.

[4] Will Durant, Bửu Đỉnh dịch (2014), *Câu chuyện triết học*, Công ty sách Thời Đại và Nxb. Hồng Đức, tr.14.

[5] Xem Vũ Tịnh (1998), *Đạo đức học phương Đông cổ đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[6] Thích Minh Châu dịch (2013), *Trường Bộ Kinh, Tập I, Kinh Chùng Đức*, Nxb. Tôn giáo, tr.120.

[7] Thích Minh Châu (2002), *Đạo đức Phật giáo & hạnh phúc con người*, Nxb. Tôn giáo, tr.8.

[8] Nhiều tác giả (1995), *Đạo đức học Phật giáo*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.19.

[9] Thích Phước Sơn (2010), *Một số vấn đề Giới luật*, Nxb. Phương Đông, tr.11.

[10] Thích Hành Trụ dịch (1964), *Sa Di Luận Giải Thượng-Hạ*, Nhà in Sen Vàng, tr.6.

[11] Theo S. Tachibana (2013), *The Ethics of Buddhism, Cosmo Publications*, New Delhi, India, P. 65.

[12] Thích Thanh Từ (dịch, 2005), *Kinh Tăng Nhất A-Hàm, Tập I, Phẩm Ngũ Giới*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.184.

[13] Thích Minh Châu (1998), *Hãy tự mình thấp đước lên mà đi*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.57.

[14] Thích Phước Sơn (2010), *Một số vấn đề Giới luật*, Nxb. Phương Đông, tr.26.

[15] Thích Viên Trí (2019), *Ý nghĩa giới luật*, Nxb. Hồng Đức, tr.108.

[16] Khantipālo, Thích Chơn Thiện dịch, *Tìm hiểu đạo Phật (Buddhism explained)*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.148.

[17] Thích Trí Quang (2010), *Tổng tập Giới pháp xuất gia (tập 1 & 2)*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn, tr.27-28.

[18] Thích Thiện Siêu (2002), *Cương yếu Giới luật*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.227.

[19] Thích Thiện Hoa (2013), *Bốn phận người Phật tử tại gia*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.73.

[20] Thích Viên Trí (2019), *Ý nghĩa giới luật*, Nxb. Hồng Đức, tr.116.

[21] Thích Hạnh Bình (2008), *Y pháp bất y nhân*, Nxb. Phương Đông, tr.202.

[22] <https://phatgiaothanhhoa.com/cac-nha-khoa-hoc-noi-gi-ve-duc-phat.html> (truy cập 17/11/2020).

[23] Đại sư Ấn Thuận, Mật Nhân Đạo Quang dịch (2009), *Quan niệm của Phật giáo đối với các vấn đề xã hội quan tâm*, Nxb. Phương Đông, tr.157.

[24] Ban Giáo dục Tăng Ni Trung ương (2017), *Giáo trình Trung cấp Phật học - Kinh Pháp Cú*, Nxb. Phương Đông, tr.266.

[25] Thích Minh Châu (2002), *Đạo đức Phật giáo & Hạnh phúc con người*, Nxb. Tôn giáo, tr.7-8.

GIỌT VÔ THƯỜNG

Nhất Chi Mai

Tiếng tí tách giọt mưa nào vỡ vụn
Nghe lâm ly như một tách vô thường
Từng giọt nhỏ thấm vào miền đêm tối
Giác miên trường, trăng ghé một môi hôn...

Ta vén áo vắt chân “thiền” như lệ
Nghe sao rơi rơi tả ánh trăng ngà
Trong vô thức, ngôi sao nào vừa rụng?
Nhịp thời gian khe khẽ nhắc con mê...

Người lặng lẽ soi mình trong tâm khảm
Đêm chuỗi tràng châu từng nhịp chuông ngân
Nhành tâm thức lặng yên nghe đêm thở
Ta với tay vớt một dải trăng ngần

Mặt hồ ảo chòng chênh hương sen vỡ
Bóng trắng thanh diu dịu nổi mơ hồ
Chốn hồng trần, nhân gian còn mê ngộ
Màn kịch đời che giấu chuyện vu vơ

Ta vẫn đó, xếp bằng trên chánh điện
Bồng thương cho nhân thế cuộc hí trường.
Đạo nhiệm màu xua hết những thê lương
Biển phù du thành đóa hoa diệu ngộ.



MỘT NỬA HÀNH TRÌNH

Khánh Hạ

Ta đã đi nửa cuộc hành trình
Nơi ngọn đèn dầu leo lét rơi...
phân hai bờ ngưỡng cửa thực hư
Chiếc bóng sông soài cổ ghè chắc một bên
Và mỉm cười thách đố chuyện một mai...
Rồi ta sẽ ra sao?

Ái biết được rằng điều gì có thể và không
Chiếc quả lắc chỉ dừng lại nơi cuối cùng sợi dây
Ta dừng lại
Khi hơi thở hóa sương mây...
Những bon chen vất vưởng lắm khi tự mình vay mượn
Chẳng để làm gì!

Cuộc trần thế xô bồ muôn nẻo... lụy thân
Được - mất một phần... có - không một ngã
Chữ Ta-bà bẽ nát còn đâu
Ta đã qua nửa giấc miên trường
Còn nửa dặm đường trả lại phù du
Trả con hoang tục phàm trần trở
Đốt tham sân lẫn khuất bóng hờ
Một đóm lửa than xin gieo đêm trần hơi ấm...





HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

01

Vào trang web <http://butta.vn>

từ trình duyệt trên máy điện thoại:



02

Ấn nút



hoặc



03

Ấn nút

NHẬN

hoặc

Cài đặt

tại kho ứng dụng

04

Mở ứng dụng **Butta**, nhập các thông tin:

Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản

05

Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

quangminh

CANDLE



THƯƠNG
HIỆU
NẾN



ĐƯỢC
YÊU
THÍCH
NHẤT



quangminh
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715



Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn





Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

